TRI TÂN

XUÂN NHÂM NGỌ

1942

Năm thứ hai — Số 34
Giá : 0$60

XUÂN Nhâm-ngọ

THOI « thời - gian » thấm - thoắt trôi !

Sau 365 ngày vật lộn với cuộc sinh sống gay-go, chúng ta ngó lên cành đào trước làn gió nhẹ : Ô kìa, Xuân đã đem màu sắc phớt hồng tới trên cành hoa tươi-tắn ! Xuân đã truyền tân-sinh-khí đến tận búp non mơn-mởn xanh !...

Chúng ta đồng thanh reo mừng : Xuân đã bước vào ngạch cửa năm Nhâm-ngọ (1942) !

Phải, chúng ta reo mừng là phải.

Nghĩ lại tiết đông lạnh-lẽo : trải bao cơn gió căn-cắt, rét căm-căm, chúng ta sao khỏi rợn-rùng, hồi-hộp ?

Ngó ra bốn phương trời, sầm vần những đám mây chiến tranh buồn thiu, ảm-đạm, nặng trĩu nén trên tâm-trí người đời, khiến ai nấy cảm tưởng như sống trong bấp-bênh, trong mong-manh, trong tròng-trành chao-chát ! Trước hiểm-tượng thế-giới ấy, chúng ta sao khỏ thắc-mắc, lo-âu ?

Nhưng chúng ta vẫn cầm nắm và tự ủy bằng mấy lời cương-nghị của Thống-chế Pétain :

« ... Giữa tiết đông nghiêm hàn, ta nên tin tâm đợi chờ xuân đến... » (au plus fort de l'hiver, gardons intacte notre foi dans le retour du printemps ..)

Thì nay, khi xuân ấm-áp đã ủ-ấp cõi lòng ta ; hoa xuân rực-rỡ đã dâng cho tâm hồn ta những hương thơm yên-ủi ; gió xuân êm-dịu đã phớt bên cặp má ta mà vỗ-về, mơn-trớn, xóa nhòa những nét dày dạn phong sương ; cỏ cây xuân óng, tơ, tươi, đẹp đã trang-điểm bên lối ta đi bằng những màu sắc linh-lung, sán-lạn...

Vậy còn ngần-ngừ gì, trùng-trình gì, ta không hớn-hở đón Xuân với những nụ cười đầy hy vọng ?...

Vui mừng đi thôi ! Ca hát lên thôi ! Chúng tôi xin hòa giọng cùng các bạn thân yêu ngâm chơi mấy vần sau đây, trong lúc triện hương đang quện khói thơm, bông thủy-tiên đương dịu tỏa mùi hương nhẹ-nhàng thanh-nhã :

Hỡi khách nghinh xuân trong bốn bể !
Hãy cùng nhau vui-vẻ đón mừng xuân !
Vỗ tay reo vang dậy khắp xa gần !
Chúc xuân tới rắc mầm « thêm biết mới ».
Trên đường tiến-hóa mau đi tới ;
Trước gió thời-gian vững chẳng xiêu.
Xuân về, sáng rực, tứ xuân nhiều
Giữa những cảnh tiêu-điều trên trái đất :
Xứ xứ can qua, xương thịt chất !
Một lòng cầu Tạo-vật ny linh :
Thiều quang hứa-hẹn thăng-bình.

TRI-TÂN

Cung chúc tân xuân

Tri-Tân tạp-chí

NHỮNG NGƯỜI VIỆT-NAM TA Ở NGOẠI QUỐC

Cháu 22 đời vua Lý Anh-Tôn (1138-1175) hiện ở *Cao-ly*

NƯỚC Việt-nam ta với nước Triều-tiên, một nước ở về miền bắc hải, một nước ở về miền nam hải, xa cách nhau biết bao dặm khơi. Từ xưa, người hai nước được cùng nhau liên-lạc chỉ có các công sứ của hai nước cùng nhau gặp-gỡ ở Nam-kinh và Bắc-kinh Tàu, như bọn ông Vũ-Tá với ông Quyền-Thúc-Cường, ông Phùng-Khắc-Khoan với ông Lý-Toái-Quang và các ông Mạc-Đĩnh-Chi, Lê-Quí-Đôn ta với các vị sứ thần khác Xem trong những bộ sách như bộ *Triều kinh thi thiếp, Chi-phong tập* của người Triều-tiên soạn ra và các sử sách ta là biết rõ.

Năm 1914, tôi mới sang qua nước Triều-tiên xem chơi phong vật ở đấy. Khi tôi đi qua đất Bình-nhưỡng là một nơi đô hội cũ, có đến chiêm-bái lăng đức Cơ-tử. Tôi có đề một bài thơ như sau này :

Tam diện thanh sơn yểm lục đằng,
Tòng thu huất huất hộ di lăng.
Ngũ thiên vong mịnh đồng thân-thế.
Trấp kỷ Triều-tiên kỷ phế-hưng !
Như hử giang-sơn thùy tác chủ ?
Chỉ kim tang hải lệ nan thăng !
Thê-thê ngã diệc dương cuồng giả,
Quị độc tàn-bi, bách cảm tăng...

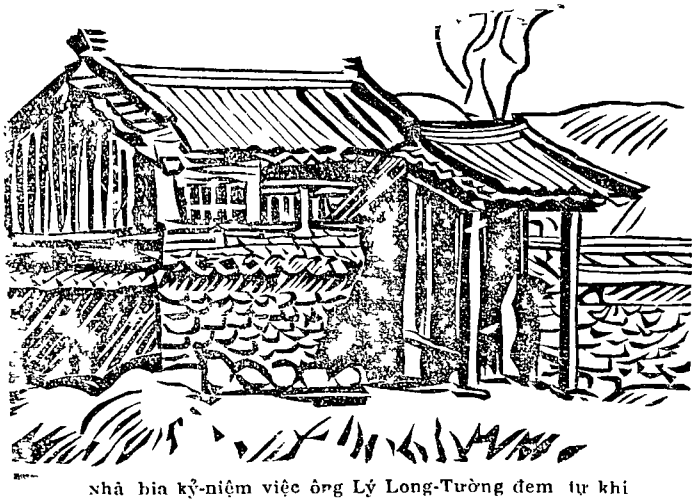

Nhà bia kỷ-niệm việc ông Lý Long-Tường đem tự khi trốn sang Cao ly rồi lập được chiến-công oanh-liệt.

Đại ý :

Lăng cụ Cơ-tử bát ngát những cây tùng, thu. xung quanh ba mặt đều là núi cả. Giống thân-thế ai, khách cũng vong-mạng sang nước Triều-tiên, một nơi đã trải bao cuộc phế hưng rồi !

Đối cảnh giang sơn này, thấy cơn dâu biển, khôn cầm nước mắt ! Tôi đây cũng là một kẻ dương-cuồng, không khỏi ngổn ngang trăm mối khi qui đọc tấm bia đã tàn ở mộ Cơ-tử !

Và tôi nói với các bạn người Triều-tiên rằng tôi là người thứ nhất bước đến đất nước ông Cơ-tử, có ý tự hào. Sau, tôi ở Tàu, nói chuyện với một nhà lão chí-sĩ Triều-tiên, ông có cho tôi biết rằng:

« Trước đây ba trăm năm, có một người Việt-nam, họ Nguyễn vượt bể sang nước Triều-tiên, ở tại quận Khang-linh, đạo Hoàng-hải cưới vợ ở đấy, Năm Nhâm-thìn nước Triều-tiên nhân có giặc giã, tức là hồi Phong-thần-Tú-cát sai tướng Thanh-Chính sang xâm lấn nước Triều-tiên, ông họ Nguyễn mộ tập lính hương-dũng để kháng cự quân giặc : đánh nhau được hơn.

« Sau khi giặc yên, triều-đình thưởng công lao của ông, cho ông họ là họ Lý.

« Nay con cháu ông trú ngụ và

Nhân câu « Tam thập lục cung đô thị xuân » trong thơ Tàu, tôi chợt nhớ đến « ba mươi sáu cái xuân tình » trong thơ ta, thơ lục-bát Kim-Vân-Kiều. Vậy xin chấp-nhặt biên tập ra đây đủ 36 chữ Xuân, để cống hiến bà con một khúc « Xuân-ngâm » trong buổi tàn-xuân năm Nhâm-ngọ.

36 cái Xuân đây, toàn là «Xuân chính-văn» của cụ Nguyễn-Du, không dám pha thêm một thứ « Xuân giả hiệu » nào cả. Tựu trung cũng có một vài chỗ bất đắc dĩ phải đảo ngược hay bỏ bớt cho được hiệp vận, xin độc-giả lấy « lượng Xuân » thể tất cho.

THI-NHAM

BA MƯƠI SÁU Tập

Ngày xuân đã dễ tình cờ...
Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng.
Đêm xuân ai dễ cầm lòng,..
Thưa hồng, rậm lục đã chừng xuân qua

Xuân thu cắt sẵn... hương trà,
Xuân lan thu cúc mặn-mà cả hai.
Chúa xuân đành đã có nơi,
Cành xuân đã bẻ cho người chuyền tay.
Khóa buồng xuân để đợi ngày,...
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần ?
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân,..
Xuân xanh xấp-xỉ tới tuần cập kê,
Tin xuân đâu dễ đi về,..

sinh trưởng ở quận Khang-linh và các nơi lân-cận đó rất đông, gọi là họ Lý Hoa-sơn » Nhà lão chí-sĩ lại nói : « Xét cái đầu đuôi ông Nguyễn đi sang Triều-tiên, con đường đi và chính tên họ ông là gì cho đến những sự sau khi giặc yên, triều-đình ban thưởng ông thế nào, đến nay trí nhớ không được rõ ràng, chờ sau khảo lại sử sách».

Nguyên - văn của ông chép đưa cho tôi như sau này :

« Tam bách niên tiền, Việt-nam nhân Nguyễn.. độ hải nhi vãng Triều-tiên, Hoàng-hải đạo, Khang-linh quận, thú Hàn nữ nhi cư - sinh hữu niên. Đương Nhâm-thìn, Oải loạn, tức Phong-thần-Tú-cát tống kỳ tướng Thanh-Chính xâm Hàn chi thì, Nguyễn-quân mộ hương dũng nhi ngữ địch, lũ chiến hữu công..

« Loạn bình dĩ hậu, triều-đình tưởng thưởng kỳ công tinh tứ tính Lý.

« Nhi kim hậu tôn chi cư sinh ư Khang-linh quận cập kỳ lân cận chi địa giả phả đa : xưng chi Hoa-sơn Lý-thị.

«Án: Nguyễn-quân chi bản-lai độ hải sự do, kinh-lộ, danh tự dĩ cập loạn bình hậu do triều-đình sở ban chi tưởng thưởng đẳng sự thực, chi kim ký ức bất thanh, sĩ tra sử chí. »

Ảnh ông Lý tích-Mô, cháu 22 đời vua Lý Anh-Tôn (1128-1475)

Đấy là sau khi tôi sang nước Triều-tiên đã về Tàu rồi mới được nghe người thuật lại cho tôi biết, té ra bên nước Triều tiên có nòi giống ta mà khi tôi sang đấy không biết mà tìm.

Mới đây, tôi có tiếp được một bài khảo cứu của ông Kim - vĩnh Kiện là người Triều-tiên đã lâu năm cùng tôi đồng sự tại trường Viễn - đông Bác cổ, do Tokyo gửi

(Xem tiếp trang 47)

CÁI XUÂN TÌNH

Kiều

Vườn xuân một cửa đề bia muôn đời.
Ngày xuân con én đưa thoi,
Hoa xuân đương nhị, cỏ dài ngày xuân.
Trước lầu Ngưng-bích khóa xuân,
Lòng xuân phơi-phới, chén xuân tàng-tàng.
Tiếc xuân một giấc mơ màng,
Trai tài, gái sắc xuân đương vừa thời.
Lượng xuân dù quyết hẹp hòi,
Cũng liều bỏ quá một đời xuân xanh.
Khúc đâu êm ái xuân tình,
Chúa xuân để tội một mình cho hoa.
Ngậm-ngùi xuân, những tiếc hoa,
Xuân-đình thoắt đã dạo ra cao-đình.
Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dưới đèn tỏ rạng... thêm xuân,
Giọt sương gieo nặng cành xuân la-đà.
Mười phần xuân có gầy ba...
Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân.
Một nền Đồng-tước khóa xuân,...
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

THI-NHAM

XUÂN NGẬP RỪNG XANH

NĂM ấy vừa được nghỉ tết, Khôi và Tân phải đi vẽ ở miền thượng-du theo sông Đà-giang (Rivière Noire).

Phong-cảnh mạn ngược quyến rũ hai nhà nghệ-sĩ, vì những lúc này tiết trời khô ráo, cảnh sắc rất nên thơ.

Còn gì sung-sướng bằng khi ngòi bút mỹ-thuật được họa những cảnh thiên-nhiên kỳ-diệu? Những dải núi liên-tiếp nhau, nhỏn cao, nhỏn thấp, phơi dưới ánh sáng mặt trời rực thành muôn nghìn màu-sắc xinh tươi êm-dịu. Nhiều cây trơ trụi cành lá đứng sững giữa đồi. Những cây đại-mộc hoa lá sum-sê đủ các hình, các kiểu. Những cây leo vắt từ cành này qua cành khác uốn thành cửa võng hay thõng xuống như chăng hoa trông rất ngoạn-mục.

Giòng sông chảy quanh co lượn theo chân núi như con rắn bạc lớn uốn mình theo dịp đàn muôn điệu của giọng thông reo, làn sóng vỗ. Bên sườn non một vài cô « Mán » lặng-lẽ đếm bước dưới hàng cây to hay đi cheo-leo trên những tảng đá lớn khác nào những chấm bút tuyệt-diệu rung-rinh trên bức tranh thiên-nhiên, mênh-mông, bát-ngát.

Tân ở lại « bản » dưới để vẽ các giống người ở vùng đó. Còn Khôi ngược thuyền lên « mường » trên tìm vẽ phong cảnh.

Hai mươi chín tháng chạp. Khôi còn phải đến ở trọ nhà cụ Hai người kinh buôn bán trên này. Cụ giới-thiệu với khôi cậu Lý, con gia-cụ, bằng tuổi Khôi và Kiều-Minh, con gái cụ, đã theo học mấy năm ở Hanoi, nhưng nhà vắng cụ bắt về giúp cụ buôn bán. Lúc đầu họ còn bỡ ngỡ, nhưng sau chuyện trò mỗi lúc mỗi thêm thân-mật.

Sáng hôm sau, Khôi ra rừng tìm chỗ vẽ. Buổi trưa hôm đó, Khôi ở lại ngoài rừng, sợ đi về thêm mệt và mất thì-giờ.

Chiều tối, Khôi mới về, thấy bàn ghế đã bày đặt lại : một cành đào to cắm giữa nhà trên bàn thờ, khói hương sực nức. Bà cụ và hai con đương kính cẩn lễ.

Một phút yên lặng đầy sự thành-kính. Khôi bồi-hồi nhớ đến quê nhà mà giờ này cũng đèn nhang nghi-ngút. Ôi! ngày tết có bao ý-nghĩa thiêng-liêng, phải chăng là ngày hội-họp của mỗi gia-đình và tỏ lòng thành kính, ghi nhớ tiên-tổ?

Một tràng pháo giao-thừa đi-đẹt ở nhà bên cạnh báo tin xuân đã đến. Khôi choàng dậy với những bâng-khuâng ở quê người.

Trong « bản », tiếng cồng pha tiếng trống vang động cả một góc rừng. Theo lệ thường dân thổ rủ nhau đến nhà « Tào bản » để cùng ở đó thưởng xuân.

Hiếu kỳ, Khôi và Lý cũng ra đấy góp vui và xem các trò lạ. Theo tiếng đàn những cô gái cùng các bà « kỳ mục » múa hát hay bên nam bên nữ chia phe đánh côn, đánh đúm.

Hôm sau, Khôi ra rừng vẽ. Kiều-Minh và Lý cũng theo chơi.

Cảnh đẹp trời xuân biết bao hứa-hẹn. Hồn nghệ-sĩ lâng-lâng theo dõi sắc hình.

Kiều-Minh vô tình đứng tựa bên gốc cây cổ thụ đang mải ngắm làn nước suối. Khôi ngạc nhiên la lớn : « Một bức tranh, một bức tranh xuân! » Rồi Khôi yêu-cầu nàng đứng để vẽ. Khôi cầm bút phác ngay lên vải, lòng hồi hộp, tay run-run trước cảnh, trước người.

Được mấy hôm Khôi sống hoàn-toàn cho nghề : ngày vẽ, tối về lại đồ tranh lên lụa hay ngắm lại các điệu bộ và màu-sắc cho được dung-hòa.

Ngay đêm sau khi vừa vẽ xong bức tranh, Khôi được giấy cần-kíp báo bạn Tân ốm. Khôi phải đi ngay trong đêm, xuôi xuống xem sự-thể ra sao. Nào ngờ Tân mệt nặng đã mấy hôm vì không quen thủy thổ. Khôi đành viết thơ cám ơn và từ-giã gia-đình cụ Hai mong lại có ngày tái-ngộ.

Ngay trong đêm, Khôi đưa bạn xuôi thuyền ngay về tỉnh để chữa chạy, bỏ lại đằng sau tiếng gọi âm-âm của rừng thẳm và khí xuân ấm-áp trong gia-đình cụ Hai.

TRỊNH-VĂN

Thống-Chế Pétain đã nói :

Ngày nay thời kỳ lầm-lỡ đã qua. Song còn nhiều người ngông cuồng vẫn mơ tưởng đến sự tái-hồi của một chế độ mà họ đã lợi dụng. Tôi-chắc rằng Cách mạng quốc-gia rồi đây sẽ giữ phần thắng-lợi cho nước Pháp ở Âu-châu và thế-giới.

HOÀI XUÂN

Bài hát của nhà thi sĩ **Trân** *do* **Mai - văn - Bộ** *dịch lại*

Âm - nhạc của **Sou - min Chou** *do* **Lưu - hữu - Phước** *chép lại*

Gió cuốn lá vàng cuồng quay dưới

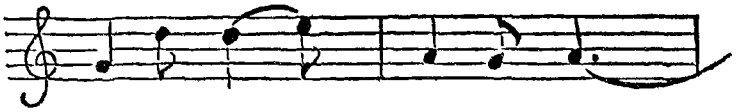

trời, Kim - ô xế - tà đầu rừng

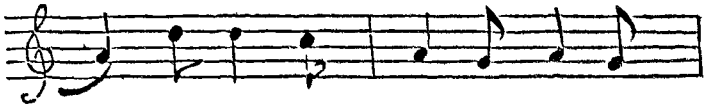

Yêu - đương, mơ - mòng thời xưa rồi

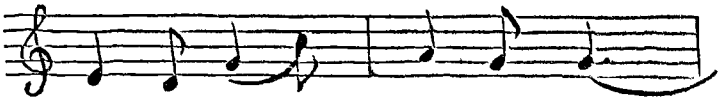

bời. Nào ai tiếc khi thanh - xuân ?

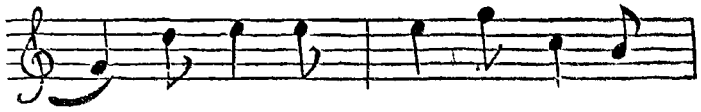

Niên thiếu khuất bóng, tóc sương vì

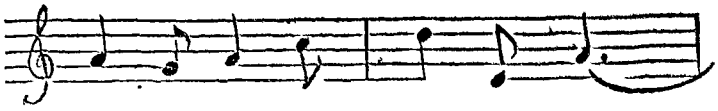

sầu. Thời giờ đem đến già - nua

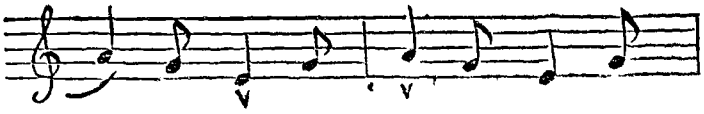

Quãng đời niên thiếu, dẫu mà ta

giàu, Ta khôn lấy vàng mà mua !

Lời dẫn

CÁCH đây hơn nửa thế-kỷ, thi-sĩ Trân, vì cảnh-ngộ ngửa-ngang, phải trôi - dạt một phương trời xa lắc... Gửi thân đất khách, thi-sĩ từng sống những mầu đời chìm, nổi, lênh-đênh !

Một xuân đến ! Thi-sĩ đối cảnh, xúc hoài, cảm thấy quãng đời niên thiếu băng-hái đáng quí của mình đã chìm trong bóng tối thời-gian, nên viết bài thơ sau này để mong tiết bớt nỗi lòng ưu-uất. Bài ấy được văn - giới đương-thời, nhất là vào khoảng năm 1885, hoan-nghênh nhiệt-liệt. Sau, một nhạc-sĩ thích vì lời đẹp, văn hay, đã diễn vào âm - nhạc.

Nay ông Lưu - Hữu - Phước chép lại bài ông Mai-văn-Bộ đã dịch ra việt-văn và đã phả vào bản đàn tây.

Nguyên-văn chữ hán

Tê phong sạ khởi, huỳnh diệp phiêu.
Nhật lạc thụ lâm sao !
Hoa sự thông-thông, mộng ảnh điều điều !
Linh-lạc bằng thùy điếu ?
Mộng lý châu nhan, sầu biên bạch phát !
Quang-âm ám thôi nhân lão !
Tủng hữu thiên kim, tủng hữu thiên kim,
Thiên kim nan mãi niên-thiếu !

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng
học trong bộ
HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ'
soạn giả : **LÊ-THƯỚC**
Giải nguyên, giáo sư bắc thành - chung
Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p.60 — Cước 0p 38
Đề cho : hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bông — Hanoi

DỊP ĐÀN XUÂN

TRÊN một quãng đường miền rừng núi, khách du-xuân say sưa vẻ đẹp thiên-nhiên của chúa Xuân đã an bài trong vũ-trụ, không khỏi không dừng chân đứng ngắm cái xảo diệu của Hóa công.

Dưới đất cỏ non xanh biếc hòa với lúa, cây thoi thóp bên cồn. Nhà tranh mấy xóm điểm trên tấm thảm màu xanh. Một màu xanh lại càng xanh biếc, cạnh rừng thông bát ngát bao-la... Quanh đồi tre rườm rà cành lá dưới chân núi đá rêu phong, trùng trùng điệp điệp.

Ngoài nội cỏ, suối chầy ỳ-ầm, phun tiếng địch véo-von trên các tảng đá, phản chiếu ánh sáng êm dịu của mặt trời xuân...

Trên đèo cao, đàn dê chạy nhảy, đùa rỡn với nắng xuân ấm-áp.

Chim oanh ríu-rít trên cành, chào đón xuân mới.

Bên sườn núi, chú tiều lom-khom dưới bóng cây xanh.

Mục-đồng vài gã, ngồi trên lưng trâu, vừa thổi địch, vừa véo-von hát, khiến khách qua đường lại nhớ đến nhà ẩn-sĩ Bách-Lý-Hề.

Thỉnh-thoảng xa đưa tiếng hát của mấy cô hái chè rung động tâm-hồn xuân khách.

Cảnh-vật dưới mặt trời xuân có vẻ hữu-tình, nhắc ta nhớ đến câu thơ của Tô-Lân :

Cận thủy lâu-đài tiên đắc nguyệt,
Hướng dương hoa thảo dị vị xuân.

(Lâu đài gần nước thì được thấy bóng trăng trước. Hoa cỏ hướng về phía mặt trời thì dễ có vẻ xuân).

Ánh dương rọi xuống mặt đất, đem sinh-lực cho vạn-vật, ban sung-sướng cho chúng-sinh.

Không-gian sáng sủa lại càng tăng vẻ đẹp của ngọn cỏ, lá cây trong đồng nội xanh xanh mơn-mởn, điểm thêm nhiều hoa thơm, sắc lạ, bướm rỡn, ong vờn !

Đối cảnh, khách càng sinh vô hạn cảm, nhân nghĩ :

Xuân là màu sắc của tuổi trẻ, là thời-kỳ tự do, vui-vẻ, hào hùng... Hãy khôn-ngoan hơn các nhà hiền-triết : phải biết tươi cười ! phải biết quan-sát cảnh đẹp thiên-nhiên của vũ-trụ.

Nhưng nếu chỉ biết thưởng-thức cảnh đẹp của cây cỏ trong cõi vu-khoáng tịch-mịch, chưa phải là hưởng thú hoàn-toàn.

Tịch-mịch, im-lặng sẽ sinh ra ủy-mỵ.

Sáng sủa, tươi-đẹp, thơm-đượm ? Chưa đủ ! Lại cần có tiếng hát để rung-động tâm-hồn. Những câu thơ biểu-lộ vẻ đẹp của chúa Xuân dễ khiến người đời cảm-xúc, phấn khởi dấn bước trên đường tiến-thủ để khỏi phụ với tuổi xuân là tuổi khó được hai lần (*Thanh xuân nan tái đắc*).

Một khi đứng trong thôn-dã, được nghe các cô xuân-nữ cất giọng mộc-mạc ngây thơ, cùng nhau ca hát, lúc lên bổng, khi xuống trầm, dưới trời xuân êm-dịu, ta có thể tưởng-tượng họ sống riêng một vũ trụ mà những nỗi ưu-hoạn phải nhường cho tươi, đẹp, trẻ, vui. Hình như tiếng hát hòa theo dịp đàn xuân của Tạo-hóa mà thấm lọt vào tận trong huyết-quản khách du-quan làm cho lưu-thông một sinh-khí đầy tươi mới...

Tuổi xuân nghe hát trong mùa xuân có thể thâu thái được đồ linh-lương bồi-bổ cho tinh-thần, để phát-siển ý-kiến hay, tư-tưởng đẹp.

Muốn có chí cao-siêu, cần phải sống trong một vùng không-khoáng. Một chứng cớ : Vĩ-nhân các nước phần đông sinh-trưởng tại nơi sơn-dã rộng-rãi bao-la...

Dân quê hằng ngày tản-nát trên cánh đồng hay trên đồi núi, trong óc có quan niệm riêng về vũ-trụ, có cảm-tưởng luôn luôn tươi đẹp như hoa cỏ mùa xuân.

Đường đi, hai bên hoa thơm, cỏ ngát, đồi núi cỏ lá xanh um đã tạo nên cho nông dân

CỦA VŨ-TRỤ

một triết-lý sâu-sắc.

Quyển sách vũ-trụ không cần phải phô-diễn nhưng đầy những thơ-văn, lịch-sử, cái hay đã lắm, cái đẹp lại nhiều, như vẻ đẹp mùa xuân bao lần đi đi lại lại.

Xuân đẹp ! Xuân vui ! Thơ xuân không ủy-mỵ, không làm cho quần-chúng phải đau thương, không gợi lòng âu-sầu các quả-phụ, nhưng trái lại, gieo vào óc người đời những hy-vọng mạnh-mẽ.

Câu hát mùa xuân giục người gửi vào biết bao hi-vọng, hi-vọng rực-rỡ, hi-vọng tương-lai tốt-đẹp, hi-vọng đoàn-viên, hi-vọng tái-ngộ. Nhờ có hi-vọng, người ta quên những đoạn đời cùng-quẫn, khó-khăn.

Một thiếu-phụ Ấn-độ bị giặc bắt giam cầm bẩy năm tại một nơi hiu-quạnh. Vì thơ xuân còn trong ký-ức từ lúc ra đi, nàng nuôi hi-vọng chóng được thả về, nên trong cảnh cô đơn, nàng được vô-cùng yên-ủi. Người chồng cũng nhờ thơ xuân mà xưa kia đã từng cùng vợ hòa vui, nên ngày lại ngày, năm lại năm, yên tâm chờ dịp trùng-phùng. Rồi bẩy năm qua, hai vợ chồng lại được đoàn-tụ : Cái giờ sung-sướng làm tiêu-tán những nỗi nhớ-nhung trong bẩy năm xa cách. Bẩy năm không còn lưu lại một di-tích gì hơn nữa là ảnh-hưởng thơ xuân : thiếu-phụ không vì âu-sầu trong khi giam - cầm mà phải giảm xuân sắc như câu cổ-thi đã tả : *Hồng-nhan tam xuân thụ, lưu quang nhất chức qua.* » (Má hồng như cây trong mùa xuân, bóng sáng chạy qua vùn - vụt như người ném cái thoi dệt cửi.) Còn chồng thiếu-phụ vẫn giữ tấm lòng kiên - trinh đối với bạn trăm năm. Hai bên vẫn trong-sạch như nước suối qua ghềnh. Chung-quanh cặp uyên-ương mới đoàn-tụ, cảnh vật vẫn xuân : trong vườn, hoa quả sắc tươi, hương ngát, chim oanh ríu-rít trên cành, một thứ chim đã từng năm năm thông báo cho cặp uyên - ương biết tấm lòng trinh bạch tươi-sáng của đôi bên trong lúc biệt-ly, tươi sáng như cảnh-vật mùa xuân.

Chim làm bí-thư, làm thông-tin, liên-lạc các tình - cảm của vũ-trụ. Trên bể ái-tình, trong vườn xuân hoa thơm, cỏ ngát, chim đem lại sự trẻ vui với tiếng hót thanh-thanh.

Trong khi hót, chim không thể xa lìa hoa quả. Ong làm mật không thể không gần hoa. Thi-sĩ không đối cảnh không có thơ hay, cho nên thời thường thi-sĩ hái hoa xuân để tặng tư-tưởng mình.

Bao nhiêu anh - hùng, bao nhiêu sự - nghiệp, bao nhiêu hương thơm của thời-đại đều chung-đúc vào màu-sắc của cây cỏ, vào dịp đàn của Tạo-hóa, vào câu văn, tiếng hát của nhân loại dưới ánh sáng mặt trời xuân...

Xuân là thế ! Ảnh - hưởng xuân là thế, cho nên vui xuân vui lấy kẻo hoài mất xuân...

NHẬT-NHAM

Xuân cảm

MIỄU

Xuân đi, xuân lại trở về,
Hỏi rằng : xuân có ý chờ đợi ai ?
Xuân-đình lần lữa hôm mai,
Chơi xuân, chơi lấy kẻo hoài xuân đi...

NÓI

« Bộc-trúc nhất thanh trừ cựu lạp,
« Đào - hoa y cựu tiếu đông phong. »
Chốn xuân - viên, nghìn tía, muôn hồng,
Xuân-sắc khéo trêu lòng người du tử !
Đón chúa Xuân chào mừng hớn-hở,
Cảnh xuân vui, vui khắp vũ-trụ có riêng ai !
Gặp ngày xuân, chơi lấy kẻo hoài ?
Nào những khách hoài xuân ai đó tá ?
Cuộc nhân - thế, bóng thiều-quang bao nả ?
Ngẫm thanh - xuân tấc dạ những bồi-hồi !
Chữ rằng « xuân bất tái lai »

Nhật-Nham
TRỊNH-NHƯ-TẤU

xuân về...

LẠI một lần nữa. Xuân về! Một lần nữa, thiên-hạ hớn hở chao đón Xuân sang.

Vị lão-thành trịnh-trọng đón *Xuân*, với chậu cúc đã vun giồng uốn nắn rất công phu, với giò thủy tiên đã tỉa gọt bằng tất cả tài-năng nghệ thuật, mặc dầu mỗi một xuân sang là một đoạn đời thêm cằn cỗi.

Người thiếu nữ đứng trước gương trong, vui tươi với *Xuân* bằng những nụ cười hồn nhiên thành thật...

Kẻ giầu-sang đều hí hửng thưởng *Xuân* trong tất cả những sự cực-kỳ xa hoa đài điểm và con người nghèo khó cũng lấy làm hân hoan sung sướng cùng *Xuân* khi đưa mắt ngắm nghía cái cột nhà hay bức vách loẹt-loẹt có gián những giấy « hồng điều ».

Xuân là một bậc Thiện-thần, Xuân là một vị cứu tinh. Xuân trở lại với tất cả những vỗ về an ủi, những dỗ dành, khuyên nhủ, với tất cả những điều hay ho tốt đẹp, dành để ban phát cho hết thảy mọi người.

Cho nên, ở Xuân, người ta gửi bao hi vọng...

Đêm tận cùng của một năm là đêm ba mươi tháng chạp. Trong sự tối đen u uất của đêm ấy, tưởng chừng như có chứa đầy những sự ăn năn, những điều lầm lỗi, những hành vi tàn ác của bao người đã nản lòng thoái chí, đã hằng sống vô vọng xuốt một năm qua.

Đêm ấy buồn tẻ, nặng nề bao nhiêu thì từ lúc giao thừa, đến ngày hôm sau được tưng bừng êm nhẹ bấy nhiêu. Bao người cùng nhận thấy tâm hồn mình được trong sạch, thần trí mình được vững bền, vì tin tưởng rằng Xuân về đã có thể cả tạo được cuộc đời sống từ đây.

Xuân có tính cách thiêng liêng mầu nhiệm gì mà khiến cho người ta phải dốc lòng tin ngưỡng ?

Cớ sao ta không chịu tin ở ngày mai tốt đẹp của ta, cũng như ta đã tin cậy ở xuân ? Ngày mai cũng có thể là những ngày xuân sán lạn dễ khuyến khích lòng người thêm phấn khởi. Một khi đã tính làm tròn phận sự, ta sẽ thấy hết thảy cái gì cũng đượm ý xuân, xuân ở chung quanh ta, xuân ở cả trong cõi lòng ta, xuân ở cả trong trí óc ta.

Nếu ngày nay trót lỡ lầm lỗi ta nản lòng, ta vẫn có thể tìm ngay một ngày mai để sám hối và nguyện luôn luôn đem năng lực ra phấn đấu, mong vượt hẳn những nỗi trở ngại, khó khăn mà làm xứng đáng nhiệm vụ.

Lúc này phải đâu là lúc ta những do dự rụt rè. Giờ này là giờ mà ta cần phải cương quyết, luôn luôn đem hết nghị lực ra để hoạt động, để ganh đua, để phụng sự...

Ta chậm ngày nào, tức người khác sẽ hơn ta ngày ấy, và họ sẽ còn đi xa ta nhiều mãi. Hỏi ta còn có thể đuổi kịp họ được chăng ?

Thì, hãy tiến bước mau lên, các bạn !

CÂY THÔNG

Tổ-tôm phú

Quan « *làng chơi* » hai vần. Thuận áp

CHIẾU giải trên giường ; năm người thành *làng*.

Trăm hai mươi quân ; phu dọc, phu ngang.

Hàng vạn, hàng văn, hàng sách, hàng thập ;

Ù lèo, ù tôm, ù thông, ù suông.

Tứ trụ thì không cứ Cần - chính, Văn-minh, lầu son gác tía.

Tam khôi thì không cứ Trạng-nguyên, Bảng-nhỡn, bia đá bảng vàng.

Hay là Ám-phủ ôm sẵn có cột cầu, làm giai phải biết.

Thôi đừng ngại chị em cười cũng như sóc-đĩa, hồ thiếp xin mang.

Con mắt đủ mười ; đứng dậy trông người :

Gần-gũi năm cõi, đua - chen năm loài.

Yếu thua mạnh được ; biết bao nhiêu là trò chơi. Người thì vượt tàu giữa bể khơi ; sao chúng ta *chèo đò* trong xó ngòi.

Người thì chụp ảnh giữa khoảng giời ; sao chúng ta *treo tranh* vách đầu hồi !

Lập thân cốt phải *có lưng*, đương chờ *bạch thủ*.

Sinh dương hẳn nghe *ù* sấm ; phải dậy *thiên khai*. Tổ chúng ta là rồng bay ; chứ không phải là *tôm* ngoi !

Anh, chị, em ơi ! *vất bài* đi thôi ; thử giơ tay múa trên vũ đài.

BÙI-TRỊNH-KHIÊM

NGÀY TẾT «LỊCH-SỬ»

HOA-BẰNG

XUÂN đến ! Quanh bên ta, đóa kim cúc nhoẻn cười với một dáng vẽ ngạo sượng ; bông thủy - tiên cánh trắng nhị vàng thoang - thoảng tỏa một mùi thơm mát dịu . . . Chúng ta được ủ-ấp trong hương sắc xuân.

Gảy bài đàn hùng tráng, tinh thần phấn-khởi phát-dương . . .

Ngâm mấy vần thơ phiêu-dật, vui tươi, tâm hồn được nâng lên cõi trong sáng, lãng lâng, thư xướng . . .

Trong khi ai nấy đương trầm trồ rốc chén hương xuân, hớn hở khoác áo màu xuân này, chúng ta không khỏi trạnh nhớ đến những cái xuân quá khứ : có khi lòng ta phải se lại vì những nỗi hồi-hộp kinh-hoàng, nhưng cũng có lúc ta được hăng-hái phớn-phở vì những nét liệt-liệt oanh-oanh còn in trên mực đen giấy trắng.

Chỉ từ mồng một là ngày đầu năm xuân thủ đến mồng bảy là ngày *khai ấn hạ tiêu* (khai hạ) đã có biết bao sự biến tày trời, biết bao chiến-công hiển-hách đáng ghi nhớ . . .

(Xin coi thêm bài «*Trong tháng xuân, ngày xưa ta làm những việc gì*» của ông bạn Long-Điền ở trang 37).

Một bọn Hoa-thương khởi ngụy giữa mồng một tết !

Cách nay ngót 200 năm, cũng vào ngày mồng một tết, nhưng là mồng một tết năm Đinh - mão (1745) tại Gia-định đã xảy một việc âm mưu phiến loạn, mà việc biến động này lại do bọn Hoa-thương gây nên !

Nguyên Lý văn-Quang là một tên thương-khách Phúc-kiến, ngụ tại Đại-phố (1) thành Gia-định, làm nghề buôn bán.

Bấy giờ Đại-phố thuộc ~~dưới~~ trị quyền chúa Hiếu-Võ (1739-1765) nhà Nguyễn.

Thấy nhân dân hồi ấy đang sống trong cảnh thái-bình, không biết đến việc binh, Quang cho là một dịp tốt có thể khởi sự được.

Quang bí mật tổ chức một đảng đến hơn 300 người, rồi tự xưng là Đông-phố đại-vương, dùng Hà Huy làm quân-sư, Tạ-Tam làm tả đô - đốc, Tạ - Tứ làm hữu đô - đốc, ngầm tính những việc khuấy nước chọc trời.

Võ-tướng bên Nguyễn có ông Nguyễn Cư-Cần là một tay dũng mãnh hơn người và giỏi võ nghệ bấy giờ đang làm khâm-sai cai-đội, tước Cần-thận hầu, đóng ở Trấn-biên-doanh.

Ông Cư-Cần là một nhân vật đáng sợ ~~trong con mắt~~ bọn Lý văn-Quang.

Chúng nghĩ mưu trước hãy trừ được ông đi, thì sẽ thành công ~~cách~~ dễ dàng.

Tết Đinh-mão (1745) ~~đã~~ tưng bừng ~~đến với dân chúng~~. Từ châu-thành tới quê thôn, từ các nhà chuyên-trách đến nhân dân, ai nấy ~~hòa theo tiếng vui reo của dịp nước quanh Kê-châu (2)~~ tấp - nập trong cảnh đón mừng xuân mới.

Bọn Quang rập nhau cử sự :

Đặt sẵn quân phục ở trong phố, chúng đem hơn 50 tên dũng cảm bận áo đẹp và mang theo lễ vật, giả làm bọn người đi lễ tết, đàng-hoàng tiến vào ~~nhà ở~~ trong trại Cần-thận-hầu, nói là năm mới đi đến mừng tuổi.

Nhân lúc không ngờ, bọn hơn 50 tên ấy rút đoản - đao ở trong tay áo ra, xông vào chém Cần-thận-hầu.

Tuy bị thương, ông Cần cũng vùng chạy đến bên vách, rút thanh bốc-đao ở trên giá, giết được 5, 6 tên giặc.

Rồi chúng tự rút ra ngoài, ùa vào trong trại quân, cướp lấy súng dài, chia ra hai mặt ập lại hỗn chiến.

Xem tiếp trang 16

1/ Đại phố châu lại có tên khác là Đông phố hoặc Kê châu.

2/ Vì hình thế chỗ đất Đại phố này trông như bông hoa vòn nước, nên mới gọi là Kê châu.

NGŨ TỬ - TƯ

(Kịch lịch-sử bằng thơ)

XUYÊN-HỒ viết

Một hồi, bốn cảnh

(Kịch xảy ra triều Ngô)

NHÂN-VẬT

Phù-Sai, *vua nước Ngô*
Tây-thi, *cung-phi của Ngô-vương do Việt-vương Câu-Tiễn tiến dâng.*
Ngũ Tử-Tư, *tướng-quốc, trung-thần nhà Ngô.*
Bá-Hy (1), *thái-tể nịnh-thần nhà Ngô.*
Văn-Chủng, *tổng-lý quốc chính, sứ-thần nước Việt.*
Tiểu-Đồng, *hầu Ngũ Tử-Tư*

CẢNH THỨ NHẤT

Lớp một

PHÙ-SAI — TÂY-THI — NGŨ TỬ-TƯ
BÁ HY

PHÙ-SAI.
Chư khanh! nước ta sẽ không
bao giờ chết.
Vua say vui rồi dân cũng say vui.
Và chư khanh không lẽ không tươi
cười,
Khi lòng trẫm chứa đầy bao lạc-thú
Trẫm muốn đổi cho dân-tình khác
cũ;
Trẫm vui cho dân bắt chước yên
vui
Và chư khanh khá như trẫm tươi
cười:
Xuân trong hạ, xuân trong đông,
ngắm xuân đi chan-chứa;
Xuân mãi mãi ngập trong phòng
ngoài cửa
Một triều xuân và một nước xuân
tươi,
Một mùa xuân!

NGŨ-TỬ-TƯ.
Dưới bệ rồng ngu thần phủ phục
Xin tâu cùng Bệ-hạ biết qua-loa:
Trong triều-đình hỗn-độn, bách tính
kêu-ca.
Nỗi thống khổ rung lòng tiện-sĩ.
Thần lo-lắng khi một lần hoan-hỉ
Bệ hạ quên mà chỉ thấy xuân tươi
Dưới bệ rồng, ngu thần phủ phục.
Mà tâu rằng xuân chỉ một mùa thôi.
Chín chục thiều quang rồi sẽ cùng
trôi
Theo tương lai nước nhà, nếu xuân
trong triều có mãi.

BÁ-HY
Tâu bệ hạ, nên vui xuân là phải.
Thần chúc xuân trong bệ hạ sống
muôn năm;
Và Cung-phi đẹp mãi như trăng
rằm.
Thực, vua xuân, tôi xuân, triều-
đình đẹp-đẽ.

PHÙ-SAI
Khanh nói phải với những lời văn-
vẻ,
Khanh thực đáng làm Thái-tể cho
quần dân.
Và Trẫm ban cho khanh cốc rượu
xuân.
Khanh hãy ước cho triều-đình xuân,
mãi.

NGŨ-TỬ-TƯ
Tâu bệ hạ, nếu một ngày xuân chết?

TÂY-THI
Nhưng mà người lão thần nên biết:
Xuân không tàn.

PHÙ-SAI
Mà xuân có tàn đâu.

TÂY-THI
Bệ hạ ơi! buổi chầu đã quá lâu.
Thiếp cảm thấy tâm hồn hơi mỏi
mệt.

PHÙ-SAI
Trẫm đã bảo xuân không bao giờ
chết
Khi bãi trào khuyên chư khanh
cứ yên vui

(Phù-Sai, Tây-Thi vào)

Lớp hai

NGŨ-TỬ-TƯ. BÁ HY

NGŨ-TỬ-TƯ
Ôi! những kẻ nịnh-thần!

BÁ-HY
Kìa những thằng hư lão.

NGŨ-TỬ TƯ
Dám phụng-sự bạc vàng mà quên
nước, quên dân!

BÁ-HY
Đã múa mồm triết-lý với xuân tươi

NGŨ-TỬ-TƯ
Dám tươi cười quên mình trong
nhục-nhã.

BÁ-HY
Phải, ta tươi cười, còn nhà ngươi?
(Hạ màn rất nhanh)

CẢNH THỨ HAI

Phù-Sai — Tây-Thi

TÂY-THI
Triều thịnh-trị, rượu say, lòng
choáng-váng.
Hương sen nồng giọng sáo gọt
không-gian,
Êm như ru,
Ai ru em mãi tới cảnh tàn.
Êm-thấm quá trước giờ trăng liếc
bóng.
Tâu Bệ-hạ, nghĩ lo gì? Kìa gió sóng
Về dập-dờn khuyên kẻ ái-ân say,
Sóng dập-dờn, gió bỡn-cợt, kìa
rèm lay!
Sóng gió gợi lòng em thêm cảm
hứng.
Một phút vui vầy bằng mấy năm
lững-dững.
Vui . . . . . .

PHÙ-SAI
Gắng vui nữa nàng ơi!
Trẫm muốn say-sưa chết giữa nụ
cười.
Ai cho trẫm ngủ ngàn năm trong
khóe mắt;
Một hơi thở của nàng bạc vàng
không đắt
Một tiếng cười xinh-xắn sáng thoát
làn-môi.
Ai dâng lên giữ mãi trên đĩa đồi-
mồi,
Cho khói tỏa lư trầm quấn-quýt.
Nàng đẹp quá! Khanh ơi! Nàng
ơi, tha-thiết!
Đây người trần hay cả một tiên-
nga,
Đây trong vời như cả một lời ca!

TÂY-THI
Và đây nữa tiếng chim chiều đương
giục-giã.
Và đây nữa ngát hương tình, tâu
Bệ-hạ,
Khúc nhạc chiều dẻo-dắt thêm tô-
điểm lòng ta.

Khúc nhạc chiều ! ! !

PHỦ-SAI

Khúc nhạc chiều !...

TÂY-THI

Còn tô điểm lòng ta.
Và đôi ta ca mãi khúc tình ca.

PHU-SAI

Ừ ! Khúc tình-ca.

TÂY-THI

Nhưng tiện thiếp có lời tâu Bệ-hạ,
Việc triều chính đã lâu nay thiếu người chủ tọa !

PHU-SAI

Thì khanh lo việc ấy làm chi ?
Việc trong triều ta đã có Bá-Hy.
Người tôi ấy đáng tay cầm quyền cai-trị
Nhưng việc triều sao khanh đà vội tính
Hãy cùng ta cạn chén để say tình,
Để đua cùng hương ngát giọng chim xinh.

TÂY-THI

Giọng chim xinh lạc nẻo giữa hương tình.

PHỦ-SAI

Giữa hương tình đôi ta cùng lạc ý.
Ngợp hương tình ta biết nói năng sao ?

TÂY-THI

Nhưng cúi tâu, lòng thiếp có yên nào !
Đầy ân ái nhưng thiếp còn phiền muộn
Xin Bệ-hạ chỉnh cho như lời thiếp muốn
Là gạt phăng thẳng phẳn tặc ra ngoài.
Thằng giặc già...

PHỦ-SAI

Nhưng nó chính là ai ?

TÂY-THI

Là một kẻ tử thù cùng tình ái ?
Đã bao lần nó rắp tâm phá-hoại,
Muốn dứt đường ân-ái của đôi ta.
Lưỡi kia sao còn khéo uốn giọng kêu-ca.
Thiếp chỉ sợ một ngày kia rồi liễu yếu
Bị dập vùi sau những lời tâu khéo
Bên bệ rồng của đứa,

PHỦ-SAI

Đứa ?

TÂY-THI,

Tử-Tư.
Và lần đầu sau thiếp thấy lo-âu
Cho giấc mộng êm đềm rồi sẽ mất.
Và rồi đây, khi ánh chiều đã tắt ;
Nguồn vui kia có lặn với hoàng hôn !

PHỦ-SAI

Nhưng khanh ơi ! Hoàng-hôn không bao giờ tắt.
Ở trong tình hoàng-hôn sống muôn năm.
Nghe lời khanh, ta lại những trầm-ngâm...
Ừ, vâng, ta tuân lời người đẹp.
Ta tuân lời người đẹp.
Ta tuân lời...

(Hạ-màn)

CẢNH THỨ BA

Ngũ Tử-Tư

(rồi tiểu-đồng)

NGŨ TỬ-TƯ

Không có lẽ bệ vàng yên giấc
Say trong men và ngủ mãi trong đình
Không có lẽ hoàng-hôn u-ám mãi,
Ngày vừa tàn sao bóng đã nhòa tranh.
Tổ quốc rên đau hay ngáp hận.
Lời bỉ-nho sao ngậm giữa triều-đình,
Sông nước, núi non, thành hào, xã tắc
Vẫn vô tri đứng lặng vô tình !
Rượu say, say nốt dạ trung-thành,
Say không bì tâm tư, hận, tủi,
Trăng phớt ánh gió xuân vờn hây hây
Không ru cho lòng ngủ giấc mơ êm.
Rượu ngày dài, đèn thoi thóp thâu đêm,
Say rồi tỉnh, tỉnh say, phiền tiếp tiếp...
Người trung sĩ ngày mai rồi hết kiếp,
Mắt say miền hồn có đỡ lo âu.
Nghĩ thêm đau, than mãi chỉ thêm sầu !
Tiểu đồng khá dâng bầu và ngọc-trản.

TIỂU-ĐỒNG

Bẩm tiên-sinh, rượu đây dâng...

NGŨ TỬ-TƯ

Rượu dâng càng chán-ngán
Chén đây cầm, ánh ngọc có thấu lòng ta ?
Ngươi, rượu sầu, có đượm giọng bi ca ?
Ngươi, bầu sử, có chứa đầy lòng trung nghĩa ?
Ngươi, vạn vật, có than thầm cho thế-hệ ?
Ôi, nhân sắc !...
— Kẻ trung thần ! —
Sao độc-địa !
Quân Nam-di đã bao lần mất vía,
Oai nước hùng, nay có lẽ sắp tiêu tan ;
Và muôn dân thôi sắp đến lúc điêu tàn ;
Và lâu đài và xiêm y lộng-lẫy ;
Và vong-linh những đấng tiền quân, lúc ấy
Có ngậm-ngùi thương - sót người trung sĩ,
Có ngậm-ngùi mà soi xét tấm tình?
Trong vườn ngọc vừa đêm trăng đẹp đẽ
Trên hồ sen thuyền rẽ sóng tung tăng
Những chiều vàng trăng gió tựa Hương-điệp-lang (1)
Ai có hiểu cho kẻ này đang đau đớn,
Ôi kẻ này !

Tỉnh hay say?
(Nằm mê luôn, mắn từ từ hạ)

CẢNH THỨ TƯ

PHÙ-SAI — TÂY-THI

NGŨ-TỬ-TƯ — VĂN-CHỦNG

VĂN-CHỦNG

Tâu bệ-hạ, xin vui lòng thu lễ
Cho hạ-thần hay cho cả tệ-bang,
Kẻ ngu-thần có vật mọn dâng sang.
Xin bệ-hạ đón tay đừng từ chối.

PHÙ-SAI

Ta có lời ban phước cho vua ngươi
Lòng trung ấy khiến ta càng cam kích.

TÂY-THI

Bệ-hạ phán mà lòng em bao vui thích
Và từ đây Việt quốc được thêm gần
Sự yêu-thương lồng lộng của oai thần
Và từ đây Việt-vương không lo sợ
Sự xâm-lăng của bao loài mọi-rợ,
Sẽ ung-dung mà hưởng cả mùa xuân
Và rồi đây bao vui sướng cho thiếp thân
Mà bệ-hạ sẽ hưởng cùng tiện thiếp.

NGŨ TỬ-TƯ

Xin bệ-hạ đừng nhận đồ vật ấy.
Vì Ngô-quốc sống muôn năm hùng-vĩ;
Cối-kê-sơn (2) còn hùng-vĩ sống muôn năm.
Thì án ngục hình sống trong Câu-Tiễn,
Ngậm trong tim sống máu sôi tam.

●

Bệ-hạ nhớ, một người như thế ấy,
Không lẽ còn quên bằng được thù xưa.
Đã bao lần mưa nắng, nắng rồi mưa;
Con người ấy xác-xơ cùng mảnh giáp.
Bây giờ lại ra chiều báo-đáp,
Dâng ngọc, ngà, người đẹp với cầu thân...
Không sai rồi, đây chỉ kế mỹ-nhân.

●

Không có lẽ bệ vắng không tỉnh-ngộ
Trước mấy lời can-ngăn thô-lỗ
Nhưng thật lòng hết dạ của tôi trung.
Không lẽ nào dã-tràng mãi vô công!

TÂY-THI

Tâu Bệ-hạ, đừng nghe con người ấy.
Lời can kia có nghĩa-lý gì đâu.

PHÙ-SAI

Ừ, phải rồi Ái-Khanh bàn chí-lý.
(nói với Tử-Tư):
Ta khuyên ngươi ngậm miệng chớ quỷ tâu.

TỬ-TƯ

Trời ơi! ai cứu gỡ cho mau!
Đây xã-tắc, đây ngai vàng đổ sụp.
Ôi! mấy ngàn năm vinh-quang trước,
Chỉ một ngày tan-tác, bởi vì ai?
Bao năm xưa gây-dựng biết bao đời.
Say một phút bên nụ cười nghiêng nước,
Tan-tành theo hơi gió của sắc khuynh thành!
Kẻ ngu-đần ngu mãi như trong tranh,
Người bạo chúa, sắc, tình, chưa tỉnh ngộ!

◆

PHÙ-SAI và TÂY-THI

Tên nghịch-tặc dám quen mồm hống hách.
Không sợ vua, không kính chúa, coi rẻ triều-đình.
Nghĩ có công nên lên dáng hợm mình.
Thôi gươm đây ngươi liệu mà tự xử.
(Phù-Sai trao gươm, Ngũ Tử-Tư đỡ lấy).

◆

NGŨ TỬ-TƯ

Trước mặt người, ta khen cho mỹ nhân;
Ta chỉ tiếc cho ngai vàng rồi đổ sụp!
Bên nấm mồ ta, nhà tranh một túp,
Con ta còn hiểu thấu lòng ta?
Rồi đây ai hát khúc bi-ca?
Bóng chiều tà,
Bóng trăng tà,
Có rỗ lòng ta...
(Cầm gươm tự sát)
(Hạ màn)

HẾT

XUYÊN HỒ

---

1) *Hưởng điệp-lang*: Ngô-vương sai làm ra trong giếng nhiều chum vại để lúc nào Tây-Thi dạo chơi xem trăng, dận hài gỗ, tiếng gỗ vang lên rất vui tai, cho nàng đỡ buồn nên Tây-thi đặt tên là « Hương điệp-lang »

2) *Cối-kê sơn*: núi cối kê. Phù sai đem quân đánh nước Việt trả thù cho cha là Hạp-Lư xưa kia bị Câu-Tiễn giết. Câu-Tiễn bại trận, đầu hàng, đáng lo bị giết; nhưng vì đút lót cho Bá Hy, Bá-Hy nói khéo với Phù Sai, Phù Sai tha giết cho và sai Lương tôn Hùng làm thạch thất, gần mả Hạp Lư ở núi Cối kê để giam Câu Tiễn, bắt Câu Tiễn giữ việc chăn ngựa. Sau Phạm Lãi bày kế cho Câu Tiễn phải nếm phân. Phù Sai vì thấy Câu Tiễn chịu nhận nhục mãi, Phù Sai tưởng trung thành thật với mình nên tha cho Câu Tiễn về nước, nhưng hằng năm vẫn phải cống hiến quý vật và mỹ nhân.

TỤC THỜ CÚNG TỔ TIÊN

NGÀY tết, nhà nào cũng có một bàn thờ tổ-tiên kê ở gian giữa, sang thời hoành-phi câu đối sơn son thếp vàng, tự-khí bằng đồng, xoàng thơi câu đối giấy đỏ gián cột, đồ thờ bằng gỗ, nhưng hai ý-tưởng vẫn là một, vẫn là thờ-cúng tổ-tiên để tỏ lòng hiếu-kính.

Trong ba ngày tết, nhà nào cũng cơm canh, bánh trái dâng-cúng như lúc sinh-thời. Ta chịu ảnh-hưởng văn-hóa của Tàu từ xưa, nên việc thờ-cúng tổ-tiên, đối với ta, đã thành nh tôn-giáo.

Có người đã bàn đến sự bỏ việc thờ-cúng tổ-tiên. Nhời bàn ấy chỉ là một ý-tưởng ngông-cuồng trong chốc-lát, nó là triệu-chứng của một thời-đại mà vật-chất đã hầu như át tinh thần, cái tinh thần «gia-tộc» mà ngày nay chính Thống chế Pétain, vị quốc-trưởng phục hưng nước Pháp, cũng đặt vào chương-trình cải tổ quốc-gia.

●

Việc thờ-cúng tổ-tiên có từ lâu, từ 2000 năm nay: ở Ai-cập, người ta tin rằng sau khi linh-hồn đã lìa khỏi xác, nếu xác ấy không tiêu-diệt, linh-hồn kia sẽ bất-diệt. Vì vậy người Ai-cập đã dùng chất thuốc thơm ướp những xác chết. Gần đây, các nhà khảo-cổ đào các ngôi cổ-mộ ở Ai-cập, còn thấy y-nguyên những xác ướp (momie) của các vua, chúa, hậu-phi, công-hầu, khanh, tướng, đã sống được đây 20 thế-kỷ. Một sự lạ là những xác ướp ấy vẫn còn nguyên, có khi gần đủ thần-thái như lúc sống.

Lại vì tôn kính người quá-vãng, dân Ai-cập đã xây các ngôi cổ-mộ rất công-phu, có buồng rộng-rãi, trên tường vẽ những việc làm và công-nghiệp người mất. Cạnh nơi thi-thể, có đu mũ, áo, đồ binh-khí, đồ dùng hằng ngày. Kèm thêm vào đấy một cuộn giấy ghi tiểu-sử người mất. Nếu là người mộ đạo thì có cả một cuốn vãng-sinh gni những nhời cầu-nguyện.

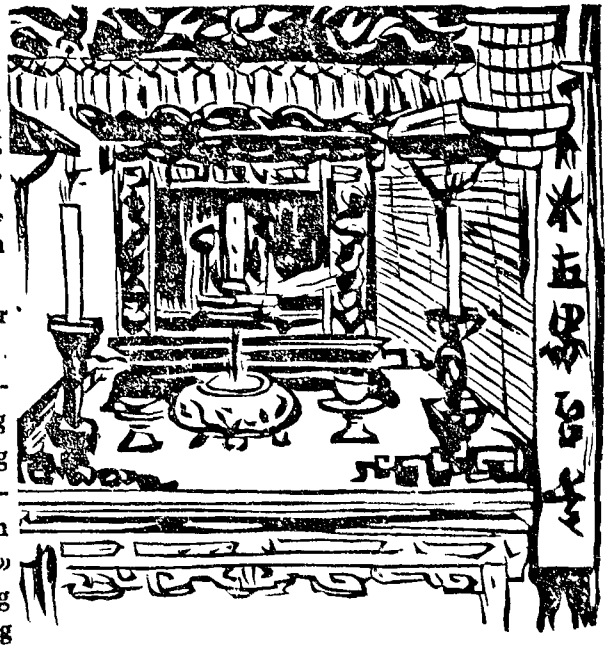

Ngày nay, du khách qua bề cát sa-mạc Ai-cập, còn thấy sừng-sững những ngôi cổ-mộ xây hình kim-tự, tức là những kim-tự tháp, một trong bảy cái kỳ-quan của vũ trụ.

Nhờ những sự tìm-tòi, kê-cứu của nhà khảo-cổ, như ông Champollion, người Pháp, ta biết được phong-tục, lễ-nghi, tôn-giáo và nhất là tục thờ cúng tổ-tiên của họ.

Trong những quyển sách vãng-sinh tìm được, người ta thấy ghi những nhời cầu-nguyện rất thiết tha của kẻ khuất: do người con hiếu đã soạn cho cha để bào chữa trước mặt vua Diêm-vương Osirés: « *Tâu đại-vương, tiểu dân lúc ở dương-thế, bao giờ cũng không dám nói điều trước thần Công-lý, không dám lười nhác trong việc làm, không thất tín với ai, không làm điều gian-tà, không giết người, không xâm-chiếm ruộng đất, không làm ai đau-khổ, không ngăn nước vào ruộng của ai, không ăn cắp đồ khâm-liệm và thực-phẩm cùng người mất, không cướp sữa của trẻ hài-nhi. Tiểu dân thật là trong-sạch trong-sạch lắm!* »

Bài cãi của mỗi người tuy có khác nhau, nhưng đại để cũng có những ý trên.

Người Hi-lạp trọng người quá cố lắm, họ tin rằng khi linh hồn người mất xuống Âm-phủ do vua Diêm-vương Pluton cai-trị, phải đến đối chất tại tòa ba quan thẩm-phán là Minos, Faque, và Rhadamante.

Ba vị này sẽ chiếu sổ từng người: ai sinh-thời ăn ở nhân-đức thì *được hưởng* sự sung-sướng ở vườn ngự-uyển (champs Elysées); còn những kẻ hung-ác, tàn-bạo phải xa địa-ngục (Tartares) để chịu những cực-hình.

Tục Hi-lạp, khi có người mất, sau khi tắm gội, thay áo rồi, người nhà đem liệm, gói lại. Thân-nhân mặc tang-phục màu đen, thân vào khiêng ra đồng. Đi sau người mất là bà con, họ-hàng. Nhà nào vắng, có thuê mấy con mu khóc mướn, lại có phường thổi sáo để hòa những khúc hát bi-ai mà họ-hàng đã nghĩ ra để tặng vong-giả.

Khi đến huyệt (thường là hang núi), sau khi để thi-thể vào, người ta lấp cửa hang bằng tấm đá, rồi dựng mộ-chí ghi tên tuổi chức nghiệp và sự-nghiệp người mất. Rồi người gia-trưởng bày

TIÊN-ĐÀM

Xem tiếp trang 36

TRUYỆN NGẮN
của
PHẠM MẠNH - PHAN

MỘT CUỘC ĐẮC

THÌN, từ khi vào học ban luật chưa tìm được nơi tạm trú. Những chỗ đăng báo để nhận các sinh-viên trọ thì chàng lại không thích vì chàng cho những nơi đó người ta vụ lợi cố ý ghép các người ở vào nơi chật-hẹp, chen-chúc và ồn ào.

Chàng không thích tháng ngày phải chung đụng với những người có thể làm cho chàng khó chịu. Chàng chỉ mong có một căn phòng đủ kê một chiếc giường và một bàn con để bày một lọ hoa và dùng làm bàn học. Chàng không mong gì hơn vì đã tự nhủ đem thân đi nơi xa lạ đâu được đủ mọi điều tiện-lợi như khi ở nhà nấp dưới bóng gia-đình đầm-ấm.

Một hôm, chàng đi tản bộ thơ-thần dưới bóng liễu dủ trên bờ hồ Gươm, nhìn làn nước biếc lồng bóng mây xanh của buổi chiều êm-dịu và ngắm các lá đang nhởn nhơ tưng - bừng đùa rỡn trước ngọn gió xuân. Chàng không để ý tới một ai vì còn đang mải ngắm những thiếu-nữ thơ ngây tóc mây buông dủ trên vai, đang nói cười vui vẻ. Chàng cảm thấy tâm-hồn rung-động và như thấy mình lạc lõng trong cảnh thần-tiên mơ-ảo. Kìa, xa xa các làn áo mùi đang quyện theo chiều gió mà in trên thân-hình các thiếu nữ đó những nét thẳng đường cong Những cặp mắt long lanh cười trong ánh sáng với những cử chỉ nhí - nhảnh của những bông hoa đó đã có một sức mạnh mê hồn làm chàng phải ngây ngất, say-sưa !

Chàng lúc trước thì mải ngắm cảnh vật thiên nhiên và mải nghe tiếng nhạc chiều của gió bốn phương mang tới thì nay như bị thôi-miên trước những nàng tiên xinh-đẹp.

Tâm, bạn học chàng khi xưa, chợt vỗ vai hỏi :

— Anh Thìn, đang nghĩ gì thế ?

Chàng như sực tỉnh và đột ngột trả lời.

— Kìa, lâu mới gặp anh.

— Thế, nay anh ở đâu ?

— Tôi chưa tìm được chỗ ở nhất-định.

— Ồ, thế anh xuống dưới tôi cho vui. Nhà tôi, như anh đã biết, vừa rộng-rãi vừa tĩnh-mịch lại ít người : chỉ có tôi, mẹ tôi và em Hồng.

Tâm nói một dọng thành-thực và tự-nhiên khiến Thìn nghe suôi tai. Rồi hai người cùng nhau trò chuyện rất thân-mật Vài hôm sau, người ta đã thấy Thìn cùng ở với Tâm trong trại Hoa-Lê gần thành-phố Hà-nội.

●

Từ hôm ở trại Hoa - Lê, Thìn thấy tâm hồn thư thái. Cảnh vật sơ-sài nơi thôn dã như đã làm cho chàng thêm quyến-luyến

Hơn nữa, Hồng, em gái Tâm, lại lúc nào cũng tươi-cười vui-vẻ. Cô năm nay mới 18 tuổi. Người nhanh nhẹn hoạt động và cử-chỉ nói năng-rất tự-nhiên. Mấy hôm đầu, chuyện trò còn dè-dặt vì mới lạ ; sau vài hôm, sự e-lệ đó mất dần. Giữa chủ và khách đã có một bầu không khí ấm vui êm-dịu.

Từ hôm có Thìn, cô năng xếp đặt mọi việc cho có thứ tự. Bữa cơm hôm nào cũng đúng giờ. Nhất là buồng của Thìn cô năng bảo người quét-tước xếp-dọn. Cô săn-sóc Thìn cũng như Tâm, anh ruột cô.

Hằng ngày, trước giờ anh cô đi làm (vì Tâm đã là một viên thư ký ở sở công) cô thường vào buồng thu-xếp chăn màn và sách báo.

Biết tính Thìn thích hoa, sáng nào cô cũng ra vườn hái mỗi thứ mấy cái và nhanh-nhẹn cắm vào lọ của buồng Thìn.

Thấy Thìn để áo quần bừa bãi và chăn gối lồng-chồng, cô mắng đùa :

— Anh Thìn lười lắm, không chịu dọn cho gọn, để em dọn cho. Thật giống anh Tâm như hệt, chỗ nào cũng phải có tay em mới xong !

Nói đoạn, cô vào xếp-dọn như

THẮNG CỦA TUỔI XUÂN

khi cô dọn buồng Tâm. Cô làm một cách tự-nhiên. Thìn như hơi ngượng, vội trả lời :

— Ấy tính tôi thích thế, ai lại chăm làm như Hồng ý !

Một cái cười thân-mật theo sau một câu nói có giấu một vẻ luống-cuống sượng-sùng. Hồng trả lời một cách thản-nhiên :

— Anh lười thì đúng hơn, chứ ai lại thích bừa-bãi. Em, để bừa thì không sao chịu được.

— Cô Hồng hay làm, rồi khéo lại lấy phải chồng lười !

Nói câu đó chàng tỏ ý thân-mật hơn, nhưng sau chàng mới biết là mình đã lỡ lời.

Những lúc Tâm đi làm thì có khi Thìn lại không có giờ học. Thành ra ngoài bà cụ già ngồi niệm Phật ở nhà trên, còn dưới nhà ngang chỉ có Thìn và Hồng. Những câu chuyện ngày càng thêm thân-mật và như có một sức mạnh huyền - bí khiến hai người ít khi xa nhau.

Một hôm, ngồi câu cá trên mặt hồ, Thìn đang chăm chú sắp nhấc cần câu, Hồng ở đâu rón-rén lẹ-làng nói :

— Anh để em giật cho !

Nói đoạn, tay cô cầm đè lên tay Thìn một cách vô-tình và tự-nhiên, rồi cười ran và giật được một con cá lớn. Thìn nhấc tay ra, sợ đụng cần câu, nên cứ để yên. Chàng thấy giây-phút nó huyền-ảo một cách lạ-lùng và cảm thấy một sượng-sùng e-lệ. Lúc đó má chàng đỏ ửng và cả người như luống-cuống.

Nhìn mặt Hồng, chàng thấy một vẻ tươi-cười không thay đổi. Nhưng thoáng qua trong khóe mắt Hồng, chàng thấy lướt một vẻ bẽn lẽn và một chút gợn của sóng lòng, chút gợn gây lên bởi sự động-chạm của hai luồng điện xa lạ. Thật là một phút mê-ly mà chàng chưa hề cảm-xúc bao giờ.

Trong mình chàng thấy hơi nong-nóng và quả tim chàng thấy đập mạnh. thâm tâm chàng bấy giờ, ngoài tính bè bạn, như chớm nở một tình yêu...

●

Từ hôm đó, chàng không được tự-nhiên. Khi ra vào, lúc chuyện trò chàng thấy cần phải dè-dặt, dè-dặt một cách lúng-túng. Đôi mắt Thìn trước thông - minh trong-sáng nay thành mơ-mộng xa-xăm. Tâm-hồn chang qua một cơn giông-tố. Sức mạnh thừa của cơ-thể đi đôi với sự thiếu của cõi lòng chang đang nua nhau đòi ở chàng một tình yêu mãnh-liệt.

Những buổi chiều tà, nơi cô-thôn xa vắng, tiếng chuông chùa như gieo-giác vào lòng chàng, một khách tha hương, nỗi u-sầu man-mác, và như nhắc chàng thiếu thốn một tình-yêu áp-ú !

Đối với Hồng, chàng sinh ra có những mộng đẹp mê hồn và chàng đã có lần tưởng-tượng ra một gia-đình êm-đẹp đơn-sơ, mà Hồng, nàng tiên của chàng, là tay chủ-động.

Chàng lại nhớ tới cuộc gặp-gỡ với Tâm trên bờ hồ Gươm bữa trước. Cuộc gặp-gỡ bạn xưa đã có kết-quả ở ngày nay, đã làm tâm-hồn chàng phải có những phút say-sưa và có những thèm muốn của tuổi xuân mơn-trớn.

Ngồi trước bàn giấy, chàng cố ý tĩnh tâm để làm việc, nhưng chữ thì nhảy múa mà lòng thấy nao-nao như tưởng nhớ một cái gì... Chàng bần-thần mở ngăn kéo và vô tình xem tới một bức thơ của cha chàng ở quê gửi ra, Đọc tới đoạn :

« Con ơi, thầy nay tuổi đã già, sức-vóc chẳng được là bao, mà nay đau lại mai ốm. Thần bệnh như luôn đứng cạnh bên giường mà hành-hạ những ngày tàn yếu-đuối của cha. Con là hy-vọng độc-nhất của cha, nên dầu cảnh nhà túng-bấn, cha cũng cố lo-liệu cho con đủ tiền theo học để toại ý con một mai bay nhảy.

« Nhưng điều cha lo hơn hết là con đừng như nhiều thanh-niên khác, khao-khát tình yêu lãng- mạn mà lãng bỏ việc học - hành. Con ơi ! Gia - đình nhà ta thịnh hay suy là ở con đó.

« Con hãy coi chừng mà đừng làm cha thất-vọng. Con hãy cố học để đạt được ý con rồi, một mai, công thành danh toại, cha sẽ để con tùy ý chọn bạn trăm-năm mà vui hưởng hạnh-phúc tiểu-gia-đình. »

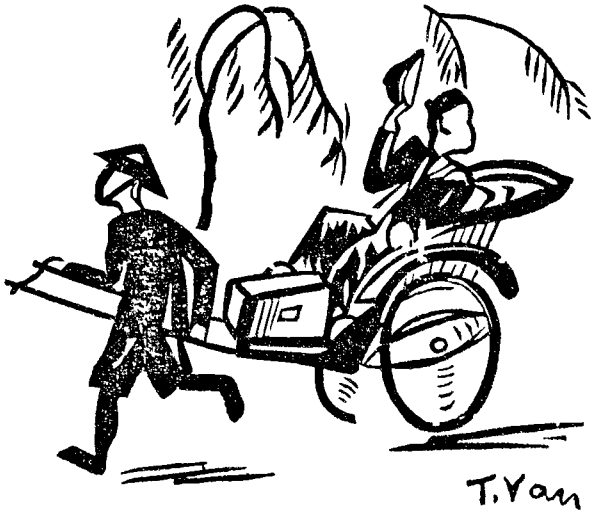

(Xem tiếp trang 46)

Hương trà

Tách trà đầy, vừa pha nóng hổi,
Hương trà thơm, quyện khói tung bay.
Bao nhiêu kỷ-niệm thơ - ngây
Phút này trở lại chốn này với ta.

Trà thơm ngát, hương hoa thơm ngát,
Ấp - ủ lòng bi - đát bấy lâu,
Vỗ-về mơn - trớn tim đau
Để tim dịu bớt âu-sầu năm xưa.

Mưa nhẹ bay, nhưng mưa đã tạnh,
Gió thoảng đưa, gió lạnh lòng ta.
Trời xuân trong, sáng, bao-la,
Cảnh ngoài yên - tĩnh, lòng ta khuây dần...

NHÂN-NGHĨA

Thanh xuân

Trời tối lắm, đêm ba mươi, năm hết,
Bao buồn thương ngả nốt xuống trần-gian...

Nàng Xuân đã e-dè hơn trinh-nữ
Trong hồn hoa, hồn gió với hồn hương.

Trời vẫn tối, những cụ già không ngủ,
Gội sương đêm lần bước đến dâng hương
Trong khắp chốn điện, đài, chùa, miếu, phủ;
Bao tâm thành bay đến tận mười phương!

Trời vẫn tối mà những nàng thiếu-nữ
Cũng mong giờ theo mẹ với bà đi...
Trời vẫn tối... Bao hoa lòng đã nở,
Trong bao hồn hi-vọng đã quay về!

Trời vẫn tối vô-cùng... Lòng đã sáng
Khi nàng Xuân về thẹn biến trong hoa,
Biến trong gió, trong hương, trong những dáng
Tay e-dè hái lộc, hái sương sa.

Rồi đêm tận. Ngày lên hồng rất dịu,
Gió đưa hương thấm mát đến hồn sâu,
Ngàn loài chim líu-lo hòa vạn điều;
Lòng tươi tươi lòng sát lại bên nhau.

Và cho tôi, riêng một trời hương, sắc;
Khi Xuân ngoài chưa vỗ cánh bay sang,
Nơi lòng tôi bay vô nàng Xuân khác
Đẹp vô cùng, tươi dịu giữa thanh-quang.

ANH-HẠN

Chữ xuân trong văn cổ

Ưng Hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

NHỮNG nhà bác-học chuyên khảo về khoa ngôn-ngữ thường lấy tiếng nói của dân-tộc để xem-xét cái trình-độ văn-hóa.

Theo các nhà bác-học ấy, dân nào mà chỉ có những tiếng đặt ra để gọi người, gọi những đồ ăn thức dựng (tức là hình-nhi-hạ, chữ mới gọi là cụ-thể danh-từ), nghĩa là không có tiếng nói về phần vô-hình, về những lý-tưởng cao, như nhân nghĩa, bác-ái v.v. (tức là hình - nhi - thượng, chữ mới gọi là trừu-tượng, thì dân ấy chưa được văn-minh, mới bán-khai hoặc còn dã-man...

Xem như « Tập vấn - đề ngữ - học » *(Questionnaire linguistique)* của trường Bác-cổ xuất - bản năm 1938, về mục thời - tiết, chỉ thấy hỏi tên « mùa mưa » và «mùa nắng ráo», không hỏi chi đến tên bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông. Tiếng ta cũng không có tên bốn mùa, toàn thị mượn chữ nho (1). Cả đến tên mùa «hè» cũng do chữ nho là chữ «hạ», nói trạnh ra, để tiện đặt những câu tục-ngữ như câu « đông the, hè đụp », « mùa hè đóng bè làm phúc », v.v.

Về mùa xuân, thì văn bình-dân còn lưu-truyền những câu như sau này :

— *Một năm dễ có mấy xuân,*
Một ngày dễ mấy giờ dần hỡi ai (2) ?
— *Một năm một tuổi như đuổi xuân đi.*
Cái già sồng-sộc nó thì theo sau.
Vì sương cho núi bạc đầu,
Vì đâu mưa nắng cho rầu-rĩ hoa (3).
— *Vườn xuân hoa nở đầy giàn* (4),
Ngăn con ong lại, kẻo tàn nhị hoa.
— *Mùa xuân lác-đác vườn đào,*
Công anh đắp đất, ngăn rào giồng hoa.
Ai làm gió táp mưa sa,
Cho cây anh đổ, cho hoa anh tàn ?
— *Trăm hoa đua nở mưa xuân,*
Cớ sao cúc lại muộn tuần tiết thu ?
Vì hoa tham lấy sắc vàng,
Cho nên hoa phải muộn màng tiết thu...

Còn nhiều câu nữa (5), nhưng không có câu nào biết rõ «thế-hệ». Chỉ có vài bài thơ Đường-luật chép tên tác-giả hay đề niên-hiệu rõ-ràng như hai bài sau này, soạn vào khoảng đời Lê Hồng-đức, năm 1470-1497 :

Xuân

— *Mờ-mịt khi giời đắp đổi vần,*
Ba tháng đông, lại ba tháng xuân.
Sinh-thành mọi vật đều tươi-tốt,
Đầm-ấm nào ngày chẳng đượm nhuần.
Tượng mở thái-hòa Nghiêu phủ-trị,
Ơn nhiều chần-thải Hán tuy-dân.
Đài xuân bốn bể đều vầy họp,
Tuổi tám nghìn tôi chúc thánh-quân.
— *Tự thuở đông-hoàng chịu lấy quyền,*
Thiều-quang làm cảnh sáng xuân-thiên.
Đường hoa chấp-chới tin ong dạo,
Dặm liễu thung-thăng sứ bướm truyền,
Ả Ngụy nàng Diêu khoe đẹp-đẽ,
Người thơ khách rượu đón mời khuyên.
Nam-nhi gặp thuở công khi ấy,
Ruổi ngựa trường-an mới phỉ nguyền.

(Theo quyển *Hồng đức quốc-âm thi-tập*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số AB 292, tờ 2a-b)

Nam-phong, số 29, ra tháng Novembre 1919, đã đăng hai bài trên ấy, nhưng có vài câu khác với bản nôm của Bác-cổ, cho nên chúng tôi tưởng nên sao cho đúng (6)

Những bài thơ sau này thì chưa ai in ra quốc-ngữ :

Lập-xuân

Hóa-công vần-truyền nhiễm thay là,
Xuân lại trùng xuân đượm khí hòa.
Đề-thất tro vừa bay trúc-quản,
Phong-đình tạng đã ngợi tiêu-hoa.
Vang lừng chín bệ dâng nhời chúc,
Đầm-ấm muôn phương nức tiếng ca.
Xuân đức nay mừng nhuần chốn chốn,
Kính dâng dưới gối chữ tam đa.

Thưởng xuân (7)

Đầu bình sang dần tiết mới phân,
Giời xuân thong thả ngự đền xuân.
Thú gồm nhân-trí đà nên thú,
Tiệc ngọc vầy-vui ánh thụy-vân.

Hạ Thánh-từ tân xuân

Năm đã dần lên, tháng lại dần,
Đài xuân mừng thấy nhẫn thêm xuân.

xem tiếp trang 20

Trận Đống-đa

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NĂM nào cũng vậy, cứ đến mồng năm tháng giêng, đồng bào ta kéo nhau tới chùa Đống-quang ở ấp Thái-hà, gần Hà-nội, để cùng nhau kỷ niệm ngày vua Quang-trung (1788-1792) nhà Tây-sơn đánh được quân Tàu nhà Thanh ở chỗ Đống-đa. Ngày kỷ-niệm ấy thường gọi là ngày giỗ trận, và trận ấy thường gọi là trận Đống-đa.

Đống-đa tên chữ là gì ? Sử ta và sử tàu chép trận Đống-đa ra làm sao ?

Tưởng nên đem sách nho ra lược thuật lại, để độc giả có đủ tài-liệu mà so-sánh với sách ta, sách tây. Ba quyển chữ nho mà chúng tôi dùng để kê-cứu đoạn sử này là quyển *Khâm-định việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 47 tờ 28 42) quyển *Thăng-long hoài cổ* (sách viết của trường Bác cổ, số a 1666) và quyển *Đông hoa toàn lục* (sách khắc lại năm Quang-tự đinh hợi 1887 *Kiền long*, tập 108) Hai quyển trên là sách ta ; quyển dưới là sách tàu, trong chép những tờ sắc, tờ chiếu của vua Kiền-long (1736 1795) về việc quân Tàu sang xâm chiếm nước Nam có một vài đoạn có thể dùng để bổ-khuyết hay để cải chính quyển *Cương mục*, nhưng từ xưa đến nay chưa hề thấy một nhà làm sử nào chép tới.

I. — Hoàng thái-hậu nhà Lê sang nhà Thanh xin giúp quân

Trước khi kể lại trận Đống-đa, nên nói qua về nhẽ gì mà quân Tàu sang đóng ở đất ta.

Mùa đông tháng mười, ngày kỷ-hợi, năm Kiền-long thứ năm mười ba (1788) vua Tàu dụ cho lũ quân-cơ đại-thần biết rằng An-nam thần phục thiên-triều rất là kính-thuận. Trước kia, đến kỳ triều-cống, đều sai bồi-thần tới kinh, sau này tự tôn là Lê-duy-Kỳ tức Lê Mẫn-đế, hoặc Lê chiêu-thống, 1786-1789) phục quốc thụ phong, tất sẽ theo lệ thường xin phong. Song nước ấy từ ngày lũ Nguyễn-Huệ (sử ta chép là Nguyễn-văn-Huê, tức Quang trung, nhà Tây-sơn, 1778-1802) khởi binh đuổi vua, đánh hãm thành nhà Lê là thành Thăng-long quyền-thuộc sang nội địa, tự tôn đi trốn, ngôi nước không thể giữ. Trẫm nghĩ là thần phục lâu năm không nỡ thấy nhà Lê mất, đặc ân sai đốc-phủ truyền hịch sang An-nam bắt Nguyễn Huê và sai Tôn-sĩ-Nghị đốc xuất binh mã để đi tiễu trừ.. » (chép theo *Đông hoa toàn lục*, q 108, tờ 37 a)

Cứ thực ra thì Hoàng-thái-hậu nhà Lê chạy sang Tàu cầu cứu tự mùa thu tháng bảy năm Chiêu-thống thứ hai (1788) viên chức ở Long-châu đem việc ấy trình đốc-phủ. Tổng đốc lưỡng Quảng là Tôn-sĩ - Nghị, tuần-phủ Quảng-tây là Tôn-vĩnh-Thanh họp nhau tại Nam-ninh. Thái - hậu dẫn nguyên-tử đến đình yết khóc-lóc cầu viện. Lũ Sĩ-nghị tâu vua Kiền-long, nói vua Lê chạy trốn, nghĩa-vụ Tàu nên cứu-vớt. Lũ ấy lại thêm một câu rằng : « Vả lại An-nam là đất cũ của Trung-quốc : sau khi khôi-phục được nhà Lê, để quân ở lại ; thế là còn nhà Lê mà lấy được An-nam » (Cương-mục, q. 47, tờ 32b). Vua nhà Thanh chuẩn-y tay viết chiếu rằng : « Trẫm hầu làm việc nghĩa ở thiên hạ, giúp đạo cương-thường ở nước dưới Công việc Nam-giao, giao cho ngươi cả. » Sĩ-nghị nhận được tờ chiếu, mưu làm việc nhớn, tuyển quân ở Quảng-đông, Quảng-tây, Vân - nam và Qui-châu. Trước hết tư hịch vài trăm đạo đi khắp gần xa, lại sai lũ tụng-thần nhà Lê đem mật trát đi đường tắt về tâu vua Chiêu-thống.

II—. Tôn-sĩ Nghị đem quân sang đánh Tây-sơn

Mùa đông, tháng mười, năm 1788 tổng-đốc lưỡng Quảng là Tôn-sĩ-Nghị đem quân sang giúp vua Lê.

Đề-tổng Vân-nam và Qui-châu là Ô-Đại-Kinh (*Cương-mục*, q 47, tờ 33a, chép là Ô, nói thiếu tên ; *Đông hoa toàn lục* chép đủ tên Ô-Đại-Kinh ở quyển 108, tờ 50b, v v.) tự Tuyên-quang vào ; tri-phủ Đề - châu là Sầm-nghi-Đống tự Cao-bằng vào ; Sĩ-Nghị cùng đề-đốc Hứa-thế-Hanh tự Nam-quan vào. Tướng Tây - sơn là Phan-khải-Đức, trấn-thủ Lạng-sơn, xin hàng. Sĩ - nghị đến Kinh - bắc, tướng Tây-sơn ở Thăng - long, là Ngô-văn-Sở, đánh Tàu ở bến đò Xương-giang và đem hơn một vạn quân ở Thăng-long ra, sai nội-hầu là Phan-văn-Lân đóng ở Thị - cầu, Quân nhà Thanh phá tan, rồi lên giữ núi Tam - tầng, ở huyện Yên-dũng. Tiên-phong là Trương-triều-Long (chép theo *Đông Hoa toàn lục*, q. 108, tờ 22 a chứ sách ta chép là Trương-sĩ-Long) đi trước đánh Tây-sơn, cung tên bên tả, bên hữu đều bắn, chết không biết bao nhiêu mà kể. Sĩ-Nghị đem quân đi qua sông đánh úp đồn Thị - cầu Đồn cháy quân Tây-sơn trèo qua lũy chạy,

quân nhà Thanh thừa thắng đuổi theo. Văn-Lân chạy về Thăng-long, Sĩ-Nghị tiến đến bờ phía bắc sông Nhị-hà. Văn-sở và Ngô - Nhậm bàn với nhau rằng Thăng - long không thể giữ nổi, bèn thu-tập dư chúng chạy vào Thanh-hóa, đóng đồn ở Biện-sơn miền bể, đóng bộ binh ở núi Tam-điệp, đem thư cáo-cấp với Văn-Huệ. Lúc ấy vua Chiêu-thống đi từ Phượng-nhỡn đến Gia-lâm thịt trâu làm rượu khao quân, hôm sau vào kinh-thành. Sĩ-Nghị làm bè ở Bồ-đề chở quân sang, đặt dinh tướng trên bờ sông, gọi là Tây-long-cung, chia nhau đóng đồn khắp các nơi, xem thế trận rất là bền-chặt.

III. — Tình-hình nước Nam về cuối thế-kỷ thứ XVIII

Hồi bấy giờ mất mùa luôn mấy năm ; dân-gian cùng-cực khổ-sở. Quân nhà Thanh lại hay nhiễu-nhũng. Triều-đình thì bắt nào binh, nào lương : châu huyện đều không chịu. Vua Chiêu-thống phải sai các quan chia nhau đi thu : nhân-dân khóc-lóc mang nộp. Được bao nhiêu đem cung hết cho người nhà Thanh. Nghĩa-binh mọi đạo và lính cũ ở Thanh Nghệ vài vạn người phải nhịn đói : lòng dân lìa-tan...

Vua Chiêu-thống thì hẹp khắc, sai giết hết những con gái tôn-thất gả cho Tây-sơn, có người đã có thai ; lại sai chặt chân ba vị hoàng-thúc ném ở chợ cung. Hoàng-thái-hậu ở Tàu về đến Thăng-long, nghe thấy vua làm điều ngang-trái, giận quá nói rằng : « Ta khổ-sở bao nhiêu mới xin được quân sang giúp, nhà nước đã mang ơn mấy phen. Kẻ thù phá tan-nát, tưởng không có ngày nay nữa ! » Kêu khóc không chịu vào cung : tụng-thần khuyên-giải mới thôi.

IV. — Vua Quang - Trung đánh quân nhà Thanh

Tướng Tây-sơn là Ngô-văn-Sở bỏ Thăng-long chạy vào Nam, báo cho Nguyễn-văn-Huệ biết rằng quân Tàu thanh-thế rất thịnh. Văn-Huệ cười nói rằng : « Làm trương-hoàng ra thế, chứ chẳng việc gì ! Kẻ kia tự mình đến chỗ chết. Nên lên ngôi chính-vị để ràng-buộc lòng dân trong Nam ngoài Bắc, rồi sau bắt kẻ ấy cũng chưa muộn ». Chọn ngày tốt là ngày 25 tháng 11 làm lễ tế Nam-giao ở Bân-sơn, địa-phận xã Yên-cựu (Hương-trà), xưng đế năm Thái-đức thứ mười một (1788), đổi làm Quang-trung thứ nhất. Ngay ngày hôm ấy, đem hết các tướng-sĩ sang đò ra Bắc ; đi qua Nghệ-an, Thanh-hóa, lấy thêm đến tám vạn lính, duyệt binh ở Thọ-hạc, thuộc huyện Đông-sơn (Thanh-hóa), đem thư xin hàng trước, nhời rất tỳ-khuất.

Còn Sĩ-Nghị từ khi ra khỏi cửa Nam-quan, đánh đâu được đấy, xem ý khinh quân Tây-sơn. Lúc hạ được thành Thăng-long, tự nói là xong việc. Những kẻ hào-kiệt ở các trấn, vì việc nghĩa, tranh nhau đến xin tiến binh, Sĩ-Nghị đều bỏ không hỏi. Kịp lúc tiếp được tờ chiếu của vua Chiêu-Thống xin lấy lại cho hết đất của nhà Lê, rồi hãng nghỉ quân, Sĩ-Nghị mới nghĩ kế. Nay quân của Quang-Trung đã đến núi Tam-điệp, vua nghe thấy lo sợ, hỏi Sĩ-Nghị. Sĩ-Nghị nói : « Ta dùng kế thong-thả để đối với kẻ khó nhọc (chữ nho là dĩ dật đãi lao), không nên kíp đánh. »

Vẫn tự-đắc, không ngờ Tây-sơn đuổi binh mã thua chạy, không còn một người lính, một con ngựa để chống cự. Quang-Trung đến Sơn-nam, Sĩ-nghị mới sai đề-đốc là Hứa-thế-Hanh đem quân Tứ-dực chia nhau đóng đồn ở xã Hà-hồi, thuộc huyện Thượng-phúc, và xã Ngọc-hồi, thuộc huyện Thanh-trì.

Mồng bốn tháng giêng năm kỷ-dậu là năm Chiêu-thống thứ hai 1789 đạo du-binh của vua Quang-Trung tiến lên trước, đánh đâu thua đấy, cho nên Sĩ-Nghị lại càng coi thường.

Ngày hôm sau, vào lúc chống canh năm, vua Quang-Trung khởi binh, tự tay cầm quân, cho hơn một trăm voi đi trước. Mờ mờ sáng, quân Tàu đuổi, tinh-kị tiến trước, chợt thấy voi ngựa, sợ-hãi mà chạy, vấp ngã và xéo lẫn nhau. Vua Quang-Trung cho voi đuổi theo, quân địch chạy vào lũy, súng bắn như mưa, tên sắt từ phía Tây-sơn lại đốt những bó rơm to đi trước, quân sau kế tiếp, hết sức đánh Tàu. Các lũy chạy tan, Tây-sơn đuổi theo đến đồn Nam-đồng, gần Hà-nội, thừa thắng đánh úp : quân Tàu chết hại quá nửa. Thế-Hanh và tiền - phong là Trương-triều-Long, tả dực là Thượng-duy-Thăng đều chết trận. Sầm-nghi-Đống đóng đồn ở Loa-sơn (tục gọi là Đống-đa), vì không có quân cứu, tự thắt cổ chết.

Lúc ấy, Tôn-sĩ-Nghị đóng ở bờ sông Nhị-hà, nghe thấy Tây-sơn gần đến Thăng-long nhảy qua lũy, sang sông để chạy, thì bè vỡ, lính chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Thế là trận Đống-đa kết liễu.

Xem tiếp trang 45

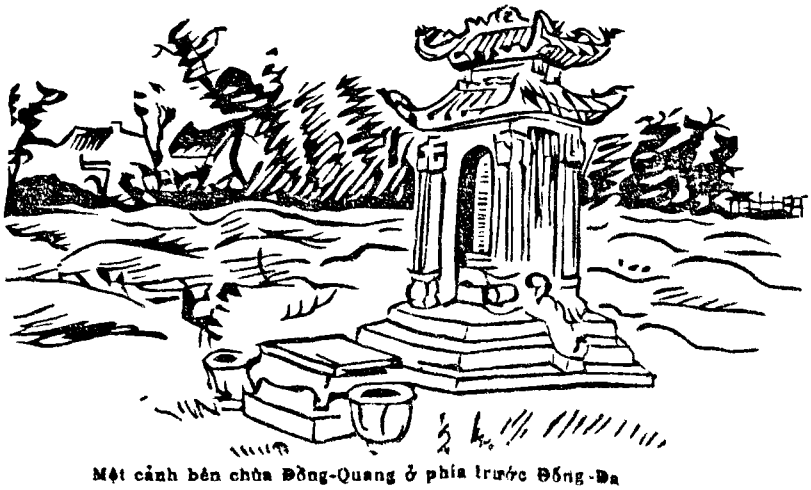

Một cảnh bên chùa Đống-Quang ở phía trước Đống-Đa

(Tiếp theo trang 17)

Hây-hây thức ngọc màn từ ánh,
Hầy-hầy hơi dương vẻ thụy nhuần.
Thêm rộng chữ nhân dày chữ đức,
Càng gồm sao thọ sánh sao văn.
Khôn-cung mừng thấy ưng đa phúc,
Lệnh-đức thêm mừng nhật nhật tân.

Vinh xuân-hòa viện

Lan-quế thông-huyên họp một nhà,
Hây-hây đều đặm khí xuân-hòa.
Ưng-dung mặc tiện đường di-tính,
Tiêu-sái dù vui tiệc thưởng hoa.
Tham tán công mầu thời nhất đức,
Sùng thanh phúc cả vẹn tam đa.
Nay mừng sớm thấy điềm gia-ứng,
« Lân-chỉ » « Chung-tư » lối trập ca.

Trích ở quyển *Tâm-thanh tồn - dụy thi-tập*, của Trịnh-tĩnh-Vương soạn tức là Trịnh - Sâm, 1767-1782, sách viết bằng chữ nôm, số A B 376, quyển 1, tờ 1a, 7a, 11b, và quyển bốn, tờ 5a) (8).

Xuân-nhật tình-quang

Mừng thấy tin xuân đã bước vào,
Mùi hương đã trải đọ oanh sao?
Ba dương thịnh mở dôi trường cảnh,
Năm sắc điềm trình dãi cửu tiêu.
Tach-tạch trước thềm vang nhạc Thuấn,
Hây-hây tám cõi thỏa giời Nghiêu.
Ngày xuân nay tiên đền xuân bước,
Xuân cả bốn mùa lọ tiết nào.

Ngự-chế hạ xuân

Vận thái đua tươi chỉn bội phần,
Thanh-huy mọi vẻ mọi thêm nhuần.
Gấm phong tám cõi lồng quang-nhật,
Sáng mở muôn phương dãi khánh-vân.
Đâu đấy rõ-ràng vầy Thuấn đức,
Trong ngoài hớn-hở thỏa Nghiêu nhân.
Suy thời lênh ấy mà làm chính,
Đỗ bút Vương-Duy tả bức chân ?

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bac-cổ, số AB 179, tờ 34 a và 67b.)

Đại-đề những bài thơ cổ vịnh xuân đều theo một cái khuôn-mẫu như thế : câu văn thì thực chín, nhưng không thấy nhẹ-nhàng bay-bổng như tì ơ cận-thời. Có lẽ mãi đến đầu thế-kỷ thứ XIX mới nghe thấy g ọng thánh-thót mưa xuân đập m.. nhà » với «gió đông gọi khách nhớ đường xa», và trông thấy cảnh « hoa tươi như dáng hoa cười khách », « xinh sắc muôn phần », « hứng vui tùy chí»...

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Tiếng Mán, tiếng Thổ cũng mượn chữ xuân của tiếng Tàu : Mán thì gọi là *Tsuồn* hay *Tsồn*, Thổ gọi là *Sên*, Nùng cũng gọi là *Sên* (*Sên-xli* là xuân-thời, *Khay sên* là khai xuân), Hoc-lo gọi là *Xuồn* (*Xuồn-phản* là xuân-phân), v. v.

2) Chúng tôi chép hai câu ấy trong tập *Ca-dao cổ* in ở *Nam-phong*, số 169, tháng Février 1932, trang 138 có người lại sao như thế này :

Một năm là mấy tháng xuân,
Một ngày là mấy giờ dần hỡi ai ?
Ai về nhắn liễu Chương-đài,
Có bán gạo chịu, đong hai ba tiền.

Có người chỉ đổi câu thứ hai :

Một năm là mấy tháng xuân ?
Ăn chơi cho thỏa phong - trần ai ơi.

3) So câu ấy với câu này :

Tám mươi ngả gậy ra ngồi,
Hỏi rằng xuân có tái hồi nữa thôi ?
Xuân rằng xuân chẳng tái hồi :
Bốn dài, hai ngắn mà lôi xuân vào.

Câu này nữa :

Xuân hề xuân bất tái lai,
Thày rằng thày chẳng ăn khoai bây giờ !

4) *Ca-dao cổ* in trong *Nam-phong* viết là : « Vườn xuân hoa nở đầy giàn » ; *gương phong tục* của ông Đoàn-duy-Bình in trong *Đông-dương tạp-chí* (phần văn chương, năm 1916, trang 3654), thì chép là : « Vườn xuân hoa nở đầu giàn ».

5) Nói về cách ăn chơi, như câu :

Ai ơi, chơi lấy kẻo già,
Măng mọc có lứa, người ta có thì.
Chơi xuân kẻo hết xuân đi,
Cái già sồng-sộc nó thì theo sau.

Thói phong tình như ba câu này :

Tình-nhân ơi, hỡi tình - nhân,
Lại đây ta kể mưa xuân tháng hè.
Đêm qua mận mới hỏi đào:
Vườn xuân đã có ai vào hái hoa ?
Bông đào chênh-chếch nở ra,
Dang tay muốn hái sợ nhà có cây.
Lạ lùng anh mới tới đây,
Thấy hoa liền hái biết cây ai giồng...
— Cái cổ yếm em nó thõng thòng-thong,
Tay em đeo vòng như bắp chuối non.
Em khoe em đẹp em giòn,
Anh trông nhan-sắc, em còn kém xuân...

Lối bỡn - cợt như câu :

Trên thì gián nhấm vứt đi,
Dưới thì chuột cắn, giữa . . . gì gì xuân.

(Coi tiếp trang 32)

QUÂN-SĨ HẬU-LÊ CHẦU-HẦU PHIÊN TẾT NGUYÊN-ĐÁN

NHÀ HẬU LÊ, từ sau hồi Trung-hưng, nhân đất Thanh, Nghệ là căn - bản, mới tuyển những lính ở hai hạt ấy gọi là *Ưu-binh*, còn binh các trấn gọi là *Nhất binh*. *Ưu-binh* còn tên gọi là *quân Tam phủ* (Hà trung, Tĩnh-gia, Thiệu-hóa) dùng làm lính túc-vệ, thân như trảo-nha, đãi như phế phủ. Vì được biệt đãi như vậy, nên sau này quân Tam-phủ sinh ra kiêu mà làm những sự càn-bậy, như việc năm Dương-đức thứ 2 (1673) Ưu binh làm loạn giết Tham - tụng Nguyễn - Quốc - Trinh, đốt phủ Quốc-lão Phạm-công-Trứ và cướp tài-sản của hai người, việc phá phủ Tham - tụng Nguyễn-Quí-Kính năm Cảnh - hưng nguyên-niên (1740) ; rồi đến việc phế Diện-đô-Vương Trịnh-Cán, lập Đoan-nam-Vương Trịnh-Khải (1782).

Muốn xem sự biệt đãi ấy thế nào tưởng nên vẽ qua một buổi chầu-hầu của Ưu-binh trong ngày trừ tịch và tết nguyên-đán ;

Cứ thường năm, ngày 30 tháng chạp đài « Toàn cơ ngọc hành » (Khâm thiên giám) chọn một giờ tốt, phụng chầu vua tắm, các quan ở Binh-phiên dự truyền các Tiền-giám ở sáu cung và các phiên thề-sát, thú, hầu, các cơ, đội, thuyền, quan, quân phải chỉnh tề mũ áo, chiếu lệ treo đèn, kết hoa và phải chầu chực từ hai mươi chín.

Ngày ấy, mười hai thị cơ hiệu phải sắp-đặt nghi-vệ, loan-giá. Qúa trưa phải cắt sai tuần-binh, đội thề sát nghe hiệu trống lập tức đem quân vào chỗ cung-điện đã treo đèn kết hoa.

Đêm ấy, quan Đề-lĩnh phải chịu trọng-trách trông nom trong hoàng-cung và vương phủ. Buổi tối, đem quân canh phòng túc trực. Đến ngày giờ hành-lễ, buổi sớm, đội binh nghiêm nhất đánh trống, quân canh mở cửa, lệnh truyền ra cho quân vệ-binh vào chầu.

Quân trung-hiệu đánh trống tiên-nghiêm, phụng rước Hoàng-thượng đến ngự lầu thay áo. Lúc ấy đội kiệu nhất nổi hiệu chiêng thu quân. Đến tụng-hiệu-lệnh vào cung, truyền mời các quan thân huân (họ nhà vua có công to) vào dinh phụng mệnh và chầu ngự dục.

Hoàng-thượng thay áo tắm gội. Lúc ấy các đội binh, nhưng-nhất, kiệu-nhất nghỉ. Các quan văn võ đến nơi vọng-triều, chờ đánh trống tiên-nghiêm và thanh la ba hồi, các văn võ vào làm lễ mừng, chia ban đứng chầu ở trước doanh môn, truyền mở cửa dinh, dàn bầy ngự xa ở trước cửa, đội nhưng-nhất đánh trống tiến lên trước, phụng rước hoàng thượng lên xe loan tiến về cung, quan Binh phiên ra hiệu vẫy quạt, các quân-sĩ chầu - hầu đều đồng thanh hò reo vui-vẻ, xong rồi lại chiếu thứ bực mà lui ra.

Trước ngày mồng một tết nguyên đán, binh phiên quan cũng đã phải dự định từ trước đài « Toàn cơ ngọc hành » phải chọn giờ tốt, phương hướng tâu lên hoàng-thượng.

Đêm 30 tết, đặt hiệu Thiện-hùng và phát thuốc súng, đến giờ thị lệnh phụng tuyền nổi lệnh ở kỳ-đài báo hiệu hành lễ tại đền Kính-thiền.

Lúc ấy các đội quân thuyền đội nhưng nhất, kiệu nhất, nội nhưng, nội kiệu quan quân đã sắp hàng tề-chỉnh chầu-hầu.

Các đội thuyên nội khuông, nội dực, nội tiếp, nội sung, thị-hãn, thị tượng, thị kỵ, thị mã thề - sát đều phải chỉnh tề mũ áo, làm lễ trước sân.

Lễ xong, binh phiên bắt đầu điểm xem có tất cả bao nhiêu quan quân chầu-chực, rồi tâu lên. Tiền ban nhiều ít tùy theo thứ bậc.

Như nhất- phẩm, cổ - tiền năm quan, nhị-phẩm bốn quan, tam phẩm ba quan, tứ-phẩm hai quan, lục thất phẩm một quan năm tiền bát, cửu phẩm một quan.

Buổi sớm ngày nguyên-đán, vua ngự ở chính cung đền Kính thiên, các quan quân vào làm lễ bái khánh đều dùng mũ áo màu lam. Làm lễ xong, phụng rước Hoàng-thượng hồi cung.

Gặp những ngày diên-thọ, thọ đản, đoàn-ngọ nhà, vua lại còn ban cho rượu và các thực-phẩm và đồ dùng nữa (1).

TIÊN-ĐÀM

1) *Dã-sử đời Hậu-Lê ; Lịch triều hiến chương.*

Đón xuân

Hồng tranh, tử đấu, chính phân-phân...
Hà xứ Đào-nguyên khả vấn tân !
Báo đạo hữu tình thành quyến - thuộc :
Ủng lô, phanh dính, thả nghinh Xuân.

Dịch

Bời bời hồng, tía sắc ganh đua...
Đâu xứ Đào-nguyên hỏi bến bờ !
Nhắn-nhủ bà con tình quấn-quit :
Vây lò, pha nước, đón Xuân tơ.

SONG-CỐI

NHÌN QUA VĂN-HỌC VIỆT-NAM NĂM 1941

Khái luận

NẾU tôi được phép coi văn-học Việt-nam là do một nhà văn sáng-tác, thì riêng nói về văn-học 1941, nhà văn ấy là một người trẻ tuổi đã từng sống với sầu, với mộng, với trụy-lạc, đã sống một cuộc đời lười biếng, không có ý-thức rõ-rệt về bổn-phận... Người ấy còn đang ngồi lăn đi lăn lại trong trí cái quá-khứ năng-trĩu những nỗi buồn, đang mơn-trớn vết thương lòng do một tình yêu để lại... bỗng giật mình vì bao nhiêu sự sụp đổ ở thế-giới.

Người ấy ngơ ngác nhìn. Bên Âu-châu từ năm 1939, cuộc chiến-tranh đã diễn và còn đang diễn một cách tàn-khốc. Một tiếng kêu chung nổi dậy : *« Phải làm lại xã-hội ! phải gây lấy một tinh thần mới... »*

Cả từ phương-diện vật-chất, đến phương-diện tinh-thần, nhà văn ta đứng trước một tình-thế gay go. Xung-quanh người ta xô đẩy nhau để tranh lấy sự sống-còn. Bên tai lúc nào cũng văng vẳng nghe những tiếng từ miền xa đưa lại, hô-hào phải giữ gìn sức khỏe, phải làm việc, phải quí trọng gia-đình, phải tôn-thờ tổ-quốc...

Đồng thời những du-hí - trường đóng cửa, sự sản-xuất những văn-chương dâm-uế có thể đầu độc tinh thần, bị ngăn ngừa.

Dù ích-kỷ muốn vượt ra ngoài luồng sóng chung, để ra một nơi sống cuộc đời riêng của mình cũng không được.

Vì vậy, hình như người ấy đã biết tìm cách kiến-thiết lấy một cuộc đời mới thích - hợp với hoàn - cảnh. Người ấy đã bỏ bớt một vài thói quen, bớt khóc mây, khóc gió, khóc những mối tình vơ - vẩn, ca tụng những sự thèm-muốn nhỏ-nhen, đã không năng lui tới những nơi tửu điếm, ca lâu ; và đã nhảy ra hô-hào trở lại với bổn-phận từ lâu sao-nhãng...

Nghĩ đến người ấy, và những công-việc mới của người ấy, tôi có cảm-tưởng dễ chịu như có việc với một nhà văn đang muốn nỗ lực làm việc nhiều, suy-nghĩ nhiều để xứng-đáng với cái địa-vị một nhà văn được sống vào thời-đại độc-nhất của lịch-sử này.

Dù đây mới chỉ là một sự cố-gắng đầu tiên.

Những xu-hướng văn-học

Nói rằng văn-chương là một tấm gương phản-chiếu tâm-hồn xã-hội, chỉ là nhắc lại một sáo-luận. Chúng tôi biết vậy, nhưng cũng nhắc lại ; vì hơn hết bao giờ, chúng tôi nhận rằng cái tâm-hồn xã-hội Việt-Nam được phản-chiếu một cách trung-thành trong văn-chương.

Chúng tôi muốn nói đến hiện-trạng cái xã-hội ở trong ấy ai ai đều cảm thấy mình có một nhiệm-vụ thiêng-liêng đối với mình, với nhà, với nước.

Khác với ngày nào, hầu hết không phân-biệt tuổi, chức-vụ, cho rằng sống để tận hưởng sự sống ; thế chưa đủ, người ta còn lớn tiếng ca-tụng truyền-bá cái quan-niệm ích-kỷ ấy.

Tôi nhớ đến, với cả sự ghê-tởm, cái trào-lưu văn-chương dâm-uế đã xuất hiện trong mấy năm gần đây.

Khoảng 1936, mấy tờ báo ở Hà-nội đua nhau trình-bày những thể văn khêu tình gợi dục ; những nhà sản-xuất thứ văn ấy tự nhận cho mình cái nhiệm-vụ phơi ra ánh sáng hết những xấu-xa, trụy-lạc của xã-hội ; những lời tư-tình của bọn cơm thầy cơm cô, những cử-chỉ trơ-trẽn của gái giang-hồ, những hành-động hèn-mạt của một lớp người mục-nát đều được dùng làm tài-liệu văn-chương. Họ đã vọng tưởng rằng có thể nói đến cái xấu để làm cho người ta sợ, mà phòng-ngừa được cái xấu. Nào ngờ họ đã làm cái công-việc của một thầy lang đem lùa bao nhiêu vi-trùng vào một xã-hội, vì muốn cho xã-hội ấy quen với bệnh để tự đề-phòng !

Ngay hồi ấy, đã có những nhà văn cực-lực công-kích. Một cuộc bút chiến đã xảy ra và kéo dài đến hàng năm. Nhưng ngán nỗi, một bên số nhà văn đó ít ỏi quá, bao nhiêu nhà văn khác kéo bè kéo đảng để chống giữ lấy một cái gì mà họ cho là sâu-xa và nhân-đạo. Thêm vào bên này cả một công-chúng suy-nhược về tinh-thần đứng làm hậu-thuẫn. Cái phái có tâm-huyết bị chế-giễu, bị coi là đạo-đức giả.

Đến 1938-39, thứ văn-chương kia vẫn sống nhưng trong một hình-dạng mới : Văn-chương tài-hoa son-trẻ. Cặp mặt nhung, đôi môi mùi nho tươi, cái áo màu hoàng-yến được ca-tụng tưởng chừng như đời người chỉ có những thứ đó là thiêng-liêng nhất.

Ngày nay người ta đã lượng được cái nguy-cơ của thứ văn-chương ấy ; đã phải phàn-nàn về những cuộc đời tình-cảm hỗn-độn, những sự ủy-mỵ suy-nhược đáng thương ; và người ta đã rẻ-rúng rồi thẳng tay bài-trừ.

Đồng-thời chính-phủ không ngần-ngại ra lệnh cấm tiệt loại sách khiêu-dâm chỉ có cái công-dụng gieo mầm trụy-lạc vào óc độc-giả.

Bước vào năm 1941, không thấy trưng bày những tiểu-thuyết một

loại với « *Người đàn bà trần truồng* », « *Khi chiếc yếm rơi xuống* », « *Sự động cỡn của đàn bà* »...

Những chỗ đáng chú-ý trong các tủ sách đã được dành riêng cho những sách đứng đắn có cái công dụng chữa lại những tâm bệnh do những sách nhảm nhí gây nên.

Chúng tôi sẽ giở lại với những quyển sách này.

Văn-chương dâm-uế vừa nói trên biểu-hiệu sự trụy-lạc về vật-chất nhiều hơn là về tinh thần.

Đi đôi với nó, một thứ văn-chương khác phát-triển, biểu-hiệu của sự trụy-lạc hoàn-toàn về tinh-thần. Tôi muốn nói đến thứ những truyện tình vơ-vẩn, những văn thơ sầu thảm, những tiểu-thuyết ca-tụng những tự-do không biên-giới.

Tôi dám chắc bạn đọc, dù có cái trí nhớ bạc-nhược đến đâu, cũng chưa quên được bao nhiêu những truyện tình kể bằng những lời sáo cũ, nhắc lại những truyện không bao giờ có thể có thực nhưng người ta cũng đặt ra để đầu độc những bộ óc non nớt.

Tôi còn nhớ, ở trong Nam, có lần tôi được đến thăm một người đang theo ban Trung-học, ở một trường công nọ. Người ấy chưa quá hai mươi tuổi. Vì biết tôi là một người thường để ý đến văn-chương, cậu học-sinh ấy dẫn tôi vào phòng học, chỉ cho tôi xem một tủ sách gần đây, quyển nào quyển ấy đóng bìa da chữ vàng rất đẹp.

Các bạn có tưởng-tượng những sách gì đó không ? Không phải những sách cổ-điển có trong chương-trình ban Trung-học ; không phải những quyển có giá-trị của những thư-cục đứng-đắn. Nhưng chỉ những truyện tình là truyện tình ! Đọc đến cái tên tôi đã phải rùng mình : nào là những tập thơ khóc gió than mây, « anh anh, em em », « sầu sầu, mộng mộng ». Nếu không thì cũng phải là một tiểu-thuyết có luận-đề hô-hào sự giải phóng nọ, cổ-động sự tự-do kia.

Tôi không muốn viết thêm nữa. Hôm nay tôi không muốn giở lại kết án một số sách nói riêng về phương-diện đạo-đức, đã có tội đối với sự kiến-thiết xã-hội.

Tôi không muốn giở lại xéo lên một cái xác chết. Phải, sang năm nay, nhìn xa, tôi đã thấy thứ văn-chương ấy chết hẳn rồi.

Những người có cái trách-nhiệm về sự giáo-dục sẽ không phải lo-lắng nhiều về sự đọc sách của cậu học sinh kia nữa.

Cái phong-trào đọc tiểu-thuyết kiếm-hiệp cũng thấy bớt bồng-bột. Đó là một sự tự-nhiên. Ngày nào trên báo chí, người ta cũng được nghe những truyện chiến-tranh kinh thiên động địa ; những chiến xa phun lửa, những đống địa-lôi có kém gì những chuyện Phong-thần ; người ta đã có một tiểu-thuyết sống để đọc, cần gì phải có những chuyện hoang-đường làm đồ ăn cho trí tưởng-tượng của người ta nữa.

Và trong năm 1941, những nhà văn « đứng-đắn » không phải nhọc công kêu gọi lòng nhân-đạo của những nhà xuất bản và những người viết đã đầu độc óc khoa-học của mấy lớp người.

« *Tôi tưởng người Việt-nam ta ngày nay, sống giữa tình-thế này, không nên mơ-màng những sự viển-vông, mà chỉ nên vun đắp thế nào để giữ cho được cái « gốc » của ta. Công-việc chưa có thể có kết-quả tức-khắc, nhưng ngày sau... biết đâu ngày sau cái gốc ấy chẳng mọc chồi nảy lộc rồi đâm lá, trổ hoa* ».

Trên đây là mấy lời chúng tôi đã được Trần Trọng-Kim tiên-sinh cho nghe trong một câu chuyện văn-chương. Câu này có lẽ tiên-sinh, cùng với mấy bực đàn anh trong làng văn đã lẩm-nhẩm từ lâu và hình như chúng tôi cũng đã được nghe nhiều lần, nhưng cũng như tiên-sinh đã nhắc lại, chúng tôi muốn nhắc lại một lần nữa để có dịp giở về với sự lãnh đạm của một số người đối với văn-chương ta.

Mà chúng ta không phải đi xa. Ngày hôm qua đây còn có một phần đông thuộc phái tân-học cho việt-ngữ là một thứ tiếng độc âm, nghèo về mọi phương-diện, không xứng đáng đứng bên cạnh những thứ tiếng đẹp-đẽ của các nước văn-minh. Những nhà văn ta bị họ coi là một bọn sơ-đẳng nếu không làm công-việc có cái tên to tát là phụng-sự quốc văn thì cũng không biết làm gì nữa.

giữa lúc ấy văn-chương nước mình đang chờ đợi họ. Người ta bảo có lẽ rồi đây, sau ba mươi năm nữa, sẽ có rất nhiều những tiến-sĩ văn-chương, thạc-sĩ về sử-học và địa-dư-học mà tiếng ta cũng vẫn chưa có một cuốn sử và cuốn địa-dư nước ta viết bằng tiếng mẹ đẻ !

Cái tình-trạng văn-học mà tôi vừa phác ra, đây chỉ là một cái gì đã qua rồi. Lịch-sử đã muốn có những con đường quành rất ngạc-nhiên.

Nếu tôi không nhầm thì hình như bắt đầu từ năm 1940 sau bao nhiêu do-dự người ta đã biết trở lại với «cái gì thật á-đông.»

Trước khi giải thêm, tôi xin đem hết danh-dự của một ngòi bút trong sạch để bảo-đảm cho sự thành thực của những lời tôi sắp nói to ra đây tuy đáng lẽ tôi chỉ được nghĩ thầm mà thôi.

Mỗi khi tôi qua một hiệu sách tôi thấy những tập sách học chữ nho bày trên những chỗ danh-dự trước kia để riêng cho những tiểu-thuyết ngôn tình, những tập thơ lãng-mạn.

Những người thức giả thường vẫn nhận rằng đã là một người Việt-Nam cần phải biết ít nhiều chữ nho như người Pháp cần phải biết ít nhiều chữ la-tinh. Biết chữ nho để gây lấy ở mình cái tinh thần không vong bản, để biết lịch-sử, hiểu văn-

Xem tiếp trang 46

LÊ-THANH

Vũ-trụ tưng-bừng, xuân óng-ả.
Huy-hoàng, sán-lạn ngập không-gian.
Khói hương vấn-vít hồn siêu, lả.
Cung miếu mơ-màng, tiếng pháo ran.
Thi-sĩ tìm xuân trong lý-tưởng.
Con trẻ bưng tai khiếp nỗ đùng,
Ăn mày xó chợ ngồi chia sướng.
Hào-kiệt ngừng gươm, đuốc tiệc bùng.

Ngoài bãi chiến, máu đào, xương trắng.
Chốn lều gianh, mẹ ngóng con xa.
Địch, đàn, ca-kỹ du danh-thắng.
Kim-môn lộng-lẫy sắc muôn hoa.
Xuân hỡi! có thay mầu cầm tú,
Trong cảnh trần-gian trái-ngược kia:
Tươi thắm, hân-hoan khoe lam-lũ,
Lả-lơi, cười-cợt nhạo sầu-bi?

Những ai đã băn-khoăn lo, ngại.
Đón xuân vào ghế đất, giường tre?
Biết bao kẻ, tiền quăng vung-vãi,
Tưởng chừng vinh-dự rước xuân về?
Xuân đâu phải gấm nhung lòe-loẹt,
Ánh bạc vàng rực-rỡ phô-trương?
Xuân đâu phải rượu ngon, cỗ đẹp,
Chào mừng, chúc tụng đóng vai tuồng?

TẢN-MÁC HƯƠNG XUÂN

Xuân chẳng riêng ai trên trái đất.
Xuân là tấm gội của thời-gian.
Xuân, nguồn hy-vọng cho muôn vật.
Xuân, hòn ngọc báu của lầm-than.
Xuân chẳng hắt, xua tay lấm bụi,
Để mong quấn-quit khách giàu sang.
Xuân vì tình mẹ khôn chia nỗi,
Yêu con kém phận, nặng lòng thương.

Ngọn cỏ nô-đùa theo gió lướt.
Cánh đồi xanh, bóng, ướt màu xuân.
Vang lên mấy tiếng — say non nước —
Du-dương cảm thấu suốt tâm-thần,
Hòa với thì-thào lau, cọ, lách,
Xạt-xào thông cựa thở vi-vu,
Ngập-ngừng giọng trúc thăm lòng bách,
Riu-rít chim ca chốn hẹn-hò.
Giữa khoảng mông-mênh, trong, sáng, mát,
Ai dâng nhời sáo véo-von bay,
Đón bóng thiều-quang, tình bát-ngát?
— Mục-đồng, tơi khoác, nón lăn quay.

Thành-thị xa-xa inh-ỏi pháo,
Mừng xuân rộn-rịp khách phong-lưu.
Lâu-đài tráng-lệ phô tinh-xảo,
Xa-hoa bài-trí cảnh phù-hiêu!
Bình ngọc lung-linh hồn thược-dược.
Trầm lư khói tỏa quấn lan hương.
Mủm-mỉm hoa đào, tư-lự cúc.
Sặc-sỡ thanh, lam, chói-lọi vàng.
Cốc rượu hồng, ngát hơi túy-lý,
Bàn lang-tạ, lạc-hỷ thâu canh.
Nước bạc xoay chiều cơn thắng, bĩ.
Dịp kèn khiêu-vũ gợi xuân tình.

Hồ-hải lênh-đênh thuyền lãng-tử,
Xuân người phảng-phất bóng quê-hương.
Tưởng nhớ bâng-khuâng lòng lữ-thứ:
Cố-quận xa-xăm cách dặm trường!
Giật mình tiếng gọi, tan hồn mộng:
Xuân ai dáng-dấp khác xuân nhà?
Ngồi ngẫm kỹ, phóng tầm mắt rộng,
Ngắm, phong, lễ, nhạc, vẻ văn-hoa

Thay đổi theo màu sông với núi;
Xuân-huy phát-biểu một tâm-tình,
Chung cả giống nòi trong bốn cõi:
Mừng xuân hứa-hẹn cảnh tân-sinh.

Cả đất bơi cao đương tấu nhạc,
Giãi bày đơn-giản chốn thôn-quê.
Hòa âm chuông khánh ca xuân sắc,
Nhẩy múa xoay tròn, gió vuốt-ve.
Ông đồ tức cảnh ngâm thơ cổ.
Sân rêu tản-mác cánh hoa đào.
Cá vàng đớp bọt chân non bộ.
Nêu nứa, cung vôi dẫn củy vào:
Bốn đạo tung-hoành quân sóc-đĩa.
Sáu đường chiến-tuyến mặt thò-lò,
Hai phái tranh xuân chia chẵn lẻ;
Cao thấp lên bài, tướng sĩ lo.

Gió đùa vuốt tóc cô thôn-nữ,
Tay tựa cành đào, ngắm khách xuân.

Thanh-niên lũ-lượt, tươi niền-nở,
Trò-chuyện vang đường, cợt mỹ-nhân,
Lụa bạch phất-phơ, quần mỏng-mảnh.
Lóng-lánh nhung hồng, áo chật căng.
Tấp-nập ngõ chùa người vãng cảnh,
Lá thẻ cài khăn, hí-hửng mừng.
Điện mẫu, trống rung, tiên thánh nhẩy,
Bóng cậu ra roi tế ngựa bừa.
Ai giơ cành lộc tung-tăng chậy?
Nhìn xuân con trẻ nhớ xuân xưa.

Nhung-trường chiến-sĩ chơi xuân khác:
Thay vào tiếng pháo tiếng thần-công.
Vang-dậy thanh-trì, nôn đại-bác.
Chén rượu nghênh tân sủi máu hồng.
Tướng tá tìm xuân trong chiến-lược.
Binh hùng thêm dũng, cảm tình xuân.

Chữ Danh-dự, Gia-đình, Tổ-quốc,
Vàng xuân tô nét chốn ba quân.
Lửa bốc, xuân quang thêm sang tỏ,
Ngày xuân mới-mẻ, mới hy-sinh,
Mới đường công-phá, nơi phòng-thủ,
Mới cảnh tranh-hùng, mặt tiến-binh.

Xuân, khi ủy-mỵ, khi hùng-tráng,
Khi say vật-chất, hoặc tinh-thần,

Biến theo cách sống cùng tâm-trạng,
Với một trời xuân, một khắc xuân.
Giây phút thiêng-liêng xuân gõ cửa,
Mơ-màng phác họa bóng xuân xưa,
Rực-rỡ hùng-uy soi muôn thủa,
Xâm thẫm điêu-tàn rỏ lệ thơ.

Bầu xuân dốc cạn, ta cười, khóc,
Nhìn tới xuân xa khoảng mịt-mùng,

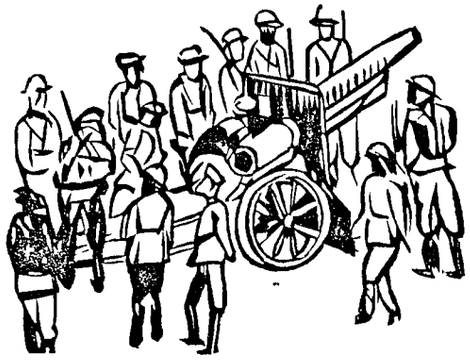

Là xuân vĩnh-viễn — ta mong ước —
Giải gấm Thăng-Bình phủ núi sông,
Hòa nhạc Ấm No trong sáu cõi,
Ca bài Tuyệt-Mỹ khắp doanh-hoàn,
Rắc hoa Tương-Ái trong nhân-loại,
Nhuộm sắc Thiên-Đàng chốn thế-gian.

MINH-TUYỀN

Chuyện vặt ngày xuân...

Hoa xuân

THẨM-mỹ là một bản-năng của người đời. Tết đến, nhiều nhà trong thành-phố trên mặt bàn gụ hoặc lát thường bày một cốc thủy tiên thơm tho hay một bình hoa xinh tươi, rực rỡ...

Sau những phút tàng tàng vì chén xuân, ta thử lặng yên một lát mà ngẫm-nghĩa những cái nhoẻn cười có duyên và những nét tươi tắn mơn-mởn của các hoa, ta không khỏi nức tiếng ca tụng thán phục cái tài của thợ Tạo : « *Thiên cao, địa hạ, vạn vật tân thù.* »

Thủy-tiên ! Nàng như cô tiên trong thủy cung đượm những thanh-thú nhẹ-nhàng và êm-dịu. Với tay mềm mại muôn muốt nàng dâng cho khách thưởng ngoạn những chiếc chén vàng đĩa ngọc, tỏa ra hương-vị thoang thoảng, thanh thanh. Từ chiếc lá dài kiều-my đến những rễ trắng nõn nà dễ gieo cho người một cảm-giác lâng lâng nhẹ nhõm. Cái gốc màu ngà kết bằng những bẹ trắng, từng lớp từng dợt, ấm cúng chặt chẽ..

Ngoài những hương sắc đáng yêu quí ấy, thủy-tiên, sau khi làm xong thiên-chức thiêng-liêng là nâng tinh thần loài người lên cõi thanh cao, còn hi-sinh một cách « triệt-để » : đem tấm thân tàn mà bó rịt những mụn sưng và nhọt đau cho thiên-hạ, theo quyền « chỉ-huy » và « điều khiển » của nhà lương-y đông-phương.

Khoác những áo màu hoặc vàng, hoặc trắng, hoặc phớt tím, hoặc tía nhợt, **Hoa cúc** như một nàng có nhiều áo nhất đời. Chẳng thế, Lý thời-Trân đã phải nói : « Cúc có đến 900 thư ».

Ở Tàu, cúc thường nở rộ từ tháng chín. Nói theo tiếng văn chương, người ta gọi « tháng chín » là « cúc nguyệt ». Về văn liệu, Kiều có câu: « Xuân lan, thu cúc, mặn mà cả đôi ».

Ở ta, những nhà trồng hoa lành nghề biết cách hãm cúc, đến gần tết mới cho trổ bông, nên đầu tháng giêng âm-lịch chính là mùa cúc cười múa tưng bừng.

Mỗi khi tết đến, ta được ngẫm-nghĩa những bông hoa cúc vàng nở to bằng cái mặt đĩa : những cánh hoa mỏng, dài, đầu cong như chiếc móng, chờn-vờn ôm-ấp lấy cánh bé nhỏ nhu-nhú ở trong, ta có cảm-tưởng như được ấp-ủ giữa bầu xuân-hòa êm-đềm ấm-áp.

Thấy cúc mà người xưa đã khen tặng là một thứ « hoa ẩn-dật », ta lại sực nhớ đến những bực danh-nhân xưa đã từng bầu-bạn với cúc :

Ông Đào Uyên-Minh đời Tấn, không chịu khom lưng vì năm đấu gạo, nên khẳng-khái về vườn trồng hoa, tháng ngày vui vầy với cây tùng, khóm cúc.

Ông Trương Hán-Siêu, nổi tiếng là một nhà chính-trị kiêm văn học ở đời Trần, sau khi làm tròn nghĩa-vụ đối với quốc-dân, đã có những ngày ngao-du sơn thủy, trồng cúc ở Thúy-sơn (Ninh-bình), để lại cho đời sau một mùi hương trên trang lịch-sử.

Ngoài những đóa hoa hoàn-toàn đông-phương, các « nàng tiên » trong sổ « quần-phương » lại khéo làm cho Đông Tây gặp nhau giữa bầu không-khí dịu-dàng êm-ả: *hoa mõm chó* (gueule-de-loup) phô những màu sắc vàng, trắng, đỏ, tím xen nhau, thè lưỡi như muốn quyện mừng xuân khách.

Hoa « *giơn* » (glaieul), giò cao, lá dài, nhỏ bản và nhọn đầu, xẻ ra từng bẹ cách quãng, nâng-đỡ lấy những bông hoa gián sắc mượt mặt như nền nhung tươi.

Không chịu kém cạnh, các hoa « *cẩm-chương sim* », « *cẩm-chướng-phăng* » cũng hòa theo màu xuân, phô hương thì sắc khi đứng trong chiếc bình pha-lê, ang thủy-tinh, lọ đồng hoặc ống sứ...

Hoa Xuân ! Các «nàng» đã cung hương thơm sắc đẹp cho chủ và khách trong dịp thưởng xuân, các « nàng » cũng nên bay hương ra nơi chiến-trường, yên-ủi quân-sĩ đang gánh trọng trách gìn-giữ đất nước và hơn nữa, các «nàng» nên dâng nén tâm-hương, cầu nguyện cho thế-giới mau được vui hưởng đóa hoa hòa-bình hạnh-phúc.

HOA-NAM

Cảnh chợ tết Sài-thành

HỄ gần đến tết thì chợ Bến-thành lại một phen rộn rịp, tưng bừng.

Từ hai mươi ba tháng chạp, người ta đã làm thành những

dãy quán lá để bán hàng tết mấy hôm chợ đêm. Người ta phải giành chỗ trước từ đầu tháng chạp. Nhận chỗ ngày nào phải đóng thuế chợ ngày ấy. Đến hai mươi ba thì các gian hàng đều làm xong hết, hàng tết đã bầy la liệt. Chiều đến người đi mua bán đã rộn-rịp. Nhưng vui nhất chỉ có ba hôm chợ đêm : 27, 28, 29. Ba hôm đó trong chợ, ngoài chợ hàng bán suốt sáng. Mấy người bán hàng thay đổi nhau thức để bán, mỗi hàng 5, 7 người: người cân, người gói, người đếm tiền, không lúc nào được rảnh tay.

Mấy gian hàng báo chí đã thấy treo đầy những sách báo mùa xuân.

Mấy cụ đồ nghiêm trang trong bộ quần áo mới tề chỉnh đang cố nắn nót những nét chữ mềm mại mà mạnh mẽ trên những tờ giấy đỏ chói, nào là tài lộc, phú quý, thọ khang v. v.

Chỗ này mấy gian hàng cây cảnh, xếp từng dãy chậu: nào là hồng, cúc, vạn thọ, mào gà, cam quất, lại còn cành mai trắng, cành đào đỏ, cùng những bó hoa Dalat xanh tươi rực rỡ muôn hồng nghìn tía như thi sắc đẹp với khách đi chơi chợ tết.

Đằng kia san sát những gian hàng nào rượu, pháo, bánh, mứt, kẹo, hạt dưa, nào cam quít, bưởi, dưa hấu, thanh trà, vân vân, nhiều không xiết kể. Lại xen thêm cả mấy bó hoa giấy, xanh đỏ trắng vàng.

Đáng chú ý nhất là những gian hàng bán dưa hấu, bưởi đỏ, đã chiếm mất một phần tư phía ngoài chợ. Dưa xếp từ đất lên tới nóc nhà, hàng nào cũng đầy những dưa là dưa, có quả giá tới 2, 3 đồng bạc, người khỏe chỉ gánh được bốn quả.

Dưa hấu, bưởi đỏ, là món đặc biệt của tết Saigon, thiếu 2 món đó là thiếu mất hương vị của ngày tết.

Những hàng cơm, hàng bán các thứ nước giải khát, cũng chiếm hết một phía chợ. Mấy hôm chợ đêm thôi thì đủ thứ : cơm ta, cơm tây, cơm tàu, cơm chay, nước tranh, nước đá, rượu bia v. v.

Ngoài chợ hàng dãy xe hơi nhà toàn kiểu mới, chờ sẵn hai bên đường, đợi chủ nó sau khi chơi bời thỏa-thích, mua sắm đủ thứ, ăn uống no say, khuân hàng ra chất đầy xe, về đi ngủ, để mai lại đi chơi, ăn, uống và sắm nữa.

Về khuya, chợ thêm đông. Những thợ thuyền, sau khi cơm nước xong, mới đi chơi chợ.

Ba hôm chợ đêm, từ chiều mát cho tới 2, 3 giờ sáng, làn sóng người không lúc nào ngớt. Người đi sắm tết, người đi chơi, người đi ăn uống, trai, gái già, trẻ đều hớn hở trong những bộ quần áo mới, đúng mốt.

Tiếng cười nói, tiếng pháo chốc chốc lại đì đùng xen lẫn với tiếng quảng-cáo rao hàng ở máy truyền thanh đưa ra làm vang động một vùng chợ.

Những đèn điện bóng xanh, đỏ, vàng, tím, sáng trưng từ trong chợ, ngoài đường, làm nổi bật lên giữa châu thành Saigon một cảnh Bồng-lai.

VIỆT-ANH thôn-nữ

Lễ nghênh xuân

LỄ Nghênh-xuân hay còn gọi là Tế xuân làm vào ngày lập-xuân đầu năm, trừ ra những năm nhuận thì làm vào trung tuần tháng chạp.

Ở nước ta, lễ Nghênh-xuân đặt ra từ năm Minh-mạng thứ 9 (1828), nghi tiết giống như điển-lễ của Tàu. Một đạo dụ đã ấn-định cứ hằng năm, sau tiết đông-chí, các quan Khâm-thiên-giám phải nặn bằng đất một con trâu và một người dắt, tức Mang-thần, đoạn tô màu một cách tinh tế y như các điều chỉ dẫn trong âm lịch về năm sắp tới. Theo dị-đoan, cái ảnh hưởng của trâu và Mang-thần cũng cần lắm. Trâu xanh, vàng hay đen, năm ấy nông dân sung sướng, mùa màng phong phú; nhưng trâu đỏ hay trắng, chẳng đại hạn tất cũng lụt lội, mất mùa đói kém. Còn anh dắt trâu, đội nón à? thôi lại mưa nhiều ; để đầu không? năm ấy nắng dữ.

Ở kinh đô Huế, lễ Nghênh-xuân cử hành rất trịnh trọng. Trước hôm tế, quan Thừa thiên phủ-doãn, theo giấy bộ Lễ sức, cho rước tượng Mang thần (tượng này đến năm Khải-định thứ 3 (1918) thay bằng bức tranh) lên đàn Nghênh-xuân ở hộ lục, phía đông kinh-thành. Tại đó, đồ lễ như vàng hương, hoa quả, trầu rượu đều đặt lên hương án có che lọng. Án giữa cao hơn, có tranh Mang-thần là bàn thờ Xuân-quan hay Thanh-đế. Hôm chính tế, quan Phủ-doãn hoặc quan đại-diện ngài cùng hai viên Tri-huyện Hương-trà và Hương-thủy vận áo thụng xanh hành lễ ở trước án, mục đích là cầu cho mùa màng được phong-đăng. Lễ tất, các quan cho rước tranh Mang-thần về điện Duyệt - thị trong cấm-thành. Đám rước cũng đủ đồ chấp-kích, âm-nhạc ; khi qua các phố, dân-sự đốt pháo hoan-nghênh rất náo-nhiệt, ai ai đều một hi-vọng sẽ được trông thấy mùa-màng tốt-đẹp.

Lễ Nghênh-xuân đặt ra cốt để cho thần dân biết nhà vua lúc nào cũng săn-sóc đến nghề làm ruộng — một nghề khó nhọc, chân lấm tay bùn — mà mong cho phong-đăng hòa cốc luôn để dân được no ấm, vì nước ta xưa nay vẫn lấy canh-nông làm gốc.

VÂN-THẠCH

HOA-hóa của Phương Đông

MAI

O Inăm, khi gió bấc bắt đầu vi vút thổi, có một thứ cây, cành lá đã trơ-trụi tưởng như gần khô kéo, bỗng nở ra những đóa hoa xinh nhỏ và trắng muốt. Còn ai là không biết những cành hoa mai, ngẳng ngơ mà diềm dáng, với một vẻ đẹp vừa cứng-cỏi vừa dịu-dàng ?

Như một tin mừng giữa mùa giá-lạnh, hoa mai đem đến mọi nơi vẻ kiều diễm quá sớm của mùa xuân còn lâu mới tới. Không giống những hoa khác thấp nhỏ lè-tè gần mặt đất và quanh quẩn trong một khoảng vườn chật-hẹp, mai sống một cuộc đời phóng-khoáng, đem vẻ đẹp điểm xuyết cho khắp tạo-vật bao-la.

Trên những ngọn núi hẻo-lánh như về miền Hương-tích, Mai vẽ thành một bức tranh kỳ-ảo : diêm dúa như một khăn quàng bằng sa trắng vắt qua sườn non, hay rực-rỡ như một tấm thảm phớt hồng dưới ánh nắng buổi sớm của tiết đông-thiên êm dịu.

Đây là một khu vườn gần như bỏ hoang của nhà ẩn-sĩ. Một cây mai bình-tĩnh phô những cành đầy hoa trắng. Màu tươi như ngọc của hoa nhường muốn hòa-hợp với màu trắng mờ của bầu trời mùa đông.

Và trên chiếc văn-kỷ một thư-phòng, còn gì đẹp hơn một lọ hoa cắm vài ba cành mai xinh-xắn ? Cánh hoa vừa tẩm gội một vài giọt sương mai trong suốt. Hương êm nhẹ tỏa ra khắp phòng, huyền-ảo gần như không có, cả một mùa xuân quá sớm đã nở ra trong bốn bức tường.

Nhưng ngoài hương sắc và hình-dáng, Mai còn có những vẻ đẹp vô-hình hơn, dễ khiến người yêu kính. Cùng với hoa lan vương-giả, cành mai quân-tử đã là những bạn thiết của các bậc nho-sĩ thời xưa. Mai đã là đóa hoa của phương Đông. Có ai có thể góp nhặt được hết các bài thơ cùng bức họa đã lấy hoa đó làm đề-mục ? Trong xã-hội ta và tàu, Mai đã có một linh-hồn riêng, và đã in sâu vào tâm-tưởng người Đông Á. Giá hoa có thể kể rõ cho ta nghe, ta sẽ biết bao nhiêu sự ly kỳ của những vĩ-nhân ngày trước đã lấy Hoa làm bạn. Vì hoa Mai chính là biểu-hiệu của cả một thế-hệ, một tinh-thần. Bạn thiết của người xưa, Mai đã được người xưa gán cho rất nhiều ý-nghĩa.

Hoa Mai trước hết là hiện-thân của sự Trong-sạch. Cánh trắng như ngọc, không pha một màu nào khác. Mỗi buổi sớm, những giọt móc trong suốt còn như lưu-luyến những cánh hoa tinh-khiết, chưa muốn tan rời. Và qua bao nhiêu thế-kỷ, Mai với Tuyết, đôi bạn trong trắng, vẫn thường đi đôi với nhau. Mai như chờ Tuyết mới trổ bông. Tuyết như chờ Mai mới biến thành hoa, tự trời sa xuống. Người xưa biết thế, thường chờ Tuyết mới đi tìm Mai để thưởng ngoạn. Vì Tuyết có Mai sẽ thêm mỹ-miều, cũng như Mai có Tuyết càng thêm phần thanh-thú. Đôi bạn ấy đã làm đầu đề cho bao nhiêu bức cổ-họa. Còn gì đẹp bằng những bức vẽ *« đạp tuyết tầm mai »* : Một vị nho-sĩ gày-gò cũng như cành mai cổ-sấu, cưỡi con lừa nhỏ hay chống chiếc gậy trúc, thong-thả đạp lên vùng tuyết trắng, tay trỏ một cội mai trơ-trọi, cành ngẳng-nghiu còn ôm giữ một vài mảng tuyết lơ thơ.

Ở những xứ ấm mà dân cư chưa biết tuyết thế nào, Mai sẽ đem lại đôi chút cái hình ảnh trong trắng của người bạn thiết nơi xa xôi giá lạnh. Vì Mai là tuyết của miền ôn-đới, cũng như Mai là mùa xuân giữa mùa đông.

Nhưng đây không phải là thứ xuân quá yêu-kiều, gần như eỏ-lả. Vẻ đẹp của Mai thanh-nhã hơn, mãnh-mẽ hơn. Mai được người chuộng không những ở màu, mà còn ở dáng. Cành Mai một màu nâu xẫm điểm một vài vết trắng đục hay xanh lờ của rêu, có những nét rất cứng-cỏi. Thỉnh-thoảng một vài nhánh nhỏ đâm tủa ra như gai ngạnh. Hoa Mai nở trên những cành ngẳng-nghiu đó, phô một vẻ đẹp yêu-kiều mà cương-nghị, hầu như kiêu-hãnh nữa, ngạo-nghễ với cả gió hút, sương sa.

Và như ngạo nghễ với cả các cây cỏ khác. Mai lúc nở đã chọn mùa đông lạnh-lẽo, mùa chết của muôn loài. Y như bông đông-lan,

cành đông-mai là sự phát-biểu rõ-rệt của mạch sống tiềm-tàng trong tạo-vật. Mai chào đời trước khi mọi hoa khác chưa hề chớm nụ. Mai nở ngay cả trước khi những nõn mai chưa nhú lá. Hoa đã nở trơ trọi, không có một hoa khác đứng bên làm bạn, và cũng không có một chiếc lá non trợ màu. Chẳng thế mà vẻ đẹp của hoa, người xưa đã gọi là vẻ đẹp cô lánh. Và trong trí người ta vẫn mường-tượng thấy cái cảnh rất nên thơ của một nhà văn ngồi trong chiếc nhà gió lộng, cất chén mời đóa hoa ưa sống một mình (1).

●

Nhà văn ấy còn là một nhà dật-sĩ. Bạn được với hoa Mai chỉ là những nhà dật-sĩ. Vì hoa chính cũng là một tâm-hồn khoáng-dật. Hoa đã nở một mình giữa mùa đông lạnh, như dửng-dưng với cuộc đua-ganh của mọi thứ hoa xuân. Và nếu trong cây mai, cánh hoa là nền tinh-khiết, cành hoa là hình vẽ cứng-mạnh, thì hương hoa cũng là biểu-hiệu cho tính thanh-đạm, hồn-nhiên. Đó là một thứ hương rất nhẹ, phảng-phất như mơ-hồ, thứ « ám-hương » như những nhà thơ thường gọi. Còn gì thích hợp với tâm-hồn người Á-Đông hơn, vốn chỉ ưa những thứ êm-ả, đạm-bạc, nhẹ nhàng? Người ta hiểu ngay tại sao cành mai đã đi đôi cùng tuyết, còn là bạn thân với hạc, con chim của những người sống phiêu-diêu ngoài cuộc cạnh-tranh nơi trần-thế, của những vì tiên. Cổ-nhân, khi đi ẩn, đã chọn *« mai làm vợ, hạc làm con »* (mai thê hạc tử) Nguyễn Du, khi *nghêu ngao vui thú yên hà* » đã tìm chim ấy làm « tri-âm » và hoa ấy làm « bạn cũ ». Và ta không lấy làm lạ rằng Triệu Sư-Hùng đời Tấn đã đề hồn bay tới chơi nơi tiên-giới, trong một đêm nằm dưới gốc cây mai.

Rất hiếm những thứ hoa đã chiếm một địa-vị riêng biệt như hoa này, trong cuộc đời tinh-thần người Á-Đông. Hoa Mai đã gồm cả vẻ trang-nhã một mỹ nữ, những tính-chất cao-khiết một triết-nhân, những tâm-tịnh phóng-khoáng, an-nhàn một dật-sĩ.

TẢO-TRANG

1) *Phong đình bả trần thủ cô diễm*, Thơ Vương An-Thạch.

TẾT BÊN LÀO

MỘT điều lạ: người Lào ăn tết không vào ngày mồng một tháng giêng như ta hay tây. Tết Lào không nhất định; có khi nhằm vào đầu hoặc giữa tháng năm, cũng có năm vào đầu tháng sáu.

Tết Lào cũng có 3 ngày, cũng có nơi kéo dài mãi ra đến nửa tháng sau.

Ngày đầu ngay buổi sáng, người ta thả lên trời những con chim, hoặc xuống nước những con cá, con rùa, con ếch, những con vật này người ta mua sẵn từ mấy hôm trước. Người Lào tin rằng những con vật khốn-nạn ấy đáng lẽ phải chết, họ bỏ tiền ra chuộc lại đời cho chúng giải thoát cho chúng. Làm một việc từ-bi, về sau họ sẽ được phước.

Buổi sáng, ông-già, bà cả, cũng có khi cả các con trai con gái lên chùa, rước tượng Phật xuống một cái bệ hoặc một cái bàn. Tượng lớn thì cứ để nguyên chỗ. Họ súm nhau lại kỳ cọ thật kỹ lấy nước hoa rội. Người ta hứng lấy những nước tắm Phật ấy để rửa mặt, gội đầu hay để lấy khước. Tắm xong người ta lại rước tượng lên chỗ cũ và tụng kinh, dâng hoa.

Trong mấy ngày tết, ngày hai buổi họ lên chùa dâng lễ vật. Lễ vật của người Lào chỉ có hương và hoa. Cũng có nhiều người, nhân dịp tết, đi lễ mãi tận các chùa xa.

Đến ngày thứ hai, thứ ba, họ đi gánh cát lên sân chùa để thành từng cái tháp nhỏ, trên có cắm một lá phướn. Cũng có nơi họ đắp tháp ngay trên bãi cát.

Cũng như người mình, trong mấy ngày Tết người Lào nghỉ làm việc. Họ kiêng ngủ ngày. Họ tin người nào ngủ trưa sẽ bị Trời Phật để lên đầu một miếng da chó mực. Đối với người Lào, đầu là một chỗ tối thiêng, không được gần sự ô uế. Mà chó lại là một con vật uế nhất. Theo họ, nếu bị để một miếng da chó mực lên đầu là một hình-phạt rất nặng.

Họ không kiêng, không sợ súi quẩy, không mê tín về sự đông. Họ không chúc tụng nhau.

Trong tết Lào có lệ « hốt nậm »: đổ nước lã vào người bạn hữu hay khách khứa. Gặp ngày Tết, cũng có nơi, mãi trong thời-kỳ nửa tháng sau, có khách đến nhà, họ lẹn-lén múc gáo nước, thình-lình đổ vào người khách. Có khi, những người quen gặp nhau ngoài đường, cũng đổ nước vào nhau. Có người nghịch còn dùng cả nước hùn, hoặc nước phẩm để tưới vào nhau, nhưng người bị tưới ấy không được giận. Thường thì những con gái toàn đổ nước trước.

Ngày nay ở thành-thị, tết Lào cũng có thay đổi. Họ cũng gửi thiếp mừng, cũng đi thăm nhau, Cũng chúc nhau, và thứ nhất là cũng đánh bạc. Họ ít chú-trọng đến tôn-giáo như dân quê.

VŨ NHẬT

TRUYỆN NGẮN

của

KHÁI-SINH

NGHĨA VỤ

I

NGÀY xuân năm Thìn, dưới rặng phi-lao trên đồi thông ở Đồ-Sơn, một cặp vợ chồng son — Huệ và Sơn — đương thủ thỉ :

— Huệ em, anh cứ muốn nắng xuân đầm-ấm như thế này mãi.

— Anh muốn như thế này mãi để làm gì !...

— Để được đi chơi như thế này mãi với em, chứ làm cái nghề « đốc tờ » quanh năm chẳng được đi đâu, khổ quá !...

— Nếu đi chơi mãi thì làm gì ra tiền mà anh ước ao...

Cả hai cùng cười.. rồi từ bấy cả hai cùng lại đi chơi vui vẻ, thỉnh thoảng yên lặng đứng nhìn chân đồi nốn lượn, mặt nước mông mênh hay ngắm xem khóm hoa sặc sỡ giải bên đường phô sắc với mầu trời xanh biếc của cái nắng chiều xuân... Đi chán, hai người lại ngồi, ngồi để hưởng những phút êm dịu của ái tình trong sáng như ánh ngày xuân. Ngọn gió xuân hây hẩy lướt qua kẽ lá cành cây, thoảng đưa mùi thơm. Huệ và Sơn tự thấy thân thể nhẹ nhàng như làn mây lảng lâng trên từng giời vần hồng của vầng thái dương. Xa xa đôi chim khuyên đuổi nhau kêu chíp chíp.

Tiếng kêu ấy như đưa tâm hồn Huệ vào cõi hiện tại, nàng nhìn Sơn ngây thơ nói :

— Hai ta có thể yêu nhau mãi mãi thế này không nhỉ ?

Mỉm cười, Sơn sẽ « tát yêu » vào má Huệ mà bảo :

— Tùy em đấy...

— Thế thì em chả yêu anh.

— Thế em yêu ai ?

— Em chỉ yêu...

— Yêu anh ?

— Không, chỉ yêu cái trái tim của.., của... anh.

— Nếu em nói dối thì sao ?

— Thì anh là « đốc-tờ », anh cứ rach bụng em ra xem rồi anh lại khâu lại cho em cũng được chứ sao.

Cặp mắt Sơn long lanh nhìn Huệ một cách đắm say. Huệ cũng nhìn lại Sơn đặm vẻ ngây ngất tình yêu.

II

Ngày hôm sau, hồi 11 giờ sáng, vợ chồng Sơn về đến nhà ở Hanoi, thấy bức thư để ở bàn :

« Thưa ông đốc Sơn,

« Tôi có đứa em hiện ốm nặng. « Tôi đã cho mời nhiều đốc-tờ từ « cuối tháng chạp năm ngoái đến « giờ, ai nấy cũng cho là bệnh khó « chữa. Trộm biết ngài là vị danh « sư đã từng cứu được nhiều người « khỏi, hồi 10 giờ sáng nay, tôi có « thân lại mời ngài nhưng người « nhà nói ngài đi Hải-phòng, vậy « khi nào ngài về, xem thơ này xong, « xin thế nào cũng mời ngài lại ngay « đằng số nhà 299 phố hàng Gai « xem cho em tôi. Cảm ơn ngài lắm lắm.

« Bái bái

« Môn »

« Xin ngài lại ngay.

Sơn xem xong chép miệng : đó, tôi đã bảo Huệ hôm qua là cái nghề « đốc tờ » bận quanh năm chẳng là ngoa nhé ! Nhưng để ta thay quần áo và ăn cơm đã chứ.

Huệ vốn sẵn mối thương tâm, lại được cùng đọc bức thư cầu khẩn của người nhà bệnh nhân, liền nói :

— Thôi, anh ạ ! cứ thế anh đi xem cho người ta cũng được, chả cần phải thay quần áo làm gì. Anh đi xem rồi về ăn cơm cũng chưa muộn. Người ta đang ngóng đợi anh, mỗi phút người ta ngóng đợi là hàng giờ bằng ngày đó. Anh thử đặt vào địa vị người ta : trong khi nhà mình có người ốm chỉ chờ ông « đốc tờ » đến, vậy mà cứ một đợi, một không thấy thì mình có tức không !

Sơn mỉm cười bảo :

— Gớm, Huệ bây giờ lý sự nhỉ, nhưng thôi, anh cũng xin vâng lời Huệ đây.

Nói rồi, Sơn vội vào phòng làm việc lấy va-li thuốc đi ra cửa.

Mươi phút sau, Sơn đã ngồi ở nhà Văn, em Môn. Xem mạch Văn, Sơn biết là Văn vì uất mà sinh ra ốm, mới bảm Môn ra nhà ngoài hỏi thì Môn nói : trong khi mê sảng, Văn thường nhắc đến tên Huệ, mà Môn không biết Huệ là ai, nếu Môn biết Huệ ở đâu thì đã cho tìm Huệ rồi. Sơn nghe xong, trong óc bàng hoàng, biên cho Văn một cái đơn quấy quá rồi về . . . về với một mối hoài nghi.

Hôm sau, Sơn lại đến nhà Văn, trong khi bảo Văn quay mặt vào trong để nghe đằng lưng xem quả tim Văn đập ra sao thì thấy có bức thư con :

« Em Huệ,

« Huệ có biết từ khi Huệ lấy chồng « thì anh ốm không, em ơi ! Sao em « lại nỡ đem lòng phụ anh thế ? Hở « em ? thật anh không ngờ rằng em « lại đến thế được... »

Sơn vừa đọc xong thì Văn quay lại, thấy thế có ý xấn hỗ, chưa biết nói sao thì Sơn đã bảo :

— Ông nên lượng thứ cho tôi. Đó không phải là tính thóc mách mà là vì tôi muốn biết người yêu của ông là ai để họa may tôi tìm được

cứu cho ông chăng.

— Không, tôi đâu giám trách ngài. Bây giờ ngài đã biết chuyện, tôi xin kể hầu ngài nghe sơ qua, ngài biết vậy thôi chứ ngài đừng hòng người ta cứu tôi...

Rồi Vân tiếp :

Thưa ngài, tháng sáu năm ngoái, nhân ở Sầm-sơn nghỉ mát, tôi có được biết người ta. Người lịch thiệp làm sao ! nên chẳng bao lâu người ấy đã làm cho tôi mê, một hai gần bó lấy người ấy. . nào ngờ đến cuối năm thì được tin người ấy đi lấy chồng hình như cũng có bằng y-khoa bác-sĩ như ngài thì phải. Tôi đâm ra tức người ấy quá, cho là người ấy nỡ phụ tôi vì tôi còn là anh học trò mới đỗ được cái bằng tú tài xong. Tôi tức quá sinh ra ốm...

Sơn nghe nói biết chắc là vợ mình rồi, cố gượng lấy lời lẽ khuyên bảo Văn một vài đều rồi cáo từ về. Vừa đi đường vừa nghĩ : Huệ quả là người hư thế ư ? xem từ ngày tháng tám năm ngoái cưới Huệ về không thấy Huệ có cái cử chỉ khinh xuất tỏ là con người hư được ? Văn là người si-tình ư ? Có lẽ lắm ! Con người si-tình có nên trách không ? nên trách lắm ; nhưng bổn phận mình làm « đốc-tờ » phải cứu bệnh chứ ? bất cứ bệnh nhân đáng chê trách thế nào chăng nữa, ta cũng cần phải cứu bất cứ theo phương pháp gì.

Trong lúc nghĩ miên man thế thì Sơn đã về tới nhà. Sau khi kể cho Huệ nghe câu chuyện ấy, Huệ liền thốt : Trời ơi ! thế ra anh Văn không hiểu lòng em đến nỗi lâm bệnh. Nhưng có phải lỗi tại em đâu ! Anh Sơn ơi ! anh có tin lời anh Văn không ? nếu anh tin thì thực khổ cho em quá !

Ngày hè năm ngoái, bởi thấy Văn là người học thức tư tưởng em coi hẳn như anh nên quý anh ấy, có câu chuyện gì em cũng kể cho anh ấy nghe. Em yêu anh ấy một cách, nào ngờ anh ấy lại yêu em một cách. Những lời em nói thân mật như lời một người em nói chuyện với một người anh cả, nào ngờ anh ấy cho là những lời ân ái ! thế có bực không ? Em xin thề có trời đất biết : thực em không nhuốm một tí ái-tình gì với anh ấy cả. Bởi thế nên khi em lấy anh đây, em cứ thản nhiên và đường hoàng, không một tia hối hận... vậy mà một bên mình vô ý thì không sao, bên người ta hữu ý đến sinh ra ốm.

Sơn nghĩ tới cái cảnh sóng nhau đi chơi ở dặng thông tại Đồ-Sơn hôm qua, nhớ lại những lời ân ái, những vẻ hồn nhiên của vợ, nay lại được nghe mấy lời thành thực ấy, liền an ủi Huệ :

— Huệ ạ ! anh biết rồi, em thực là đứng đắn. chính Văn đã nhầm đó... nhưng chẳng lẽ ta lại nỡ để Văn mang xuống Tuyền-đài một mối tình thất vọng đó sao ? ?

— Thế thì biết làm thế nào bây giờ, hở anh ?

— Bây giờ chỉ có một cách là...

— Em biết rồi, anh định lấy em làm vị thuốc để chữa cho Văn khỏi chứ gì...

— Chính phải đấy. Em chịu khó vậy nhé !

— Em chịu thôi. Anh bắt em thế, em không sao nghe được.

— Thế em có biết nghĩa vụ của anh thế nào không ?

— Nghĩa vụ anh ? Nghĩa vụ anh là đem vợ ra làm vị thuốc chữa người ư ? ?

— Em nhầm rồi ! không phải vậy ; em chỉ cần đi với anh đến nhà Văn một lúc thôi rồi anh đã có cách giải bày cho Văn biết, Văn sẽ hiểu và sẽ phải bằng lòng. Như thế là ta làm đủ nghĩa vụ ta. Em nên nghe anh mà giúp anh một tay mới được.

— Vâng, nếu vậy thì em xin đi với anh.

III

Sơn Huệ vào trong phòng Văn. Sơn nói trước : tôi xin giới thiệu đây là cô Huệ, một người bạn gái của tôi.

Văn nghe đến tên Huệ, ngồi ngay dậy nhưng Sơn không cho ngồi dậy. Sơn sẽ đưa mắt cho Huệ hình như ra hiệu cho Huệ. Huệ thấy Văn thân hình tiều tụy thì cảm động quá liền rón rén lại bên giường Văn, run run gọi : anh Văn ! anh Văn, Huệ đây.

Văn lộ nét vui trên mặt liền hỏi : Huệ đấy à ? Huệ còn yêu Văn nữa không ? Huệ ngần ngừ chưa kịp đáp thì Sơn đã nháy, Huệ biết ý nói : còn, Huệ có bao giờ hết yêu Văn đâu. Cha mẹ bắt Huệ lấy chồng chứ có phải Huệ phụ Văn đâu. Văn mỉm cười, cái cười sung sướng...

Cách 4 ngày sau, Văn khỏi hẳn, đến nhà Sơn để cảm tạ. Tới nơi thấy Sơn, Huệ đang khoác tay nhau đi lại ngoài vườn hát :

« Một nhời đã biết đến ta,
« Muôn chung, nghìn tứ, cũng là có nhau...»

Chữ xuân trong văn cổ

(Tiếp theo trang 20)

Xem bấy nhiêu câu, cũng đủ biết lối phong-dao của ta hay « chẳng » câu này sang câu kia ; tiếng tây bảo thế là « truyền đi trao lại » (*Contamination*, chính là truyền nhiễm, nhưng đây dùng nghĩa bóng) Câu « Cái g à sồng-sộc nó thì theo sau » ăn đi hai ba chăng. Cau « Một nam là mấy tháng xuân » chẳng sang cau « Ai về nhắn liễu chương-đài »: có lẽ đây là nhớ cau truyện *Kiều* « Khi về hỏi liễu chương-đài, Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay ».

6) Quyển *Hồng đức quốc-âm thi-tập* của trường Bác-cổ chép câu đầu có sáu chữ, chắc là chép thiếu, vì bản riêng của chúng tôi có đủ cả bảy chữ như thế này : « Mờ mit khí giời đắp đổi vần ». *Nam-phong* (Novembre 1919, trang 426) thì dịch là . « Một khí trời đắp đổi vần (sáu chữ) Thơ cổ bảy chữ hay chen hai câu hay bốn cau sáu chữ (chứ không phải một câu sáu chữ) n ưng chen mà thôi, nghĩa là len, lẫn vào giữa, chứ không bao giờ lối thất-ngôn lại bắt đầu ngay bằng một một câu sáu chữ. Xem hai bài sau này l y trong *Hồ g đức quốc-âm thi-tập* (tờ 1 a-b) bai trên, thì câu sáu chữ ở ngay dòng thứ ba và thứ tư ; b i dưới thì ở từ dòng thứ ba đến dòng thứ sáu.

NGUYÊN-ĐÁN

— *Âm dương hai khí mặc xoay vần,*
Nẻo quá thời đông đến tiết xuân.
Chân ngựa giong khi tuyết lạnh,
Hàng loan rắp thuở canh phân.
Chín trùng chăm-chắm ngôi hoàng-cực,
Năm phúc hây-hây dưới thứ - dân.
Mây hợp đền nam chầu - chực sớm
Bên tai dường mảng tiếng thiều - quân.

— *Ba dương đã gặp thuở thời vần,*
Bốn bể đều mừng một chúa xuân.
Nức ngai vàng hương mấy hộc,
Trang cửa phượng ngọc mười phân.
Giời lồng-lộng hay lòng thanh,
Gió hây - hây khắp muôn dân.
Nhờ ấm nhân khi hênh bóng nắng,
Ước dâng muôn tuổi chúc ngô-quân.

7) Nguyên-văn là « Phụng canh ngự - chế thưởng nghênh-xuân viện thi ».

8) Quyển *Tâm-thanh tồn-dụng thi-tập* của Trịnh-Sâm chưa ai in ra quốc-ngữ. Chúng tôi có đang một vài bài trong tập *Poésies inédites de l'époque des Lê* in ở *Bulletin de la Société d'Enseignement mutuel du Tonkin* quyển XIV, năm 1934, trang 31, v.v.

Van biết Huệ là vợ Sơn, buồn thiu, quay ra cửa định về thì Sơn nhanh mắt trông thấy, chạy ra kéo lai đưa vào phò g khách, rồi bảo Huệ nói. Huệ sẽ đứng dậy thỏ thẻ nói : « anh Van ạ ! nam ngoái anh đa quá nhầm, e n đối với anh là lấy lòng hực của một người em ngoan ở với bực anh hiền, không ngờ anh lại tưởng em luyến ái anh, anh đã quá mê em đến nỗi em đi lấy chồng, anh cho là em p ạu bac anh Bây giờ nhờ nhà em đây đã cưu anh qua cơn sảng, mong anh hãy bình tâm ngĩ lai ma cho phép đổi chữ cầm sắt ra chữ cầm kỳ. Còn anh Sơn (*Huệ quay vào phía Sơn*) em xin thay mặt anh Van đây cảm ơn anh đã chữa khỏi cho anh ấy và x n anh cho phép em cùng anh ấy được kết làm bè bạn.

Sơn vui vẻ đap :gớm ! em nói sao van hoa thế. Tôi mong ba ta đây cùng nhau dắt tay vui vẻ sống trên đi ờng đời cho đến luc chết thì thôi.

IV

Xuân nam Tỵ, cũng ngày này nam ngoai, các người đi du xuân ở Đồ-sơn, đều lấy làm ngạc nhiên thấy một cặp uyên ương đang dắt tay một sư ông đi dao cảnh đồi thông. . Có gì đâu ! từ khi biệt cái tổ ấm cúng của Sơn, Văn càng nghĩ càng thẹn về cái việc của mình đã làm qua : đường đường một bậc nam nhi, lại là người có học thức, thế mà đã si tình đến nỗi sinh ốm, nay tuy khỏi lại được người bạn gái cùng chồng của người ấy đem tấm lòng cao thượng biệt đãi mình thực, nhưng mặt mũi nào còn giám trông thấy ai nữa.

Phải quên, quên hết việc đời.

Nhưng sao hôm nay, sau khi hai vợ chồng Sơn đã tình cờ bắt gặp Văn ở đây, và đã cố khuyên giải Văn, Văn lai thấy tâm hồn tràn ngập những ý tưởng ham sống ở giữa chốn cạnh-tranh.

Văn tự đặt câu hỏi ấy nhưng Văn không thể trả lời được. Một lúc lâu, như muốn phá cái câu hỏi khó khăn, Van chạy ra một mỏm đá ngồi. Văn để tâm-hồn ngây-ngất dưới hoàng-hôn. Một chiếc quạ khoang, vì tức một con chim khách tranh mất mồi, bay liệng đuổi cho kỳ được con khách để lấy lại mồi.

Trước cảnh ấy, Van liền tưởng đến một mẩu đời vật lộn mà Van đã trải và cần phải trải. Rồi Van như uất-ức với những lời mai mỉa của con tâm, đứng dạy chỉ tay về phía góc giời, lầm bầm những gì mà không ai nghe rõ. Nhưng chợt trông thấy cái tay áo lụng-thụng bọc ngoài chiếc cổ tay gân guốc, nhìn xuống chân, chiếc vạt áo nâu giải lướt-thướt đi đôi với chiếc quần cũng mầu nâu, Văn mới nhớ ra mình là một nhà sư. Văn buông một tiếng thở giài xong lại cười gằn, cái cười mỉa-mai vì Văn đã tự dối mình trong một năm đằng đẵng.

Phải, một năm trống rỗng lạnh-lùng quá. Văn sống với những câu kinh, tiếng kệ, bạn cùng chiếc mõ, cái chuông. Văn tưởng-tượng những ngày ấy nếu cứ chôi mãi thì còn gì là tương-lai Văn. Nay bao nhiêu ý nghĩ sống lại cuộc đời lại bồng-bột lên như những chiếc lá non trải qua những ngày đông giá lạnh, lại gặp tiết xuân đầm-ấm.

Mặt trời từ từ chìm xuống mặt nước mênh-mông xa xa. Tiếng chuông chùa lanh-lảnh buông một hồi rồi tan vào cõi mung-lung. Văn trở về chùa với một ý định. Rồi...

Một đêm không trăng sao, vào hôm 20 tháng giêng, một thanh-niên cứng cáp trong bộ đồ tây gọn-gàng đi ven bể lại. Người ấy đi một cách nhẹ-nhàng, lanh-lẹn, mặc cho tiếng chó ở xa xa đang sủa gió.

Người ấy đi, đi để làm việc cho đời ..

KHÁI-SINH

Thơ Ba-tư

của OMAR KHAYYAM

Xuân nồng

Xuân ta thắm lại buổi hôm nay,
Rượu rót nồng thêm, lửa đắm say.
Bất cứ rượu gì, ta cũng thấy
— Như đời—đầy những vị chua cay.

Hơi xuân

Mơn trớn bông hường, ngọn gió xuân,
Bên vườn cũng lướt mặt tình-nhân.
Thời xưa sung-sướng sao quên lãng,
Vì buổi ngày nay được ái-ân.

Xuân về

Xuân về tươi thắm múa trong hoa,
Ta đến vườn uyên, bỗng tự xa
Thiếu-nữ khuyên mời nâng chén ngọc,
Làm ta quên hết cả đời ta.

Uống say

Uống đi ! ngươi đã say hoài,
Rượu đem ta trở lại hồi xuân xanh :
Mùa thiêng liêng của hường xinh,
Rượu nồng với bạn chung tình của ngươi !
Say đi phút ngắn ở đời !

PHAN KHẮC-KHOAN dịch
(Rút ở cuốn Hư-Vô)

Tết ! Xuân !

MIỀU

(Tập Kiều)

Lơ thơ tơ liễu buông mành,
Chim oanh học nói trên cành mỉa mai.
Ngày xuân con én đưa thoi,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

NÓI

Xuân vương chính nguyệt,
Xuân xinh xinh mà Tết cũng xinh xinh.
Chúa Xuân sao khéo hữu tình,
Khéo xếp-đặt quần-quanh Xuân với Tết,
Thềm Xuân chót-vót nêu mừng Tết ;
Ngày Tết đi-đoành pháo gọi Xuân.
Xuân đi Xuân lại bao lần,
Mỗi một tuổi, một xuân, thêm một mới.
Chuốc chén rượu mừng Xuân vừa tới,
Đem mấy câu chúc gửi Tết xuân nhà.
Chữ rằng « Xuân tiết do da... »

Từ-Khê NGÔ NGỌC-CAN

TRANH TẾT

Tết đến, ta thường gián cổng hoặc tường cho trẻ em chơi những tấm tranh tuy màu sắc mộc mạc, nhưng cũng có đôi phần lý-thú : Nào *Đám cưới chuột, Cóc dạy học, Con gà, Con lợn, Ông tướng, Tam đa, Tiến-tài, Tiến-lộc, Nhị-thập-tứ hiếu, Công việc nhà nông v. v...*

Gốc-tích sự gián tranh do ở điển này : Ở dưới gốc cây đào núi Độ-sóc có hai vị thần gọi là Thần-Trà và Uất-Lũy cai-quản đàn quỷ, hễ thấy quỷ nào nhiễu hại nhân-gian thì tức khắc ra tay tiễu trừ. Nên mấy ngày tết, người ta dùng mấy chữ tên hai thần ấy hoặc gián tờ tranh ở cửa cũng không ngoài cái ý trấn-trừ ma quỷ và cầu may trong dịp năm mới.

Gặp ngày phiên chợ nắng hanh.
Dạo xem mấy đẫy bán tranh tô màu.
Này này đám chuột rước dâu,
Có chú mèo lớn ngồi chầu một bên.
Khen cho chuột cũng gan liền,
Chẳng chút sợ-hãi, ngang-nhiên, dàng-hoàng.
Cụ đồ Cóc thế mà sang,
Ngất-nghểu trên sập, trước bàn sơn son.
Quanh mình, lố nhố trò con,
Kìa anh lười nhác phải đòn nên thân.
Nọ anh quạt nước chuyên-cần,
Trọng thầy như thể hai thân khác nào.
Lại đôi gà sống cồ cáo,
Xòe cánh như muốn xông vào trọi nhau.
Mấy con lợn bột nhâu nhâu,
Xúm quanh bên mẹ, chầu đầu vòi ăn.
Nông-gia công việc siêng-năng,
Cầy bừa, cuốc xới nhọc nhằn luôn tay.
Làm ăn vất-vả xuốt ngày,
Khi cấy, khi gặt, khi xay thóc vàng.
Giã xong thôi lại giần sàng,
Được miếng cơm giẻo muôn vàn công-lao !
Tam-đa, cảnh ấy đẹp sao,
Đủ Phúc-Lộc-Thọ, lẽ nào chẳng mua.
Hăm bốn điều hiếu thuở xưa,
Đem việc người trước xếp vừa tờ tranh,
Cầy voi ông Thuấn tuổi xanh,
Đã nên hiếu-thảo thơm danh muôn đời.
Mạnh-Tôn, mầm trúc còn tươi,
Quạt nồng, ấp lạnh, nhớ người Hoàng-Hương.
Chuyện xưa dù có hoang-đường,
Khuyên ai lấy đó làm gương soi cùng.
Này là quan Tướng oai phong,
Mình giáp, tay kiếm, anh-hùng lắm thay !
Như ai ta cũng cầu may,
« Tiến-tài, Tiến-lộc » mua ngay đem về.
Cu con trông thấy hả-hê,
Gián lên cánh cửa liền kề lối đi.

CÁCH-CHI

VÂN-THẠCH

VÀNG...

VIỆC sinh tử vô-thường ; sư cát hung, hoa phúc khó lượng. Lúc ốm đau, khi lo sợ, cuộc nhân-sinh nhiều nỗi éo-le ! . . . Rủi rủi, may may, bày bày, xóa xóa... Người ta tin tưởng rằng trong chỗ vô-hình, chắc có do một sức mạnh ngầm-ngầm chủ-trương. Bởi thế mới phát sinh ra cái quan-niệm về quỷ, thần, mới có sự cúng-tế để cầu phúc, tránh họa.

Tại Trung-hoa, về đời thượng-cổ, một bọn đồng cốt đã lợi-dụng lòng tín-tưởng của quần chúng, đem những điều cát hung họa phúc, dùng những phương-thuật huyền-hoặc đánh lừa quốc dân, để làm kế sinh-nhai. Thậm chí nhà nào cũng thờ quỷ thần !

Dân-chúng bị mê-hoặc, không hiểu rõ chính-lý của trời đất, không phân biệt thiện, ác, chỉ tìm mối họa-phúc ở chỗ mơ-màng mù-mịt, nên đế-vương đời trước mới định rõ điển-lễ, để phân-biệt người với thần, để chính lòng người.

Đạo thánh-hiền tuy công-chính, nhưng chỉ cảm-hóa được thiểu-số có học-thức, còn ngoài ra lòng người vẫn bị vật-dục làm mờ tối, nên cái thuật của bọn vu-nghiễn (thày pháp) vẫn được công-hành. Về sau, các vương-giả phải đặt quan Tư-vu để cai-quản bọn vu-nhân.

Việc cúng-bái theo sự mê-tín của quần-chúng mỗi ngày một phức-tạp mà do đó có nhiều tập-quán không sao bỏ được.

Tục đốt vàng mã có nhẽ cũng tự nguyên-nhân ấy phát-sinh ra từ mấy nghìn năm nay.

Nay thử lược khảo về sự-tích vàng mã trong lịch đại Trung-hoa và xét xem tục đốt đồ mã thâu-nhập vào nước ta từ thời-đại nào.

Nguyên nước Trung-hoa, về đời thượng-cổ, người chết không phong phần, không cây làm ghi, chỉ bó bằng củi, đem táng giữa nơi hoang-vu, không người qua lại thăm-viếng.

Đến năm 2679 trước Tây-lịch, vua Hoàng-đế truyền ông Xích. Tương chế ra quan quách.

Từ năm 2205 trước Tây-lịch nhà Hạ nặn đất ngói làm cỗ bàn, lấy tre và gỗ làm các khí-cụ như đàn, sáo, chuông, khánh, vân vân, gọi là minh-khí để chôn theo với người chết.

Minh-khí là đồ dùng của thần-minh vua quỷ, nên cũng thường gọi là *quỷ-khí* rồi do đó, nẩy ra cái mầm dùng đồ mã.

Sau, nhà Ân lên thay nhà Hạ vào năm 1765 trước Tây-lịch. Trái với đời trước chôn *minh-khí*, đời này chôn *tế-khí* là đồ thực cả.

Nhà Châu (1122 trước Tây-lịch) chia người chết làm hai hạng ; quý và tiện. Quý, gồm từ thiên-tử xuống đến đại-phu, được kiêm dùng cả *quỷ-khí* và *tế-khí*. Tiện, từ sĩ phu xuống đến thứ-dân, chỉ được dùng *quỷ-khí* mà thôi.

Lúc sinh-thời, vua yêu vợ nào, quý con nào, mến kẻ thị-dụng nào, đến khi vua băng, những người ấy đều bị chôn sống theo vua, gọi là *tuẫn-táng*. Tục này không những dùng cho một thiên-tử, mà các vua chư-hầu cũng đều theo cả.

Sau khi Tần Mục-công mất, ba anh em họ Tử-xa là Yêm-Tức, Trọng-Hành và Châm-Hồ có tài-đức hơn người, đều phải tuẫn-táng ! Người trong nước tỏ nỗi xót thương, có làm thơ phản-đối tục chôn sống người vô-nhân-đạo ấy. Triều-đình mới tìm vật khác thay chơ người, nhân thế mà chế ra người bằng cỏ gọi là *sô-linh*.

Người bằng cỏ trông không được mỹ-quan, nên lại làm người bằng gỗ tức là *mộc-ngẫu* hay *dũng* do Yểu-tư chế ra từ năm 1001 đời Châu Mục-Vương.

Từ đời Hán về sau, nho giáo thịnh hành, việc dùng *mộc ngẫu* đều bị coi khinh, dân gian lại trở lại việc dùng đồ thực. Bao nhiêu đồ nhật dụng, bao nhiêu vàng, ngọc châu, báu, lúc chết đều đưa ra mộ. Vì tục tuẫn-táng đã coi là vô-nhân đạo, nên người không phải chôn sống nữa, chỉ phải lưu cư nơi mộ địa. Có khi, trên mộ lại đặt ngựa đá, voi đá, phỗng đá, cho thêm nghị vệ.

Đến năm đầu, niên hiệu Nguyên-Hưng (105) đời Hán Hòa-Đế, ông Thái-Luân lấy vỏ cây gió và rẻ rách chế ra giấy.

Về sau quan Chưởng - Sử nhà Đường là Vương-Dư mới nghĩ cách thay vàng bạc thực bằng tiền giấy để dùng vào việc tang ma, tế tự. Tiền giấy xuất hiện tự đời Huyền-Tôn nhà Đường năm Khai-nguyên 26 (738) Vương-Dư được cử làm Thái-thường bác-sĩ coi việc thiêu đốt tiền giấy trong khi cúng tế.

Tiền giấy một khi đã được công-hành, người ta lại nghĩ đến việc thay người cỏ, người gỗ hay người sống bằng người giấy gọi là *hình-nhân* để thế mạng. Rồi những đồ

cùng cũng đều làm bằng giấy để dung cho vong-giả.

Tục dùng đồ mã từ đó được ưa chuộng, lại gặp hồi Phật-giáo thịnh-hành, nên được phổ-cập trong nước Trung-hoa.

Nhân ngày 15 tháng 7 là tiết trung nguyên, vua Đường Đại-Tôn (763-779), theo nhời tâu của sư Đạo-Tạng, thông sức cho dân-gian mua minh cụ bằng đồ mã, khấn, rồi đốt để các vong-nhân có thứ dùng trong âm-giới.

Thế là đồ mã được lưu hành trong nước Tàu một cách rất mau-chóng.

Nước ta, trong hồi nội thuộc Tàu, từ văn-chương đến phong-tục, dù hay, dù dở cũng đều hòa theo người Trung-quốc. Tục đốt mã cũng vì thế mà thâu-nhập trong xã-hội Việt-nam.

Quốc dân ta bao năm đã từng thực hành tập tục ấy đối với người đã khuất. Song tiếc rằng người mình quá ư xa xỉ, thường thường chỉ làm theo cái nghi-thức trong sự thờ-tự mà quên mất cái tinh-thần về việc kỷ-niệm thần-minh hay tổ-tiên.

Ít lâu nay, muốn cho đồng-bào tiết-kiệm một số tiền xa-phí vô ích để mua lấy một đống tro tàn, nên trong xã-hội ta đã từng nổi lên phong-trào bài-trừ việc dùng đồ vàng mã. Song xem ra cũng không có kết quả là bao !

Tục đốt mã vẫn thịnh-hành, quốc-dân phần đông tuy đối với mọi sự chi phí ăn tiêu vẫn dè dặt, mà đối với việc đốt mã vẫn không chịu ngừng tay ! Nhờ thế mà nuôi sống một nghề đã có từ nghìn xưa, do đó một hạng người không đến nỗi thất nghiệp ! Hiện nay, nghề làm đồ mã vẫn phát đạt như thường !

Về đời không cái gì là toàn-lợi, mà cũng không cái gì toàn hại cả ; cốt sao dung-hòa, tiết-chế cho có điều-độ thì hơn.

...MÃ

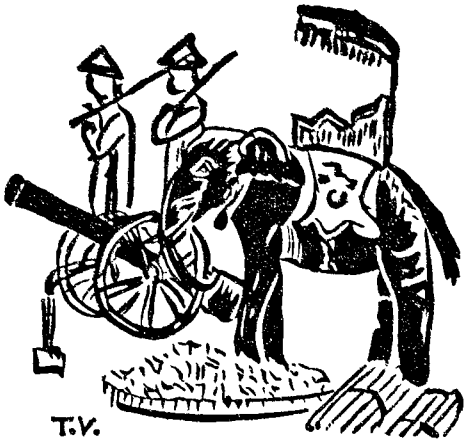

Theo nho giáo nói, thì người ta sinh ra đời, có khí, có hồn, có phách.

Một khí thở hơi cuối-cùng, hồn phách sẽ dời xác thể mà bay đi. Cái khí tinh-anh lên trên khoảng không-gian sáng sủa rực-rỡ, còn hài-cốt dần dần tiêu tán.

Vậy thì chết đi không phải là hết cả, chỉ hết cái hình-hài mà thôi ; còn cái khí tinh-anh tức là tinh-thần vẫn ở trong vũ-trụ. Do cái lý-tưởng ấy, nên có câu : « Sinh ký giả, tử quy giả » (sống là gửi vậy, thác là về vậy).

Dù tinh-thần biết hay không biết, song đối với người chết, bao giờ ta cũng có tình-cảm, không thể cho là người chết không biết gì nữa hay vẫn còn biết như lúc còn ở trên trần.

Theo Lễ-ký, thì « cho người chết là mất hẳn không biết gì nữa, là bất nhân ; không nên theo. Cho người chết là còn biết như lúc hãy còn sống, là bất trí ; không nên theo ».

Vậy sự thờ-cúng người chết, tế-tự tổ-tiên là một việc cần nên có để tỏ lòng thành-kính, biết ơn, khiến con cháu lúc nào cũng ngưỡng-vọng đến tiền-nhân, tưởng-tượng như tiên-tổ vẫn còn tại thế để chứng kiến lòng tôn kính của con cháu, để che chở, dìu-dắt con cháu qua nhiều bước khó-khăn trên đường đời ..

Vì sùng-bái, kỷ-niệm tiên-tổ, nên con cháu muốn tỏ lòng «sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn. »

Người con cháu có lòng hiếu-kính sắm đủ các đồ nhật-dụng, các thứ kim-ngân châu báu, dâng cúng tổ tiên, đốt ra tro để làm khói bay theo linh hồn người khuất ! Rồi trông theo làn khói, con cháu có thể tự an-ủi là một khi tiền-nhân đã nhận đủ các đồ minh-khí, nghĩa vụ người sau đã trọn vẹn để yên lòng theo đuổi cuộc đời.

Vậy thì đốt vàng mã trong mấy ngày tết, trong các kỵ-nhật tuy cũng là một phí-khoản, song cũng không đến nỗi xa-phí vô ích như những món tiền hi-sinh trong chốn yên-hoa, trong bàn đèn đỏ, mà lại còn có công-dụng nhắc kẻ làm con cháu phải đủ bổn-phận đối với tiền-nhân, nghĩ đến công-đức người trước, noi gương sáng, làm cho thơm danh tiên-tổ, quang-rạng nghiệp nhà...

Điều cốt-yếu là theo cuộc biến-thiên của thời-thế, ta nên xa giấc mộng mơ-màng mê muội nghìn xưa, tỉnh-giảm sự xa-phí về việc đốt vàng mã, thâu-thái lấy cái tinh-hoa của cổ-tục, ấy là đã tiến một bước dài trên đường giác-ngộ vậy.

NHẬT-NHAM

NGÀY TẾT LỊCH-SỬ

(*Tiếp theo trang 9*)

Cần-thận-Hầu bị thương nặng, sức đã yếu kém, phải hua đao vừa chống vừa lùi. Chẳng dè cái chuôi đao vướng vào rào cây, làm cho ông trượt chân ngã vật xuống. Giặc xông đến, đâm ông chết ngay.

Bấy giờ quân lính bộ thuộc hối hả kéo đến tiếp ứng, thì giặc bỏ chạy đi.

Chúng tụ quân, giữ thế thủ, chống lại quan-quân chúa Nguyễn, làm nghẽ đường giao-thông ở Gia-định.

Cương-uy-hầu Nguyễn (không rõ tên là gì) đem quân thủy, bộ trong dinh ra bày trận ở bờ bên bắc, đốt phá chiếc cầu ván để chặn đường tiến lên của quân giặc. Nhưng Cương-uy-hầu cứ đóng quân cầm cự, chứ không dám tiến lên đánh dẹp. Rồi đưa hịch cấp báo cho Đại-thắng hầu Tống-phúc-Đại hiện làm cai-cơ ở đạo Mỗi-suy hợp binh cùng đánh, bấy giờ mới dẹp tan được.

Hai ông bắt được bọn Quang và 57 tên đầu đảng hung-ác. Vì cho rằng chúng là người của nhà Thanh, một nước đối với ta hồi đó được đóng cái vai «thiên-trào», nên hãy tống chúng vào lao, chứ không đem giết vội.

Hai ông cho phi ngựa tâu việc biến này lên chúa Nguyễn.

Về sau, các nhà đương-đạo bên ta kể rõ tội trạng bọn giặc khách này vào một tập văn-án, giao chúng và công-văn ấy cho Thiên-tổng Mãn-Thanh là Lê-Huy-Đức giải về tỉnh Mân (Phúc-kiến) để Đốc-bộ tỉnh đó trị tội.

Những tội-phạm bị giải đi ấy còn 16 tên, trong có bón Lý văn-Quang, Hà-Huy và Tạ-Tứ. Ấy vì không kể những đứa đã chết ở ngục hoặc vì bị thương, hoặc vì đau-ốm.

Chữ « phúc » chơi tết

Sau khi đại-thắng Mãn-thanh, qua mùa xuân năm Tân-hợi (1891), vua Quang-trung có cái vinh-dự là nhận được chữ «phúc» do chính tay vua Thanh Cao-Tông viết tặng để làm một món thưởng ngoạn trong ngày xuân.

Vì bấy giờ nhà Thanh muốn che lấp cái nhục chiến bại, nên hết sức vồ-vập, tâng-bốc, trọng đãi vị giả-vương Việt-nam do vua Quang-trung phái sang triều-cận.

Theo lệ thường, hằng năm, vua Thanh vẫn thân viết chữ «phúc» ban cho các vương, công đại thần để làm món quà mừng xuân mới. Vua Thanh sợ đợi đến mồng một tháng chạp mới thử bút rồi viết tặng thì, khi ta nhận được, đã quá tết nguyên-đán mất rồi ! Vì thế, vua Thanh phải đặc cách viết trước đưa cho, khiến sang xuân, ta kịp treo chơi trong dịp năm mới.

Một chữ « phúc » này thật chứa biết bao ý-nghĩa lịch-sử.

(Tham khảo các sách *Gia-định-thành thông-chí*, quyển II, mục *Sơn xuyên* ; *An-nam nhất thống-chí* ; *Đại-nam chính biên liệt-truyện* ; *Đại-Thanh thực lục*)

HOA-BẰNG

THỜ CÚNG TỔ TIÊN

(Tiếp theo trang 13)

những lễ-phẩm, như bánh, sữa, ra cúng.

Lại có tục người con hiếu thường-thường phải đem lễ phẩm để cúng cho linh-hồn cha mẹ tuy khuất nhưng vẫn phảng-phất ở mộ-phần. Họ lại tin rằng nếu không cung, các linh-hồn sẽ phiêu-dạt làm quỷ đói ; như thế là một tội rất nặng. Luật-pháp Hi-lạp trừng-trị rất nghiêm những quan chủ-súy sau khi thắng trận mà quên không làm lễ truy-điện các trận-vong tướng sĩ.

Đến người La-mã thời việc thờ-cúng tổ-tiên lại là phận-sự thứ nhất của cả một gia-đình. Vì thế, khi có người mất, họ làm ma rất linh-đình long-trọng.

Sau khi đã tắm rửa cho người thác, họ giao cho các phu đòn khiêng ra đặt trên giường ở giữa nhà. Trước cửa nhà có giồng một cây trắc-bách-diệp để báo tang.

Ngày cất đám, rước thi-thể lên xe, có phường kèn, sáo và những người khóc mướn cùng người họ-hàng đi chắp phất. Nếu là nhà quí tộc, lại có rước cả hình-ảnh tổ-tiên đi đường. Đến chỗ công-viên (forum), thì một người tai-mặt đọc điếu-văn. Nhưng khác với dân-tộc Hi-lạp, là sau khi đọc điếu-văn, thi-thể sẽ đem hỏa táng trên một đống củi do người thân-nhân châm lửa.

Lễ đoạn, những hài-cốt sẽ đem đựng vào những bình hoặc bằng vàng bạc, tùy theo tài-sản người mất. Bình ấy sẽ để vào những ngôi mộ xây sẵn. Chín ngày sau, cả họ họp lại làm cơm nước cúng và có khi để kỷ-niệm người mất lại có những cuộc thi điền-kinh để an-ủi cho linh hồn người qua đời.

Những mộ người giầu thường xây ở dọc đường đi. Còn người nghèo không có mộ xây, họ thuê một chỗ trong những ngách tường nhà mà các nhà thầu-khoán đã xây sẵn hình như cái chuồng chim bồ-câu (columbarium), có nhiều khi là những ô đào ở dưới hầm gọi là *catacombes* mà người ta thường đào được ở kinh thành La-mã.

Tục thờ cúng tổ-tiên, về phần nghi-thức, tuy mỗi nơi một khác, nhưng cũng cùng một ý nghĩa cả. Vả lại, thờ cúng tổ-tiên để tỏ ra mình không vong bản, thời tưởng không có gì hại. Chỉ cần không nên nhận những ngày ấy mà bày ra ăn uống quá độ là được.

TIÊN ĐÀM

TRONG THÁNG XUÂN, NGÀY XƯA TA LÀM NHỮNG VIỆC GÌ ?

CHÚNG ta chớ tưởng trong ngày xuân thư - nhàn, dân-tộc ta chỉ biết :

Tháng giêng ăn tết ở nhà,
tháng hai đình - đám
tháng ba hội - hè, v.v.

Câu hát đó, chỉ để cho ta rõ cảnh thanh-nhàn, yên - lặng của những người thường trong dân-gian. Thực ra những bực anh-hùng, hào-kiệt, chí-sĩ, nhân-dân không lưu ý đến khánh-tiết hay thưởng-xuân, gặp cơ - hội phải làm thì lập-tức làm ngay, không chờ đến hết ngày ; gặp việc có thể làm được hôm nay, không hề nhãng để đến hôm sau. Chứ không như phường câu-nho, tục-sĩ, gặp việc, còn chờ ngày lành, chọn tháng tốt, quanh quanh quẩn quẩn những chọn cùng chờ, thì cơ-hội đã qua, dịp may đã hết ; đến lúc việc có hư, mưu có hỏng, lại đổ tại giời, tại số !

Muốn chứng tỏ để các ngài biết *trong tháng xuân ngày xưa ta làm những việc gì* ; nghĩa là những bực anh-hùng hào-kiệt nước ta ăn tết, thưởng xuân thế nào, tôi xin lần-lượt kể từng ngày, để các bạn trong khi vui mừng xuân mới ghi nhớ việc xưa, không phải là không có ích vậy.

Mồng một tháng giêng năm
Canh-tí 1780

Chúa Nguyễn Ánh tức là vua Gia-long xưng vương ở trong Nam

Mồng hai tháng giêng năm
Ất dậu 1885

Thành Tuyên-quang Bắc-kỳ bị quân Cờ-Đen vây, Đại tướng Brière de l'Isle phải đem binh ở Lạng-sơn về Hà-nội để lấy quân lên giải cứu.

Mồng ba tháng giêng năm
Kỷ - dậu 1789

Vua Quang-trung vây đồn Hà-hồi bây giờ thuộc phủ Thường-tín, Hà-đông, Bắc-kỳ.

Mồng bốn tháng giêng năm
Tân-dậu 1741

Quan Tiến - sĩ Trần - cảnh cầm quân đi càn giặc Nành Nguyễn Tuyên, ở Đại - tân, Đại - bát nay thuộc về Đông triều, Hải-dương Bắc Kỳ.

Mồng năm tháng giêng năm
Kỷ - dậu 1789

Vua Quang - trung đánh tan quân Tôn sĩ-Nghị kéo vào thành Thăng-long Chùa Đồng-quang ở Thái-hà ấp thường năm giỗ trận tức là kỷ-niệm trận này xin coi thêm bài *Mấy ngày tết « lịch-sử »* của bạn Hoa-Bằng.

Cũng ngày nay, năm
Nhâm-Thìn 1592

Chúa Trịnh-Tùng kéo quân ra đánh nhà Mạc, qua sông tiến đến chùa Thiên-xuân gần cầu Nhân-Mục Hà-đông.

Cũng ngày nay, năm
Bính-tý 1936

Vua Bảo-đại xuống dụ đặt học-lẫm và huy-chương để khuyến-khích học-sinh trong nước.

Mồng sáu tháng giêng năm
Nhâm - thìn 1592

Chúa Trịnh-Tùng, vâng mệnh vua Lê ra đánh Mạc hạ được thành Đại-la tức là Hà-nội bây giờ, truyền phá hủy san thành đất phẳng. Lũy thành Đại-la hiện nay tức là con đường cao bờ đê sông cái đi xuống ô cầu Dền gần Bạch-mai, thẳng sang làng Kim-liên ở Đồng-lầm, sang ô chợ Dừa, sang ô Cầu giấy, vòng lên chợ Bưởi rồi lại quanh lên đê.

Mồng 7 tháng giêng năm
Đinh-dậu 1477

Vua Lê Thánh-Tôn mang binh vào đánh Chiêm - thành, quân thủy bộ tiến đến cửa Tân ấp (?)

Cũng ngày nay, năm
Nhâm-tuất 1742

Quan Tiến Sĩ Trần cảnh lĩnh chỉ đi dẹp dư-đảng giặc Nành Nguyễn-Tuyên, ở hạt An-quảng nay là Kiến An, Quảng-yên, Bắc-kỳ.

Mồng 8 tháng giêng năm
Tân-mùi 1751

Quân Trịnh - Doanh đánh lấy được đồn Hương-canh, Vĩnh yên, Bắc-kỳ, của Nguyễn danh-Phương

Mồng 9 tháng giêng năm
Mậu- tuất 1418

Quân Minh kéo vào Lam-sơn giao chiến với quân vua Lê-Lợi.

Mồng 10 tháng giêng năm
Mậu-thân 1428

Trần-Cao, chính tên là Hồ-Công tức là Vua Thiên-Khánh nhà Trần bị triều thần bắt uống thuốc độc tự tử, vì lòng người không phục, ai cũng muốn tôn ông Lê-Lợi lên ngôi.

Long-Đền NGUYỄN VĂN-MINH

xem tiếp trang 40

MỘT BUỔI HỌC CUỐI NĂM

CHIỀU hôm ấy là một ngày cuối tháng chạp, cũng buồn-tẻ như cả một mùa đông. Một thứ gió khô-khan đem cái lạnh lẽo tê buốt tự nơi rừng xa luồn-trong cây cỏ, rũ tung những lá tre vàng xuống đầy ngõ và làm vắng teo cả đồng ruộng, Tuy có mặt trời, cũng không làm tan được hơi giá. Và trời càng về chiều càng lạnh. Tôi, co ro trong chiếc áo dạ, cố lần sang thăm cụ đồ Ba, một ông bạn già, mới quen từ khi tôi lên nghỉ ở trên đồn-điền này, vì chả còn mấy ngày nữa, tôi phải cùng cụ chia tay, biết đến ngày nào lại gặp. Cuộc đời gió bụi bất thường có bao giờ dành cho nhau được những cuộc tái ngộ bằng mong mỏi! Nghĩ vậy, trong tâm hồn tôi cũng dao-dạt, cảm súc, và một nỗi buồn vô cớ tự đâu cũng hình như về hùa với gió lạnh, làm cho lòng tôi se lại.

Cả một quãng đường dài quanh-co vàng bong người như dài thêm. Tôi cũng tưởng buổi chiều ấy tìm được sự ấm áp trong câu chuyện với cụ đồ Ba, nên co ham-hở rảo bước.

Nhưng vừa đến sân nhà cụ, tôi ngạc nhiên. Bà đồ và cô con gái đang hì-hục buộc lại đôi bồ đã rách. Hai mẹ con người nhà quê hiền lành ấy như mải công-việc qua. Không nhận thấy tôi đến nữa. Nên khi tôi lại gần tới sau lưng thì người mẹ giật mình chao hấp tấp:

— Thầy vào chơi! May quá, ông đồ nhà tôi đang định sang chơi thầy.

— Thế thì may quá nhỉ! Cụ sắp quang gánh đi đâu thế, cụ?

— Ấy, mai chúng tôi xuôi, thầy ạ.

— Cụ về quê ăn Tết rồi kia à? Thế mà chau tưởng cụ vừa về chợ?

Bà cụ chép miệng thong thả đáp:

— Tôi cũng muốn nán lại ít hôm, chợ tết cũng kiếm được, nhưng ông nó nhà tôi không nghe, bắt về ngày mai. Chả biết đỉnh chung gì tết với nhất, chỉ tội bận và tốn về tầu xe thôi, thầy ạ!

Câu sau này, bà cụ già nói nhỏ như hơi thở dài vì ở trong nhà, cụ đồ Ba đã nói với ra:

— Thầy vào chơi,.. đàn bà biết gì mà cũng nói chuyện.

Tôi vội cất tiếng chào.

Điểm theo mấy tiếng cười, cụ đồ Ba đã nhấc tấm mành bước ra. Ông cụ già gần sau mươi tuổi, khoác cái áo bông dài rách trong lại càng già thêm.

Một cơn gió lạnh chợt qua. Cụ đồ lại lùi vào, và tôi cũng bước theo. Cụ đồ đã co-ro ngồi lại phản.

— Thầy ngồi chơi đây. Gớm, giời rét khan, khó chịu lắm, thầy ạ! Tôi không dám thò đi đến đâu cả.

Trong nhà tối lắm. Tuy trời nắng, song vì sợ gió, cụ bắt đóng kín cửa và đốt lò, nên tối om-om, chỉ khoảng cửa sổ phía nam còn chút ánh sáng cho tôi nhận rõ mấy cái đầu trẻ con để chỏm lố-nhố trên chiếc chõng tre.

— Bẩm cậu ạ!

— Bẩm cậu ạ!

— Bẩm cậu!

Tiếng lũ trẻ vang lên, vì mấy đứa học trò ti-hon ấy và cả các trẻ con trong hàng ấp đều quen gọi tôi như thế. Bọn trò nhỏ nhân dịp đó, lại ồn ào lên. Cụ đồ Ba phải lấy cái roi mây vụt mạnh xuống phản. Sự im lặng trở lại. Và câu chuyện của tôi với cụ đồ bắt đầu.

— Thầy năm nay ở đây ăn Tết?

— Thưa cụ, chúng tôi cũng ở lại vài hôm nữa thôi. Mai cụ đã cho học trò nghỉ à? Cụ ngỉ sớm vậy?

Như gợi được câu chuyện đang muốn nói, cụ đồ Ba tiếp luôn một hơi:

— Thầy tính chả cho nghỉ, thì rồi vài bữa nữa chúng nó cũng nghỉ. Vả chăng, năm hết tết đến, chúng nó còn nghĩ gì đến học hành nữa. Mà chán quá, thầy ạ, dạy học cả năm, trông vào cái tết, mà năm nay mùa nội thất bát, đứa nào cũng chực khất thầy đến sang năm. Không biết họ nghĩ thầy sống bằng gì mà đợi được! Chả bù với khi xưa chúng tôi đi học, nào tết con, tết nhớn, đến cái giỗ súi nhà thầy cũng phải gà gạo mang đến. Bây giờ thúc như thúc nợ, họ cũng lần-khân! Muốn gìn-giữ đạo thánh mà cơ màu này thì đến nguy cho nhà nho mất thầy ạ.

Một nụ cười chua chát điểm theo câu nói làm rắc rẻo thêm bộ mặt khô đét của ông cụ. Chẳng để cho tôi nối lời, ông cụ cứ chậm chạp và nho nhỏ tiếp :

— Thật ra thì nào có phải riêng gì nỗi khó khăn ấy mà thôi đâu... Lại còn...

Tôi mỉm cười vì câu than vãn chua chát ấy trong khi ông già vẫn tiếp :

Nghĩ đến cái buổi xưa, tiếc quá ! Mà thày phải biết : vui đáo để ! Ở làng nào mà có trường học, thì thật là sung sướng. Vì không những con em có chỗ học hành, mà còn được những người xa la tến trọ học nữa. Các thày theo tận học bây giờ chắc chả biết được những cái vui ấy. Như hồi tôi đi học cụ Huấn Nguyệt-Lãng, — mỗi kỳ văn là một ngày hội, mà cũng là ngày sung-sướng nhất của những người bài hay.

Thật là ngày hội.

Con mắt đã mờ nhìn vào xa-xăm như muốn vẽ lại cái ký-vãng tưng-bừng ấy, cụ văn vẻ tả cái quang cảnh thời xưa.

— Trong một cái sân rộng, học-trò hồi-hộp nhìn vào chỗ án thư cụ Huấn ngồi mà đợi xướng đến tên, và đến nghe những câu văn tế-nhị của mình được ông thày khen-ngợi. Biết bao nhiêu là hứng-thú, bao nhiêu là hy-vọng .. Cả một cái tương-lai sáu-lạn nẩy-nở ngay tự những phút thần-tiên ấy...

Ông cụ già như trẻ lại với cái hình ảnh rực-rỡ của thời xưa, cao giọng tiếp :

— Các cụ khi xưa dạy học có phải đâu chỉ có nghĩa là kiếm sống. Các cụ chỉ có cái cao-vọng là truyền rộng đạo Thánh. Nên các cụ còn chọn-lọc kỹ-lưỡng từ những học-trò cho đến bố mẹ học-trò, rồi mới cho nhập môn. Thật là khó-khăn. Thế mà các nhà giàu thì nhau đón mời các cụ, kính-trọng tôn-sùng để mong các cụ chiếu cố đến, dịu dắt cho con cháu. Đâu dám kể đến lợi-lộc. Các cụ mà nhận lời cho là sung-sướng rồi. Và chuyện tiền gạo thì đã có luật-lệ chung của trường-tràng họ định. Các cụ khi xưa đi dạy học có đâu đến nỗi phải tính đến kế sinh-nhai. Mỗi thời một khác, thật chán chết, thày ạ !

Ngừng một lát, cụ lại tiếp ngay :

— Làm gì mà chẳng chán, hở thày ? Cũng gọi đi ngồi, đến chúng tôi bây giờ thật là cơ-cực. Cũng nhiều lúc tự yên-ủi mình rằng có bổn phận giu-giữ đạo Thánh. Nhưng thày nghĩ xem học-trò bây giờ chúng nó có như chúng tôi ngày xưa đâu. Cho đến bố mẹ họ cũng không nghĩ gì đến ông thày nữa. Thấy có thày đồ thì họ cũng cho con họ đi học răm ba chữ, và tiện thể giao cho mình trông-nom hộ như bố già. Cũng bởi chữ nho bây giờ không đắc dụng nữa. Nhưng thày đồ đâu có phải là vú em nhà họ đâu. Mà công mình họ cũng kiếm cớ khất lần ! Suy-đồi quá lắm ! Đạo-đức còn gì nữa, hở thày ?... Ấy là tôi cũng còn dạy thêm quốc-ngữ nữa đấy...

Thấy cụ đồ bận nói truyện với tôi, lũ học-trò nhỏ lại nhao-nhao lên nghịch. Chúng nó, đứa lớn chưa qua mười tuổi, đứa bé lên năm, lên sáu, đang chòng-ghẹo nhau. Dưới chõng, sách-vở bừa bãi, lẫn-lộn mấy cuốn sách nho, mấy quyển vở quốc ngữ, chữ viết ngòng-nghẻo nguệch-ngoạc. Tôi nghĩ đến lời cụ đồ thấm-thía và nhìn lên thì trên khuôn mặt già sọm của người hàn-sĩ như lanh thêm và phẳng phất một mối u-hoài, một tiếc thương cái ký-vãng xa-xăm.

Cũng bâng-khuâng một mối cảm-thương với người bạn già, không muốn kéo thêm nỗi cảm-xúc cho mình và cho người, tôi vội cáo biệt cụ đồ, thì như sực tỉnh, ông cụ già như cái máy, đứng dậy, và không quên vụt mạnh cái roi mây xuống phản, bằng một giọng phều-phào, cụ quát :

Học đi... *Vi sở đương vi... — Tân quảng thể bản — Phê hát a pha, phê hát á phá — phê hát á phá...*

Tôi bước chân ra khỏi cửa, lại gặp bà đồ đang thu xếp những đồ dùng vặt vào cái nin sách của ông cụ đã từ bao lâu không dùng đến. Tôi chào rồi lặng lẽ đi ra, trong lòng lặng trĩu một mối buồn bâng khuâng về cái buổi học cuối năm âm-thầm buồn tẻ này, nó là cái ghệch nối năm cũ với năm mới và có lẽ cả cái thời xưa với thời sau.

Từ trong nhà tiếng lũ trẻ còn vang theo tôi ra ngoài đường vắng lạnh :

— *Phê hát a pha, phê hát á phá, phê hát á phá.*

CHU-THIÊN

Trong tháng xuân ngày xưa ta làm những việc gì ?

Tiếp theo trang 37

Ngày 11 tháng giêng năm Kỷ-mùi 1859

Thủy-quân nước Pháp sau khi chiếm được ~~mũi-nhọn~~ Cà-mau Cap Saint Jacques tiến vào đánh tỉnh Sài-gòn Nam-kỳ.

Ngày 12 tháng giêng năm Ất-dậu 1285

Trận Dực-thủy của đức Trần-Hưng-Đạo bày ở Vạn-kiếp bị quân Thoát-Hoan nhà Nguyên phá vỡ. Quân Nguyên thừa thắng tràn đến tận huyện Gia-lâm, cướp phá.

Ngày 13 tháng giêng năm Qui tỵ 1593

Quân Trịnh-Tùng đến Chí-linh, chia binh đuổi bắt Mạc Khang-Hựu ở làng Tân-manh huyện Hoành-bồ Quảng-yên, Bắc-kỳ.

Cũng ngày nay năm Mậu-tuất 1418

Quân vua Lê-Lợi đánh thắng quân Minh ở Lục-thủy Thanh-hóa, Trung-kỳ.

Ngày 14 tháng giêng năm Qui-tỵ 1593

Chúa Trịnh-Tùng bắt được Mạc-Kính-Chỉ chắt Mạc-Đăng-Dung tự lập làm vua đóng ở vùng Đông-triều, Hải-dương.

Ngày 15 tháng giêng năm Nhâm-thân 1272

Quan Tiến-sĩ Lê-Văn-Hưu, đời nhà Trần, dâng ngự lãm bộ *Đại-Việt Sử Ký* cả thảy 30 quyển, là một pho sử « trùng tu » trước nhất ở nước ta.

Ngày 16 tháng giêng năm Mậu-tuất 1418

Quân vua Lê-Lợi giao-chiến với quân Minh, thua phải lui vào núi Chí-linh Nghệ-an Trung-kỳ.

Ngày 17 tháng giêng năm Giáp tý 1804

Vua Gia-long đổi tên nước ta là « Việt-Nam ».

Ngày 18 tháng giêng năm Giáp-tuất 1874

Thủy-quân Thiếu-tướng Krantz tới Saigon để thay Thiếu-tướng Dupré phải gọi về Pháp vì việc Đỗ-Phổ-Nghĩa Jean Dupuis ngoài Bắc-kỳ.

Ngày 19 tháng giêng năm Tân-dậu 1861

Quân Pháp và I-pha-nho tiến đánh Tân-kiên Nam-kỳ.

Ngày 20 tháng giêng năm Đinh-hợi 1467

Quan Tể-tướng nhà Hồ là Hồ-Nguyên-Trừng giao chiến với quân Minh ở sông Mộc-phàm xã Mộc-phàm, huyện Phú-xuyên, Hà-đông.

Ngày 21 tháng giêng năm Canh-tuất 1788

Vua Lê Chiêu-Thống ở Quảng-tây bên Tàu, vào Yên-kinh, yết kiến vua Thanh để mượn binh về đánh Tây-sơn, mong khôi phục đất nước.

Ngày 22 tháng giêng năm Qui-dậu 1573

Vua Lê Anh-Tôn và 4 vị hoàng-tử bị Tống Đắc-Vị, thủ hạ chúa Trịnh, đón giết.

Ngày 23 tháng giêng năm Giáp-thìn 1784

Quân Tam-Phủ vây phá nhà quan Thạc-quận-công Hoàng-Phùng-Cơ.

Cũng ngày nay năm Bính-dần 1446

Vua Lê Nhân-Tôn sai sáu vạn binh đi đánh Chiêm-thành nay vào khoảng đất Quảng-nam, Qui-nhơn, Bình-định Trung-kỳ.

Ngày 24 tháng giêng năm Giáp-thân 1884

Quân Pháp đóng giữ miền Phả-lại Sept Pagodes, Bắc-kỳ.

Ngày 25 tháng giêng năm Mậu-tý 1684

Chúa Nguyễn Phúc-Lan đại thắng quân chúa Trịnh ở cửa bể Nhật-lệ Quảng-bình — Trung-kỳ.

Ngày 26 tháng giêng năm Qui hợi 1863

Hải-quân Thiếu-tướng Bonnard đến Huế, triều-yết vua Tự đức để dự lễ công-nhân tờ Hòa-ước ký ngày 5-6 1862

Ngày 27 tháng giêng năm Qui-tỵ 1593

Chúa Trịnh-Tùng xử giảo Mạc-Kính-Chỉ chắt Mạc Đăng-Dung bị bắt từ hôm 14 tháng giêng năm ấy.

Ngày 28 tháng giêng năm Quý-tỵ 1293

Đức Trần Hưng-Đạo tâu xin vua sai Thượng-tướng Trần Quang-Khải đem binh vào Nghệ-an chống quân Nguyên Tàu.

Cũng ngày nay năm Canh-thìn 1400

Hồ Quí-Ly phế vua Thiếu-đế, cướp ngôi nhà Trần.

Ngày 29 tháng giêng năm Quý-sửu 1733

Chúa Trịnh-Giang, muốn tránh sự xa-phí, đặt ra lệ hạn-chế việc làm tượng Phật, chỉ cho tạc bằng gỗ hay đá, chiều dài ba thước ta.

Cũng ngày nay năm Tân-mùi 1471

Quân vua Lê Thánh-Tôn vây thành Chà-bàn là Kinh-đô nước Chiêm-thành.

Ngày 30 tháng giêng năm Mậu-tý 1408

Trương-Phụ, tướng nhà Minh, đem quân vào đánh Diễn-châu Nghệ-an, Trung-kỳ.

Long-điền NGUYỄN VĂN MINH

NHỮNG KÝ ỨC VỀ TẾT CỦA CÁC NHÀ VĂN

LẦM NHÀ

NĂM ấy, tuổi tôi chừng 17, 18. Gặp ngày nguyên-đán, phụ-thân tôi sai lên xóm trên lễ tết và mừng tuổi một ông bạn già. Nhà ông phụ-chấp ấy, tôi đã có đến một đôi lần, nhưng lâu ngày quên đi. Nay cha sai đi lễ tết, tôi đến ngõ ấy, lại vào lầm một nhà láng-giềng với nhà ông phụ-chấp. Vừa vào đến sân, tôi đã biết ngay là lầm, nhưng không thể quay ra, vì chủ nhà đã trông thấy, chạy ra giữ chó. Nếu tôi trở ra, thì « năm mới năm me », người ta sẽ cho như thế là « rông », có thể mắng cho tôi không vuốt mặt kịp. Bởi thế, tôi đành phải vào lễ ở trước bàn thờ nhà ấy, và cũng phải theo lệ, nói vài câu chúc lành chủ nhân.

Chủ nhà này là hai mẹ con người

đàn bà góa, người con gái cũng ngang tuổi tôi, vốn là một nhà hàn tiện, nhà tôi chưa từng bao giờ giao thiệp với nhà ấy. Nay đột nhiên tôi vào lễ tết, mà mẹ con nhà ấy lại không biết là tôi lầm nhà, ý cho là tôi muốn ngắp nghé ngôi đông-sàng, nên mở đường cầu thân bằng một sự đến lễ tết ấy. Nhân thế, tôi được tiếp đãi rất trinh trọng, bà góa mời mọc ân cần và gọi con gái ra pha nước thết tôi. Tội nghiệp cho tôi lúc ấy hồ thẹn chín cả người ; tôi càng hồ thẹn khi tưởng-tượng người đàn bà thấp kém kia dám đương có cái ý tưởng định làm « bà nhạc » tôi.

Gượng uống một chén nước, rồi tôi đứng dậy chào để đi ra, tôi đi ra với cái bộ mặt

xem tiếp trang 44

TRÚC-KHÊ

HAI CHIẾC BÁNH CHƯNG

HỒI ấy tôi hãy còn là một anh học trò chữ nho để chỏm, cái tuổi chỉ thả riều, đánh khăng, trèo cây, lội ao, và thêm một nết xấu là ăn tham nữa.

Năm ấy, thày tôi làm hình-quan ở một tỉnh miền Trung-du. Cứ gần đến ngày tết, tôi chỉ hi-vọng cái khăn nhiễu tam-giang, cái áo the dài quá gối (may phòng nhớn), cái quần vải ta trắng và đôi giày da lộn. Được những thứ ấy, lại thêm vài đồng xu mở hàng nữa để ăn quà, tôi tưởng tôi đã sung-sướng nhất đời.

Ở đời, lòng tham thường vẫn không đáy. Mỗi khi qua bếp, thấy nồi bánh chưng, tôi vẫn không khỏi dòm ngó bằng cặp mắt thèm thuồng, và chỉ mong vớt ra đem cúng rồi hạ xuống để tôi được một mình một cái bánh chưng.

Năm ấy... mẹ tôi gói nhiều bánh chưng, tôi lấy làm vui thích lắm. Khi chia, tôi cứ nằng-nặc xin một cái và một cái nữa để dành. Mẹ tôi nghiêm sắc mặt mà bảo : « Thế ra con ăn tranh cả phần những người dưới trại à ! »

Thưa độc-giả, « *người dưới trại* » đây không phải là các chú lính lệ mặc áo hạt cau chỉ quen bịch ngực dân đòi tiền sở hầu, mà là những tù còn phải giam cứu.

Hồi xưa, hằng năm, cứ tết đến, các nha-môn vẫn hay phát bánh trái, mứt cùng chiếu cho các tội-nhân.

Chỉ riêng tôi, cứ mỗi lần xuân sang, lại phải mắng vì nỗi đòi hai cái bánh chưng và vẫn tự cho mình là không được bằng những người dưới trại !

Thế mới biết cái tục tết đến, phát bánh trái cho các tù-đồ ấy đã có từ xưa ở nước ta.

Ngày nay các công việc cứu-tế mỗi ngày một bành-trướng. Tuần-lễ từ-thiện ở bên Pháp mà cô Mallel nghĩ ra năm 1927 và tuần-lễ từ-thiện của thành-phố Hà-nội năm 1936 biết đâu không phải cùng một ý nghĩ như cổ-nhân.

Mà tôi ngày nay đương theo đuổi việc cứu-tế há không phải để chuộc cái lỗi : một mình đã đòi hai cái bánh chưng đó ru ?

TIỀN-ĐÀM

MỘT TẾT

Ở ga xe-lửa Saigon, một bạn văn đưa trong túi ra một phong bánh đậu lớn, vừa cười vừa dặn :

— Rồi sao cũng phải có một tập bút-ký về cuộc lữ hành này đấy !

— Anh lại muốn chúng ta có, sau tập *Một tháng ở Nam-kỳ* của ông nguyên chủ bút báo Nam-Phong, tập Một tháng ở Nam-kỳ thứ hai nữa sao ?...

Ra đây kể đã gần một năm mà tôi vẫn chưa chiều được ý bạn. Ấy là ngay khi tàu chuyển bánh, lại sau này, bao lần, vì tình bạn, vì văn chương, vì ý riêng, tôi đã muốn lấy giấy bút ghi những cảm súc rào rạt trong lòng.

Nếu lượng được nhược điểm chung của chúng ta là ngại ngùng mỗi khi muốn đem những cái gì của chính tâm hồn ra làm tài liệu văn-chương, chắc các bạn cũng sẵn lòng tha thứ.

Hôm nay tự nhiên cái viễn ảnh phải sống một tết xa gia-đình, giữa một đô-thành đầy xuân sáng, khiến tôi hồi tưởng đến cái tết buồn năm ngoái ở Saigon.

Và tôi chép ra đây.

◆

Năm ngoái, nếu tôi nói đến cái xuân, ấy chỉ là nói đến hình ảnh cái xuân đương sang ở những nơi đâu khác.

Ba ngày gần Tết, chợ Bến-thành tưng bừng. Đó là nơi tụ họp của tất cả hạng người ở đây và lục tỉnh. Người ta đến để sắm Tết, để tìm sự tiêu-khiển của những ngày chợ-phiên.

Người ta đi mua những gì ?

Rượu bia, nước chanh từng hòm, dưa hấu từng xe, dùng để tiếp khách. Bấy nhiêu cũng đã có thể đem lại cho một gia-đình hình ảnh của cái Tết, cũng như người ngoài Bắc ta, mấy cặp bánh trưng, một liễn dưa hành, đôi câu đối đỏ.

Phải, chỉ có nước chanh và nước chanh, dưa hấu và dưa hấu.

Ngoài ra, tôi cố ý tìm một chậu cúc, một củ thủy tiên, một cành đào, nhưng tìm sao cho thấy ! Tôi cố chờ một làn gió lạnh đem về mấy hạt mưa phùn, nhưng tôi chỉ được thấy nền giời xanh biếc hắt xuống chúng tôi cả cái nắng một mùa hè.

Đành tôi phải đi tìm cái phong vị Tết ở những tờ báo, tập sách bầy la liệt trong những nơi mà chúng tôi gọi đùa là những « quán bán xuân ». Cũng như ngoài Bắc, báo chí thi nhau ra số Tết. Cũng những màu rực rỡ cố hình dung cái xuân với những cành đào, chậu cúc... Đây, bức tranh một thiếu nữ mỉm cười trước đóa hóa mới nở. Người ta bảo nàng nhìn hoa mà tưởng chừng cái xuân đang phảng phất quanh nàng. Riêng tôi, tôi cảm thấy trong cả bức tranh kia một cai gì giả dối, gượng gùng, gượng gùng trong đóa hoa, trong thiếu nữ. Tôi đòi hỏi cho bức tranh một bầu giời dịu dịu, trong ấy cây, cỏ, lá, hoa đang hớn hở với cái xuân mới tại. Làm thế nào sau khi ngắm bức tranh, quay mắt tôi được nhìn một bà già ngồi cạnh lò than hồng, khâu vội để kịp Tết mấy chiếc áo màu cho các cháu thân yêu ?

Và đây bức phác họa mấy chén trà đang bốc khói bên chiếc ấm con. Tôi cảm thấy sự bỡ ngỡ của chừng ấy thứ khi nghĩ rằng mai đây người ta sẽ mời nhau những cốc giải khát xen với những miếng dưa đỏ, chứ nào có được tặng nhau những chén đượm hương trà lẫn với hương xuân. Trong giây phút tôi có ý nghĩ, nếu vẽ riêng cho tôi, tất họa sĩ đã vì năm nay tôi thiếu xuân mà muốn cho tôi được hưởng xuân trọng tưởng tượng. Hay đâu, càng tưởng tượng thấy cái xuân đầm ấm bao nhiêu, tôi càng thấy thiếu cái xuân bấy nhiêu.

◆

Tôi đang đi, định mua mấy tập sách, báo, vài gói hạt dưa, nghe tiếng gọi, quay lại, không ngờ được gặp một bạn nhà văn ở Bắc vào đây định mở một tờ báo.

Sự vui mừng của chúng tôi tưởng không cần tả.

Sau vài câu chuyện hỏi thăm qua loa, chúng tôi kéo nhau ra khỏi chợ, tìm một « cái xe giải khát ». (Ở chợ Bến-thành có nhiều xe ô-tô làm thành những quán nhỏ bán giải khát, đặt thành giấy phía ngoài

THIẾU XUÂN

chợ).

Chúng tôi ngồi vừa uống rượu bia, nhấm những củ kiệu và tôm khô, mấy thứ giải khát rất phổ thông ở Nam-kỳ, vừa trao đổi một vài cảm tưởng về Saigon. Chúng tôi cùng buồn khi nói đến cái Tết sắp đến.

Anh cho tôi biết rằng một số nhà văn quen, trong ấy có cả anh, định đến mồng hai Tết sẽ tổ chức một cuộc gặp mặt. Anh mời thế nào tôi cũng sẽ đến cho vui, sẽ có cuộc ngâm thơ và hòa nhạc.

Tôi tán đồng ý ấy với tất cả vui mừng.

Phải, có lẽ đấy mới là cái Tết chung của một số người chỉ sống về tinh thần.

Xong, chúng tôi lại kéo nhau vào chợ, đi xem qua một lượt nhìn mỗi thứ hàng hóa bạn tôi lại bình phẩm và nói những cảm tưởng do những hàng hóa ấy gây nên.

Anh không như tôi, không đi tìm cành đào,.. anh bảo : « tôi đã nhờ một anh bạn làm ở một công ty hàng không mỗi thứ sáu có vào đây, đem cho tôi mươi bông hoa cúc. Nếu có tôi sẽ cắm những hoa ấy vào chiếc lọ tôi đem từ ngoài Bắc vào, để ở buồng khách, nơi gặp gỡ của chúng ta mồng hai này.

◆

Ngày ba mươi, tôi chờ trời tối hẳn mới ra đi, hi vọng sẽ được thấy cảnh đêm ba mươi ngoài Bắc : các nam thanh nữ tú xen vào các ông già bà cả dự những cuộc hành hương ở các đền chùa.

Nhưng không. Phố xá cũng như tâm hồn tôi, vừa trống trải, vừa hiu quạnh.

Thuê một cỗ xe thồ mộ — cỗ xe đơn-sơ, một ngựa kéo — tôi ngồi lên, bảo cho chạy đi đâu thì chạy. Trong thành phố tối om (1). tôi chỉ nghe tiếng vó ngựa đập đều đều xuống đường. Ai bảo đó không phải là cỗ xe của một du khách hãn mạn ?..

Hai bên đường những cánh cửa sắp đóng lại cả để giữ cho nguyên vẹn cái hương đầm ấm của gia đình.

Trong giây phút lôi đã mạnh mẽ nghĩ đến những người thân : thân phụ tôi năm nay ngoài bảy mươi tuổi có lẽ đang một mình ôn lại những cái Tết trước để hưởng trong dĩ vãng cái thú xum vầy của con cái mọi năm.

Anh tôi ở một nơi gần phòng tuyến. có lẽ đang gạn lấy chút mùi thuốc súng thay mùi thuốc pháo..., vừa hôm nào bảo tôi gửi cho một cái áo da và một đôi giầy cao cổ để có nhiều đinh sắt để đi đường...

Càng nghĩ, lòng tôi càng sắn lại.

Đã có những phút như điên dại tôi muốn xuống xe gõ cửa một gia đình bước vào tìm chỗ chú ẩn cho cái tâm hồn tôi đang điếng lạnh..

◆

Tôi về nhà, đêm đã khuya, nhà tôi ở trọ đang sửa-soạn lễ giao-thừa. Muốn tránh những công-việc mà tôi biết nếu có làm cũng chỉ gượng-gạo mà thôi — hưởng cái vui trong phút xuân về — Tôi cáo mệt vào buồng riêng định đi nằm. Nhìn thấy mấy gói « kẹo vàng » « kẹo bạc » mua hồi chiều, tôi cầm trở ra mừng tuổi mấy trẻ em của chủ-nhân. Cầm gói quà, nói mấy câu thành-thực, tôi cảm thấy một nỗi khổ-tâm không bờ-bến ; tôi nghĩ đến mấy đứa cháu nhỏ của tôi xa cha, xa gia-đình, cùng mẹ bơ-vơ...

Xong công-việc ấy, tôi trở vào buồng, nằm nghĩ cho hết nốt mẩu thừa của năm cũ.

◆

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm, để sống cái Tết theo chương-trình đã định.

Tôi khai bút... không phải tìm một tờ giấy hoa-tiên với những câu : *minh niên khai thánh bát*, vân vân... mà bằng một bức thư gửi về cho gia-đình.

Đặt cái bút máy trên mảnh giấy chưa một nét đen như năm mới vừa bắt đầu, tôi vừa ngồi suy-nghĩ vừa cắn hạt dưa. Những vỏ bẻ gãy tôi đem bày trên khăn bàn trắng tinh trông như một đàn chim én bay về một phương giời xa nào đó. Vô tình tôi đã bày ra một nơi một vỏ, một con én lạc đàn !

Những ý-nghĩ buồn sắp ở-ạt đến cho tôi theo « con én lạc đàn đó ». Tôi phải cắt đứt ý-nghĩ. Bắt đầu cái thư gửi cho huynh-trưởng tôi :

« *Hôm nay đã lại mồng một Tết, Em nói như vậy không phải để bắt chước người xưa tỏ sự ngạc-nhiên khi thấy xuân về đột ngột. Em có cảm-tưởng, từ đêm qua, đã theo thời-gian từng bước một. Em đã miễn-cưỡng theo nó bước qua cái ngưỡng cửa của một năm. Em nói miễn-cưỡng vì em có mong đâu Tết đến !*

« *Đối với em, năm cũ hết chỉ là một dịp để em sống lại một cách nhanh-chóng những ngày của năm vừa qua*... »

Bức thư cứ thế kéo dài... hết bức ấy đến bức khác. Tôi ngồi viết mãi cho đến trưa mới xong...

Để an-ủi, tôi nghĩ tuy ở xa, một mình trơ-trọi, lại được sống những giờ đầu tiên của năm, cái Tết với gia-đình. Phải, tôi đã hoàn-toàn của gia-đình tôi trong những giờ đầu tiên ấy...

LÊ THANH

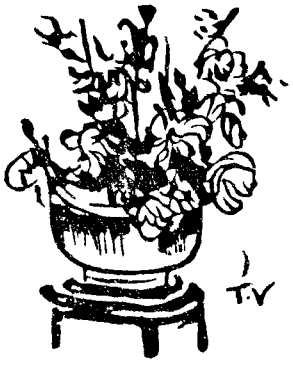

1.) Ánh sáng thời kỳ chiến tranh.

Cảnh lộc đầu xuân

TẾT nam ấy, tôi lên tám.

Theo lệ thường hôm mồng một tết mẹ tôi sửa mâm xôi con gà, đưa ra chùa lễ Đức Ông là nơi bán khoán tôi lúc mới đẻ (nghĩa là lúc bé, mẹ tôi đem bán tôi cho Đức Ông làm con nuôi để nhờ Đức Ông trông nom hộ cho dễ nuôi).

Chín giờ sáng, tôi thắng bộ : giày da láng mới đen nhánh, bít tất lụa mỡ gà bóng nhoáng, quần lụa nguyễn trắng quét đất, áo nhiễu tam giang thúng thính gần đến mắt cá, đầu quấn khăn lượt thâm lại quàng khăn bịt tai nhiễu xanh. Giứt tiếng một tràng pháo đi đẹt, lễ gia tiên xong, tôi theo mẹ tôi ra chùa.

Ngõ xóm, đường làng có vẻ sạch sẽ hơn mọi hôm. Một cảnh tượng sáng sủa khác hẳn ngày thường nổi bật lên. Trái hẳn với những cảnh người già rách-rưới bẩn-thỉu, trẻ con lôi-thôi nheo-nhóc, hôm nay ai cũng sạch-sẽ, lành-lặn, tươi-tỉnh. Mọi khi người cùng làng gặp nhau thờ-ơ bao nhiêu, hôm nay đon-đả bấy nhiêu, chào hỏi ân cần, chúc tụng vui-vẻ.

Ra đến chùa, đã thấy tấp-nập, song phần nhiều chỉ các bà già và trẻ con là đông hơn. Đi lên chỗ thờ Đức Ông, phải qua một cái vườn hoa, trong đó tôi chỉ còn nhớ có một cây đào, hoa đỏ lác-đác xen với nụ và lá nõn. Năm nào lễ xong, tôi cũng xin nhà chùa một cành lộc, gọi là lấy may, đem về đốt cuống, cắm vào một cái chai đã đổ nước sẵn, để chơi mấy ngày xuân.

Hôm ấy, đi qua dưới gốc đào, tôi đã để ý chọn được một cành vừa xinh : không to, không nhỏ, bên trên tủa ra ba trạnh con đều đặn, tuy mới có vài cai hoa nở, song nụ thì nhiều, lại không có sâu. Súy phần sẵn để chốc nữa giở xuống ta sẽ bẻ đem về nhà, năm nay chắc là phát tài sai lộc.

Độ nửa giờ sau, lễ xong, giở ra, thì... một sự kinh -ngạc : cành kia ai đã bẻ tay trên mất rồi ! Còn đang ngơ-ngác trông lên cây đào, thì ở giữa sân một tụi bà, bốn đứa trẻ đang lao-sao : « Cành lộc đẹp nhỉ ! Cho tao nào ! — Hợm nhỉ ! »

Tôi quay đầu trông xuống, thì rõ ràng cành lộc của mình súy phần lúc nẫy, bây giờ đang ở trong tay một con bé con độ lên bẩy, lên tám. Tức quá, chẳng còn nghĩ đến những cái kiêng của ngày mồng một tết mà mẹ tôi đã dặn đi dặn lại sợ dông suốt năm. Tôi liền chạy sấn đến, giựt phắt lấy cành đào ở trong tay con bé con, và quát bảo nó rằng : « Cành lộc của tao, sao mày dám bẻ ? »

— « Cành lộc nào của nhà cậu ! con bé vừa mếu vứa nói. Tôi vừa xin của nhà chùa. Có giả tôi đây không nào... ! »

Mẹ tôi đi sau, vội-vàng chạy đến, dúi vào tay con bé một đồng hào mới tinh, và bảo nó rằng :

— « Thôi em, em chơi làm quái gì cái cành hoa ấy ! Tôi đền cho một hào đây này ! »

Con bé con rụt tay lại không chịu cầm đồng hào, và vẫn mếu vẫn lầm bầm : «Giả tôi đây nào... !»

Một người đàn bà, ý chừng là mẹ con bé con, từ nẫy vẫn đứng yên, lúc ấy mới chạy đến, sẽ bảonó :

— « Thôi con nín đi, khóc rồi dông cả năm ! Bà cho đồng hào, cầm lấy. Chốc nữa ta ra đình đánh thò-lò, chả thích hơn chơi cành đào à ! »

Con bé con nghe thấy hai tiếng « thò-tò », tức thì như mặt giời đang bị đám mây che, bỗng bừng ló ra, hai mắt đang lướt-mướt, sáng hẳn lên, cặp môi tươi để lộ ra hai hàm răng trắng nõn, liền giơ bàn tay xinh-xẻo cầm lấy đồng hào trắng tinh, lấp-lánh.

CÁCH-CHI

Lầm nhà

Tiếp theo trang 41

chẳng lấy gì làm hân-hạnh về sự tiếp đãi ân cần của mẹ con bà chủ.

Về nhà thuật chuyện, cả nhà đều buồn cười không sao nhịn được. Rồi, trong khi trận cười chưa hết, ngoài cổng đã lù lù tiến vào một cô xuân-nữ đi lễ tết. Cô chính là con gái bà góa mà tôi vào nhầm nhà lúc nãy, bà góa sai xuống để đáp lễ nhà tôi. Đã chết nhau chưa ! Sợi tơ xuân vô tình tự buộc vào mình. Tuy chưa phải là đã đi đến sự thực, nhưng nghĩ về môn hộ, bấy giờ tôi có lòng tự ái một cách hẹp hòi, tôi cho như thế đã là điều đáng xấu hổ lắm. Mẹ tôi chừng cũng nghĩ như tôi và muốn giải sự hiểu lầm ấy, trong khi ngồi tiếp thiếu nữ, bèn kiếm cách nói cho cô biết rằng lúc nãy tôi đã đi lễ nhầm nhà.

Khi hiểu ra, thiếu-nữ sượng sùng bẽn lẽn, đứng dậy từ về. Tôi trông mà bất giác động lòng thương cảm, như thương một người tranh-cử bị kém phiếu. Tôi tự trách mình là năm mới đã làm một điều tội lỗi. Muốn chuộc lại, và muốn dành cho lòng thiếu-nữ một chút cảm tưởng êm dịu, tôi tiễn chân ra cổng và đưa theo với một nụ cười đượm xuân.

TRÚC-KHÊ

TRẬN ĐỐNG ĐA

Tiếp theo trang 19

V. — Vua Tàu hiểu dụ

Trong bộ *Đông Hoa toàn lục* (tập 108. tờ 50b), có một đạo chỉ-dụ của vua Kiền-long sai Ô-đại-Kinh đem người đi đường Khai-hóa sang nước Nam tiễu-trừ đảng Tây-Sơn. « Nếu Nguyễn-Huệ còn đóng ở thành nhà Lê, — đây là lời hiểu-dụ của vua Tàu, — thì chính là sa vào lưới ta. Tôn-sĩ-Nghị và Ô-đại-Kinh nên cùng đánh cả hai đường ; như thế có thể hẹn ngày bắt được thủ-phạm, càng đỡ công việc. Còn Nguyễn-Huệ đưa về nội-địa. Bả-tổng là lũ Hứa-xương-Nghĩa đệ tờ bẩm nói dối rằng Lê-duy-Cần là con Lê-duy-Đoan (tức là Lê Cảnh-hưng 1740-1786) quốc-vương cũ. Theo thứ bực thì nên lập Lê-duy-Kỳ (Chiêu-thống). Lê-duy-Kỳ không biết sống biết sống chết thế nào. Song Hứa-xương-Nghĩa xin đưa mẹ y và quyến-thuộc về nước, cầu thiên triều bãi binh. Cứ Tôn-sĩ-Nghị xét hỏi bồi-thần, thì Lê-duy-Cần là người si-ngốc, mà Nguyễn-Huệ thì mưu hại quyến-thuộc Lê-duy-Kỳ. Tôn sĩ-Nghị thấy những việc kể trên càng quở mắng tệ: danh-nghĩa ngay thẳng, đủ làm thất đởm bọn giặc. công việc rất tốt. Duy có Hứa-xương Nghĩa nói giặc ở sông Phú-lương (Nhị-hà) đóng thuyền to đặt nhiều mái chèo, chở súng nặng hai ba mươi cân : cái đó chỉ để khoe-khoang ! Hứa-xương-Nghĩa là người bị gió trôi rạt đến đất Nam giao, được Nguyễn-Huệ đưa về nước. Những nhời y nói về tình hình nước Nam, chẳng qua Nguyễn-Huệ cho phao lên để làm kế hoãn quân, không nên bầy tỏ ở chỗ quân lính, vì quân lính đi tiểu toàn có một khí-lực hăng hái, sợ không xét hư thực, thì nghe thấy lại chán-nản chẳng Nếu có quan-hệ, Tôn-sĩ-Nghị sao chưa lo ? Sau này, nếu giặc lũ ấy (là Hứa-xương-Nghĩa) nói phao tình-hình bên giặc, nên giữ kín, không nên lộ ra ở chỗ quân lính. Nếu có những quan văn võ không được cẩn-mật, nên lưu ở chỗ phụ-cận, chớ dùng để nói càn, nói dối.

« Còn việc An-nam nội loạn, Tôn-sĩ-Nghị tâu nước ấy thần-phục thiên triều đã lâu, tình-thế khó để im Nguyễn-Huệ là thổ-tù, cậy khỏe chiếm cướp. Lê-duy-Kỳ không thể tự mình phấn-trấu lên được. Vì thế Đốc-phủ đã nhiều lần tâu xin đem quân sang dẹp để thu phục, cố chí giết Tây-sơn mà giúp nhà Lê, xem rất chính-đáng Phàm làm công việc to, tuy không nên lo sợ, nhưng cũng phải trù-liệu cho hoàn-toàn. Việc này nếu quả có thể đánh được sào-huyệt bắt kẻ cừ-thủ, đem Nguyễn-Huệ và hết thảy bọn đồng-đảng đi, thì nước ấy mới yên, mà không lo sợ về sau nữa. Nhưng ngại lũ Nguyễn-Huệ tự biết tội không thể tha-thứ thấy đại-binh thế mạnh, trốn-tránh xa-xôi; vậy muốn bắt, phải chờ thời. An-nam lại có chướng-khí : lương thực binh-lực Trung-quốc không thể đóng lâu ở chỗ viêm-hoang. Vì nước thuộc-hạ phòng giữ, Tôn-sĩ-Nghị nên đợi sau khi thu-phục được thành nhà Lê, theo chỉ-dụ đem sắc phong cho Lê-duy-Kỳ làm cho vui-vẻ để phấn-trấu thêm và xem những chỗ hiểm-yếu, phái những thổ-quan quân-dân nước ấy đáng dùng để phòng-giữ nghiêm-mật, sai những đầu-mục ở các trấn đồng tâm chống giữ cho Tôn-sĩ-Nghị nên đem quân về nội-địa, bất-tất đóng lâu ở Annam. Nói tóm lại, Đốc-phủ bận này đem quân đi trước, định bắt sống lũ Nguyễn-Huệ là thượng-sách ; không thời, thu-phục thành nhà Lê để cho Lê-duy-Kỳ lấy lại bờ-cõi, không mất thể-cách thiên-triều nuôi nước nhỏ, giúp nước mất, được xong công việc cũng là trung-sách. Lại xem, thu-phục thành nhà Lê còn dễ, mà bắt sống được Nguyễn-Huệ thì thật khó ? Tôn-sĩ-Nghị đã cố sức từ trước không được, ngại tình-hình khó-khăn, nên kíp làm tờ tấu bầy tỏ. Trẫm lại nghĩ không chỉ-bảo không được, tưởng nên lui và đợi thời, không đến nỗi vất-vả khó-nhọc Đốc-phủ là người hiểu việc, tưởng bắt được Nguyễn-Huệ ngay không khó, quyết-đoán không câu-nệ, nhưng sắp xong việc, lại tâu có sự khó khăn. Chẳng hại gì đợi sau khi thu-phục thành nhà Lê, sai Lê-duy-Kỳ về nước ; nếu quả Nguyễn-Huệ

Đống Đa (ở ấp Thái-hà, Hà đông), nơi đã nuốt xác quân Thanh ngày mồng năm tháng giêng năm Kỷ dậu. Phía trước là đền Trung lương, phía sau là chùa.

CUỘC ĐẮC THẮNG CỦA TUỔI XUÂN

Tiếp theo trang 15

Đọc xong đoạn đó, chàng thấy thoáng qua trong óc một ý nghĩ thẹn thùng và như thấy cha chàng đang đứng trước mặt mà nghiêm-nghị đặt lời diếc móc! Chàng hơi hận đã coi thường lời nghiêm-huấn.

Lúc đó, giữa sự phân vân, trong đầu óc chàng có một cơn giông tố hãi hùng của tình yêu và bổn phận. Sau phút quyết-liệt, chàng mạnh bạo gấp sách đi nằm và tỏ vẻ vui mừng như người chiến sĩ ca khúc khải-hoàn.

Sau ba ngày tết nghỉ, trước trại Hoa-Lê, người ta thấy hòm siêng của Thìn chất trên một chiếc xe tay và cuộc tiễn đưa có vẻ ngậm ngùi.

Thìn cố làm ra vẻ tự nhiên bắt tay Tâm và trò chuyện với Hồng trước khi lên phố ở... Nhưng chàng vẫn không giấu được tình quyến luyến cảnh và người ở trại Hoa-Lê.

Khi tiễn lên xe, ngả mũ chào chàng thoáng nhìn thấy một vẻ buồn lướt qua trên mặt Hồng và lúc chàng đi khỏi thì trong cặp mắt nhung của Hồng như thấy long lanh ngấn lệ.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Trận Đống đa

Tiếp theo trang 45

trốn xa, khó bắt sống, cứ thực tâu rõ đem quân về nước. Đốc-phủ khéo thể tất ý trẫm, làm cho hoàn-toàn.

Nhưng Đốc-phủ làm hỏng!

VI. — Sách ta kết luận

Vì thế quyển *Thăng-long hoài-cổ* (sách viết của trường Bac-cổ, số A 1666, tờ 9 b) có bốn câu thơ chữ như sau này, nay đem ra làm kết-luận.

Tả vấn Thanh lai đắc nhất vương,
Gải giao nghịch tặc chuyển vi cường?
Long thành thử địa y hà tự,
Thanh-sứ trùng lai đổng nhất trường

Đại-khái nghĩa là:
Hỏi Tàu lại được việc gì,
Để cho quân giặc có bề mạnh thêm?
Long thành này hãy chờ xem,
Sứ Tàu qua nữa còn thêm não-nùng!

Ông hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

NHÌN QUA VĂN - HỌC

Tiếp theo trang 23

chương nước nhà v. v... Không có thứ chữ ấy, ta có thể gọi là người không có căn-bản vậy...

Còn hạng tùy lưu trục ba, có kể làm gì.

Có điều đáng mừng là năm vừa rồi, nhiều người vốn có tâm-huyết đối với quốc - văn, đã làm được nhiều công-việc từ-ngữ đáng chú-ý. Tôi muốn kể những cuốn như *Việt - nam văn phạm* của ông Lệ Thần Trần trọng-Kim (có sự giúp sức của các ông Bùi-Kỷ và Phạm duy Khiêm), tập *Dạng-bảng văn-pháp* của ông Vệ-Thạch Đào duy-Anh.

Chúng tôi lại còn được biết trong năm vừa qua đã có nhiều nhà văn-học bắt tay vào soạn những bộ từ-điển rất lớn, và có giá trị, nếu xong có thể giúp ích cho văn-học ta rất nhiều.

Những công việc đã có sự hoàn thành hay còn đang trong thời kỳ tiến-hành tôi vừa kể có thể nói là còn rất ít.

Tuy vậy nó có thể là một cái mầm, những cái triệu-chứng của một trào-lưu văn-học mới mà chúng ta sẽ được đón lấy: phụng - sự từ ngữ Việt-nam.

Sang năm tới đây, nếu sự phỏng đoán của tôi không đúng, tiếng của mình vẫn bị người mình rẻ rúng, làng văn ta chẳng được nhận của ai một công-trình từ-ngữ có giá-trị, mong bạn đọc cũng lượng cho và coi những lời tôi viết năm nay đây như những lời của một người thiết tha mong người mình mau trở lại với tiếng của mình mà từ trước đến nay phần đông hãy còn ra chiều ghẻ-lạnh!

(*Còn nữa*) LÊ-THANH

Xuân thiên ngẫu đề

Xuân thiều thừa hạ ỷ đông song,
Đối thứ phương - thiên, hứng chính nùng!
Duần nộn họa thiên: quân-tử, trúc
Diệp thanh già địa: trượng-phu tòng.
Thi thành: thủy-liễu sơ canh nguyệt.
Cầm lộng: thụy-dương bán dạ phong.
Hoàn vũ sự tàng hoàng quyền nội,
Tâm trung, thể tịnh, tự thung-dung.

Dịch

Ngày xuân rỗi-rãi, tựa bên song.
Đối cảnh trời thơm, hứng cũng nồng!
Măng, viết vẽ trời: quân-tử trúc.
Lá, tàn che đất: trượng - phu tùng.
Trăng dòm cụm liễu: thơ theo bước.
Gió đầy cành dương: nhạc dậy lòng.
Thế sự gồm trong chồng sách đãy,
Trí yên, vóc khỏe, hưởng thong-dong.

NGUYỄN KIM-ANH

NỤ CƯỜI XUÂN...

Câu đối tết

ÔNG đồ Khà thực xính chữ, tết nào, bận đến đâu, ông cũng không quên gián lên đôi cột mọt ở cổng hai vế câu đối bằng giấy hồng điều chữ mực tầu đen lay láy.

Hôm ấy là mồng một tết, có người đến xông đất, bà đồ tiễn khách, khi ra tới cổng, gặp anh khóa Rỉ đang đọc lầm nhầm : Bộc trúc nhất thanh trừ cựu-tuế ; hàn mai số-điểm nhạ tân-xuân (1)».. rồi anh ta vừa đi vừa khen : « Bá ngọ nó, câu đối hay ! » Bà đồ nghe thấy, giận tím gan, tức tốc vào gọi ông đồ . ông chẳng cứ chữ với nghĩa mãi, ra mà xem, mới đầu năm đã đề cho người ta làm dông rồi đấy ! Ông đồ ung-dung mà rằng : ai nói gì để tôi nghe.

Ngày tháng cứ lần trôi, chẳng bao lâu xuân đã về với các màu sắc tươi thắm. Hôm cuối năm, ông đồ Khà cặm cụi cả buổi sáng. Thế rồi người qua lại ai cũng lấy làm lạ trông thấy ở cột cổng nhà ông hai mảnh giấy bôi đỏ loè loẹt khoảng giữa có mấy ô tròn để trắng, trong mỗi ô vẽ một thứ. Suốt mấy ngày tết, bọn trẻ tò mò kéo nhau đến trước cổng bàn tán, tranh luận ầm ỹ mà rút cục chưa anh nào đoán ra được là cái gì Thấy thế, thím mõ ở gần đấy cũng sang xem và — làm như một người trọng tài — bô bô cắt nghĩa cho lũ trẻ : Này nhớ, đây là *cây nêu cao, cái pháo nổ, tấm bánh chưng xanh..* ; còn bên này thì *miếng thịt mỡ, cả dưa hành, chiếc câu đối đỏ.* Đám trẻ nhắc đi, nhắc lại, rồi đồng thanh reo : « Hay, hay quá ! »

Khi ấy ông đồ đang ngồi uống rượu nghe thấy, thích chí, vỗ mạnh vào đùi, lầm bầm một mình ; « Có thế chứ, năm nay lão nghĩ ra lối « câu đối tân thời » để con mẹ mõ làng này cũng đọc nổi, xem « nó » còn nói lẩo vào đâu được nữa ? »

Xưa nay ai dám bảo nhà nho không thâm.

VÂN-THẠCH

(1) *Tiếng pháo nổ rau trừ năm cũ, Hoa mai đua nở đón xuân sang.*

Cháu 22 đời Lý-Anh-Tôn

Tiếp theo trang 3

tặng cho tôi một bài thảo-cứu về việc ấy, đầu đề là: *An-nam Hoa-sơn quân Lý long-Tường chi sự tích.*

Tôi xem xong, mới biết họ Lý Hoa-sơn là ông Lý-long-Tường, hoàng-tử thứ hai của vua Lý-Anh-Tôn, và là anh vua Lý Cao-Tôn là Lý-Long-Hàn. Năm 1226 Tây-lịch (là 716 năm về trước) nhân tị nạn Trần-thủ-Độ (Khi ấy Trần-thủ-Độ giết hại hoàng-tộc họ Lý một cách rất tàn-nhẫn) mới mang đồ tế-khí trốn sang nước Triều-tiên Sau khi ông đến Triều tiên được 27 năm, là năm 1253, thì ông đánh giặc Mông-cổ, giúp nước Triều-tiên, được vua Triều-tiên phong chức là Hoa-sơn-quân Nay có di-tích còn lại là *Việt-thanh-nham* và bia kỷ-công là *Thụ hàng môn bi các* và di-tích thành Hoa-sơn mà nay con cháu sinh trưởng đông đúc ở bên ấy thành ra một làng người Việt-nam. Có ảnh một người cháu 22 đời của Lý Anh-Tôn là ông Lý Tích-Mô.

Thực là một sự vinh-diệu đặc-biệt trong lịch-sử ta mà ở trong sử ta chưa từng biết đến. Sự-tích ấy không khác gì ông Sơn-đền-Trường-chánh Nhật-bản đánh giặc giúp vua Tiêm-la xưa, mà về sau ở Vọng-các có phố người Nhật-bản vậy.

SỞ-CUỒNG

Cải-chính

T. T. số 34 này, trang 34, cột 2, giòng 26 : « vua quỷ » sửa là « ma quỷ », cột 3, giòng 11 : « Yêm-Tức » sửa là Yểm-Tức », giòng 23 : « Yểu-Tư » sửa là «*Yển-sư*» ; trang 35, cột 1, giòng 1 : « cùng » sửa là « *dùng* », giòng 2 : « dung » sửa là «*cung*», cột 2, giòng 9 : « vậy thi » sửa là «vậy *thì*», cột 3 giòng 8 : «làm khói » sửa là *làn* khói », giòng 20 : « đèn đỏ » sửa là « *đen đỏ* », giòng 30 : « tình-hoa » sửa là « *tinh*-hoa». Trang 33, cột 2, giòng 6 : «Thần Trà» sửa là «Thần *Đồ*».

Kính tạ

TRI-TÂN ra đời vừa được một xuân. Trong quãng thời-gian mau-chóng ấy, bản-chí tuy chưa đạt được hết tôn-chỉ, nhưng nhờ các bạn thân-yêu gom tài, góp lực, nên nền-tảng đã được vững-vàng. Vậy, nhân dịp tân-xuân, bản-chí xin có mấy hàng kính tạ các bạn đã dày công giúp-đỡ.

Mong rằng, trong khi thẳng bước trên đường văn-hóa, bản-chí cứ được các bạn cộng-tác ngày thêm chặt-chẽ, để thắng những nỗi khó khăn mà đi đến bước thành-công.

Bản-chí lại xin cám ơn tất cả độc-giả thân-yêu trong năm xứ đã từng ủng-hộ, hoặc khuyến-khích hoặc tặng những nhời khuyên-bảo thành-thực. Tín-nhiệm ở lòng sốt-sắng của các bạn đọc, bản chí xin gắng công cố sức mong làm cho tờ báo ngày càng tấn tới hơn, cả hình-thức lẫn tinh-thần.

Riêng về số Xuân này, bản-chí cảm thấy như được ấm-áp trong khí xuân hòa, vì các bạn gần xa đã tỏ ý hưởng-ứng và hết lòng tán-tương.

Tiếc rằng phạm-vi và số trang tờ báo có hạn, Tri-Tân không thể đăng hết bài-vở của các bạn — vì yêu Tri-Tân mà gửi đến — vào cả một số Xuân này theo như ý chúng tôi vẫn muốn được. Ngày xuân còn dài. Xin các bạn lượng thứ.

Bóng thiều-quang rực-rỡ, tương lai đầy hứa-hẹn, Tri-Tân đồng-nhân xin thành-thực trân-trọng cảm tạ trước thịnh tình, nhã ý của các bạn.

TRI-TÂN TẠP CHÍ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1 / Lý triều văn học 4 / Lê triều văn học I
2 / Trần triều văn học I 5 / Lê triều văn học II
3 / Trần triều văn học II 6 / Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên.
Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên.
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:

Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p 00

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả :

Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15p 00

Ngai nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :

Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p 00

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi xuất bản

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng ;

Loại giấy thường bán từ : 10p.00 trở lên
Loại giấy đặc biệt bán từ : 30p.00 trở lên

thêm 2p.00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phai tra.

Loại giấy thường 7p,00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 12p.00

Ngai nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92
Loại đặc biệt 12p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi.

Loại giấy thường 1p.00 } cả tiền cước
Loại đặc biệt 3p.00

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

là nhà đã nhận xuất-bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ

Sách của NHẬT-NHAM

TRỊNH-NHƯ-TẤU

Vị tiền	giá	0p 25
Trịnh gia chính phả	—	0p 40
Hưng yên địa chí	—	0p.80
Bắc giang địa chí	—	1p 40
Gương luân lý	—	0p.15

Bán ở hiệu Đông-tây
195 Hàng Bông Hanoi

GIÁ BÁO TRI TÂN

1 năm	6p 80
6 tháng	3p.50
3 tháng	1p.80

Mua báo xin trả tiền trước
Mandat đề tên ông
Nguyễn Tường-Phượng
Thơ mua báo không kèm mandat xin miễn trả lời và gửi báo
Tòa báo : 195 Hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem ; giá 0p.35 cước 0p.06

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Mới có bán

TANG TÓC

tiểu thuyết của *Vũ-trọng-Can* giá 0p.60

Có thêm phần phụ « Lãng mạn chủ nghĩa »

TRÊN ĐỒI XIM

tiểu thuyết của *Nguyễn-khắc-Mẫn* giá 0p.50

Có thêm phần phụ « Soi gương Jules Verne »

nhà xuất bản

TÂN VIỆT

49 — Takou Hanoi

CON MỘT SỐ ÍT

Thằng Tuất *của Trần-mai-Ninh*	*giá*	0p.45
Nợ Văn *phóng sự của Lãng-Tử*	*giá*	0p.45
Gió Đưa *của Vị Hồ*	*giá*	0p.45
Tiếng còi nhà máy *của Kim-Hà*	*giá*	0p.55
Tôi làm xe *giải thưởng Việt-Báo*	*giá*	0p.88

Mỗi quyển đều có thêm phần phụ dành riêng cho những nhà thức giả.

Từ 21-2-42, ở Hanoi

Tuần báo văn học giáo dục

Bạn-Đường

— Giấy tốt, khổ rộng, bìa màu, tranh ảnh do họa sĩ Lưu văn-Sìu, tốt nghiệp trường Cao-Đẳng mỹ thuật Đông-dương trình bày.
— Bài vở của nhiều nhà văn, lâu nay vắng mặt, có tiếng, có tăm, có tài.
— Số đầu đăng đầu đề một cuộc thi hằng năm, giải thưởng 1000p 00, ban giám khảo gồm các nhà bác học trong học giới nước nhà.

GIÁ BÁO

Một số : 0p 15 *Nửa năm : 3p 60*
Ba tháng : 1p.90 *Một năm : 7p 00*

Ngân phiếu xin đề :
M. le Directeur du BẠN ĐƯỜNG Hanoi.
Thư, bài gửi cho : Ô. NAM-LỘC
86 Jules Ferry Hanoi

壬午年

忠彩雜誌

特刊

花閑署

LITHO NGUYÊN-NINH – HANOI